

CHÍNH PHỦ

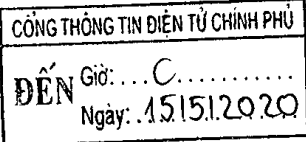
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 217 /BC-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2020

## BÁO CÁO

### Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em



Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 81/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em”, Chính phủ báo cáo Quốc hội việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em như sau:

### PHẦN A

#### ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TRẺ EM VÀ XÂM HẠI TRẺ EM

##### I. TÌNH HÌNH TRẺ EM

1. Số lượng trẻ em trên toàn quốc; số trẻ em nam; số trẻ em nữ.

Số lượng trẻ em trên toàn quốc là 24.776.733, trong đó trẻ em nam là 12.915.365, trẻ em nữ là 11.861.368<sup>1</sup>.

2. Số lượng trẻ em đang học cấp mầm non và các cấp học phổ thông.

Năm học 2018-2019, tổng số học sinh cấp mầm non và các cấp học phổ thông là: 21.394.793 học sinh<sup>2</sup>, trong đó:

- Mầm non: 4.922.383 em
- Tiểu học: 8.482.556 em
- THCS: 5.440.976 em
- THPT: 2.548.878 em

Tỉ lệ đi học chung của bậc tiểu học là 101,0%, bậc THCS là 92,8%, bậc THPT là 72,3%. Ở cấp tiểu học, không có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn về tỉ lệ đi học chung (100,9% so với 101,0%)<sup>3</sup>.

3. Số lượng trẻ em đang trong độ tuổi đi học, nhưng không được đến trường phải tham gia lao động.

Toàn quốc có khoảng 91,7% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học, 8,3% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi

<sup>1</sup>Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Tổng cục Thống kê và Phụ lục Ia.

<sup>2</sup>Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019. Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>3</sup>Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Tổng cục Thống kê.

học (trong đó 7,7% đã thôi học; 0,6% chưa bao giờ đi học). Tỷ lệ này của nữ cao hơn so với nam, tương ứng là 92,5% và 90,8%. Trong vòng 20 năm qua, tỉ trọng dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện không đi học (chưa bao giờ đi học hoặc đã thôi học) giảm đáng kể, từ 20,9% năm 1999 xuống 16,4% năm 2009 và còn 8,3% năm 2019<sup>4</sup>.

#### 4. Số lượng trẻ em bỏ nhà đi lang thang, không có nơi cư trú ổn định.

Tính đến năm 2017 (trước khi Luật trẻ em 2016 có hiệu lực), có khoảng 3.325 trẻ em lang thang là trẻ em rời bỏ gia đình, tự kiếm sống, nơi kiếm sống và nơi cư trú không ổn định; trẻ em cùng với gia đình đi lang thang<sup>5</sup> (theo Khoản 2 Điều 3 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004).

Trong Luật trẻ em năm 2016 không quy định về nhóm trẻ em lang thang mà chỉ quy định trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (bao gồm trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc).

#### 5. Số lượng trẻ em có cha, mẹ ly hôn.

Theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê thụ lý giải quyết các vụ án ly hôn của Tòa án theo dõi Tiêu chí “Số con dưới 7 tuổi trong các vụ án ly hôn và số con từ 7 tuổi đến dưới 18 tuổi”<sup>6</sup>.

Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018, có 78.453 người chưa thành niên có cha mẹ ly hôn, ước tính trẻ em (người dưới 16 tuổi) là **71.800 em**.

Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/6/2019 có 53.980 người chưa thành niên có cha mẹ ly hôn, ước tính trẻ em (người dưới 16 tuổi) là **49.400 em**.

#### 6. Số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Có 1.773.112 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, chiếm 7,16% dân số trẻ em<sup>7</sup>.

## II. TÌNH HÌNH XÂM HẠI TRẺ EM

### 1. Số lượng trẻ em bị xâm hại và nguy cơ bị xâm hại

Theo nghiên cứu năm 2016 của UNICEF, mỗi năm có khoảng **1 tỉ trẻ em** tương đương một nửa dân số trẻ em trên thế giới gánh chịu bạo lực<sup>8</sup>. Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực có tỉ lệ trẻ em bị bạo lực và xâm hại cao, tỉ lệ xâm hại thân thể dao động từ khoảng 10% (Trung Quốc) đến 30,3 % (Thái Lan)<sup>9</sup>. Trẻ

<sup>4</sup>Báo cáo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Tổng cục Thống kê.

<sup>5</sup> Phụ lục Ib.

<sup>6</sup> Công văn số 39/TANDTC-TH ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân tối cao

<sup>7</sup> Phụ lục Ia.

<sup>8</sup>“Ngăn ngừa bạo lực đối với trẻ em, làm thế nào để điều này góp phần xây dựng những nền kinh tế vững mạnh hơn”. Unicef. Năm 2016.

<sup>9</sup>“Xâm hại trẻ em ở Đông Á và Thái Bình Dương, mức độ phổ biến, vụ việc và hậu quả. Rà soát hệ thống các nghiên cứu”. Unicef. Năm 2012

em trong độ tuổi từ 1 -14 tuổi ở Việt Nam phải chịu ít nhất một hình phạt thể chất và tâm lý là 68,4%<sup>10</sup>.

a) Tình hình trẻ em bị xâm hại theo số liệu báo cáo những trường hợp bị phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật:

- Từ năm 2011 - 2014, toàn quốc có 7.211 trẻ em bị xâm hại<sup>11</sup>.

- Từ năm 2015 đến ngày 30/6/2019, toàn quốc có 8.709 trẻ em bị xâm hại (1.672 nam; 7.037 nữ)<sup>12</sup>, trong đó:

+ Xâm hại tình dục: 6.364 vụ, 6.432 trẻ em bị xâm hại.

+ Giết trẻ em: 170 vụ, 191 nạn nhân.

+ Cố ý gây thương tích đối với trẻ em: 536 vụ, 666 em.

+ Mua bán, bắt cóc, chiếm đoạt trẻ em: 126 vụ, 106 em.

+ Xâm hại khác: 1.246 vụ, xâm hại 1.314 trẻ em.

Trong đó, trẻ em dưới 6 tuổi: 627 em (chiếm 7,2%); trẻ em từ 6 đến 13 tuổi: 2.621 em (chiếm 30,1%); trẻ em từ 13 đến dưới 16 tuổi là 5.461 em (chiếm 62,7%).

b) Lao động trẻ em: Có 1.031.944 trẻ em (chiếm 5,36%) trong độ tuổi từ 5-17 tuổi được xác định là lao động trẻ em<sup>13</sup>, trong đó có 501.095 trẻ em không đi học (chiếm 48,56% lao động trẻ em), 15.055 trẻ em chưa từng đi học (chiếm 1,46% lao động trẻ em)<sup>14</sup>.

c) Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em:

Số trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc từ năm 2015 đến năm 2018 (Cục Trẻ em tổng hợp từ hợp từ báo cáo của các địa phương) như sau:

| Năm                         | 2015    | 2016    | 2017    | 2018    |
|-----------------------------|---------|---------|---------|---------|
| Số trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc | 156.619 | 156.016 | 156.921 | 156.932 |

d) Các hình thức gây tổn hại khác:

- Tảo hôn: Theo phân tích từ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm

<sup>10</sup> Báo cáo kết quả điều tra MICs. Tổng cục Thống kê, Unicef. Năm 2014

<sup>11</sup> Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2014

| Nội dung             | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Tổng  |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|-------|
| Số trẻ em bị xâm hại | 1.640    | 1.819    | 1.898    | 1.854    | 7.211 |

Giai đoạn từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2019:

| Nội dung             | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2019 | Tổng  |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------------------|-------|
| Số trẻ em bị xâm hại | 1.943    | 1.845    | 1.742    | 1.779    | 1.400                | 8.709 |

(Nguồn: Cục trẻ em tổng hợp từ số liệu của Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an).

<sup>12</sup> Công văn số 1174/BCA-C02 ngày 01/4/2020 của Bộ Công an.

<sup>13</sup> Kết quả khảo sát quốc gia lao động trẻ em năm 2018. Bộ LĐTBXH, Tổng cục Thống kê, ILO

<sup>14</sup> Kết quả khảo sát quốc gia lao động trẻ em năm 2018. Bộ LĐTBXH, Tổng cục Thống kê, ILO; Phụ lục XIII

2019<sup>15</sup>, số trẻ em tảo hôn là những người đúng 15 tuổi là **13.489** em (trong đó nam: 3.960, nữ: 9.529).

Trẻ em gái độ tuổi từ 15-17 tuổi tảo hôn là 3,9%, trẻ em trai là 0,9%<sup>16</sup>, ước tính khoảng 38.000 trẻ em tảo hôn.

- Các hành vi xâm hại khác như tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em; không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại,... hiện chưa thu thập được thông tin, số liệu.

đ) Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại:

- Trẻ em khuyết tật: 671.659 trẻ em từ 2 – 17 tuổi<sup>17</sup>.

- Trẻ em tự kỷ: 240.000 trẻ em<sup>18</sup>

- Trẻ em không sống trong môi trường gia đình (bao gồm trẻ em sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, cơ sở tôn giáo chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, hệ thống làng trẻ em SOS, trường giáo dưỡng): Khoảng 33.000 trẻ em<sup>19</sup>.

- Trẻ em có cha mẹ ly hôn: Trẻ em có cha mẹ ly hôn ước tính năm 2019 là 69.000 trẻ em<sup>20</sup>.

## **2. Đối tượng, phương thức, thủ đoạn, tính chất, mức độ của hành vi xâm hại trẻ em**

Trong những năm gần đây, các vụ việc xâm hại trẻ em được phát hiện ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Một số tỉnh, thành phố xảy ra những vụ việc gây bức xúc lớn trong dư luận xã hội: Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai, Bắc Giang, Vĩnh Long, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội. Các hành vi xâm hại trẻ em xảy ra ở cả cộng đồng, nhà trường và trong chính gia đình của trẻ em. Tính chất vụ việc xâm hại tình dục trẻ em ngày càng nghiêm trọng, phức tạp: nạn nhân bị xâm hại tình dục có cả những trẻ em tuổi mầm non, nhiều vụ hiếp dâm tập thể, hiếp dâm rồi giết trẻ em, người cao tuổi xâm hại tình dục trẻ em nhỏ tuổi, thầy giáo xâm hại tình dục nhiều học sinh...<sup>21</sup>; xâm hại tình dục trẻ em mang tính loạn luân như cha đẻ

<sup>15</sup> Công văn số 442/TCTK-DSLĐ ngày 31/3/2020 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

<sup>16</sup> Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ. Tổng cục Thống kê. Năm 2014.

<sup>17</sup> Điều tra Quốc gia về người khuyết tật năm 2016. Tổng cục Thống kê.

<sup>18</sup> Ước tính từ tỷ lệ người mắc rối nhiễu phổ tự kỷ. Bộ LĐTBXH.

<sup>19</sup> Ước tính từ khảo sát của Cục Trẻ em, Bộ LĐTBXH giai đoạn 2017 - 2019

<sup>20</sup> Ước tính từ số liệu của Tòa án nhân dân tối cao năm 2019.

<sup>21</sup> Vụ việc ở trường tiểu học Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, Bạc Liêu có 7 trẻ; vụ việc ở trường tiểu học – THCS Tam Lập, huyện Phú Giáo, Bình Dương có 13 trẻ; vụ việc ở trường tiểu học xã An Thượng A, huyện Hoài Đức, Hà Nội có 9 trẻ; hàng loạt học sinh từ 12 - 14 tuổi trường dân tộc nội trú THCS Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ bị thầy hiệu trưởng xâm hại tình dục...

xâm hại tình dục con gái ruột, cha dượng hiếp dâm con riêng của vợ trong một thời gian dài; ông xâm hại tình dục cháu.

Trong các vụ xâm hại trẻ em được công an các cấp tiếp nhận, xử lý thì xâm hại tình dục trẻ em chiếm tới 81,3%<sup>22</sup>. Đối tượng thực hiện hành vi xâm hại trẻ em tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi từ 18 trở lên, là nam giới (trên 95%), đối tượng xâm hại bao gồm cả những người có trình độ cao, là cán bộ, công nhân viên (chiếm 0,97%), tập trung khá cao ở các đối tượng không có nghề nghiệp (chiếm 32,67%)<sup>23</sup>.

Qua phân tích số liệu của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019, trẻ em bị bạo lực trong gia đình chiếm **65,88%**; trong trường học chiếm **19,09%** (trong đó bị giáo viên bạo lực chiếm 14,89%; bị bạn bè bạo lực chiếm 4,2%); trong cộng đồng chiếm **15,03%**. Trong các vụ xâm hại tình dục trẻ em, thủ phạm xâm hại trẻ em là người quen, hàng xóm chiếm **59,4%**; người thân trong gia đình chiếm **21,3%** (trong đó bố đẻ là 5,73%; bố dượng là 5,07%, các đối tượng người thân khác là 10,5%); giáo viên, nhân viên nhà trường chiếm **6,15%**; các đối tượng khác chiếm **13,15%**<sup>24</sup>.

Qua số liệu trên cho thấy thủ phạm xâm hại trẻ em thường là người quen của trẻ em lợi dụng sự gần gũi với gia đình và trẻ em; những đối tượng lạ mặt lợi dụng hoàn cảnh như đường vắng, trẻ em ở nhà một mình, sử dụng chất kích thích (rượu, bia, ma túy...), việc tiếp cận các phim ảnh có nội dung khiêu dâm, đồi trụy; lợi dụng chức trách, quyền hạn của mình, sự tin tưởng để thực hiện hành vi xâm hại trẻ em<sup>25</sup>.

### **3. Tác động, hậu quả của hành vi xâm hại trẻ em**

Xâm hại trẻ em không chỉ gây ra nhiều hậu quả trước mắt mà ảnh hưởng lâu dài trong suốt cuộc đời của trẻ em. Ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển não bộ của trẻ em, sức khỏe thể chất và tâm thần, nguy cơ bỏ học, kết quả học tập kém, quan hệ tình dục sớm, mang thai và sinh con khi chưa đến tuổi trưởng thành, các vấn đề về hành vi, kể cả các hành vi bạo lực và vi phạm pháp luật<sup>26</sup>.

Xâm hại trẻ em cũng gây ra những tác động tiêu cực về kinh tế. Theo nghiên cứu năm 2014 của UNICEF khu vực Đông Á - Thái Bình Dương cho biết tổng thiệt hại do xâm hại trẻ em gây ra, đặc biệt do các vấn đề sức khỏe

<sup>22</sup>Báo cáo số 4209/C02-P5 ngày 15/8/2019. Cục Cảnh sát Hình sự, Bộ Công an.

<sup>23</sup>Số liệu thống kê, phân tích về đối tượng xâm hại trẻ em. Bộ Công an. Năm 2018.

<sup>24</sup> Báo cáo phân tích số liệu của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em năm 2015-2019. Cục Trẻ em. Bộ LĐTBXH.

<sup>25</sup>Báo cáo phân tích số liệu của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em chuyên đề về bạo lực và xâm hại tình dục trẻ em giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019.

<sup>26</sup> Báo cáo Tổng quan nguyên nhân bạo lực, xâm hại trẻ em Việt Nam- Unicef và Bộ LĐTBXH năm 2016.

và các hành vi nguy cơ cao về sức khỏe, là 206 tỷ đô la Mỹ, xấp xỉ 2% tổng GDP của khu vực này.<sup>27</sup>

Theo số liệu báo cáo của các địa phương, giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019 có 146 trẻ em bị xâm hại dẫn tới tử vong; 375 em bị thương tật; 193 em bị rối loạn tâm thần; 418 em có thai; 180 em phải bỏ học.

Hậu quả của các hành vi xâm hại trẻ em ảnh hưởng đến trật tự, an ninh của xã hội, biểu hiện sự xuống cấp của đạo đức xã hội, gây tâm lý lo sợ trong dư luận xã hội.

#### **4. Đánh giá về tình hình xâm hại trẻ em**

Theo kết quả tổng hợp số liệu, số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức khác nhau (bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc) chiếm khoảng 5% dân số trẻ em<sup>28</sup>.

Tình hình xâm hại trẻ em thời gian qua diễn biến phức tạp, một số vụ việc nghiêm trọng gây bức xúc trong dư luận xã hội, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em (hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô); trẻ em là nạn nhân *dưới 6 tuổi chiếm 7,2%, dưới 13 tuổi chiếm tới 37,3%* trong các vụ xâm hại trẻ em<sup>29</sup>.

Số liệu nói trên chưa phản ánh đầy đủ tình hình thực tế xâm hại trẻ em xảy ra trong những năm vừa qua do nhận thức, hiểu biết về xâm hại trẻ em chưa đầy đủ; trước khi có Luật trẻ em chưa có các quy định cụ thể về việc tiếp nhận, xử lý, xác minh thông tin, thông báo, tố giác các hành vi xâm hại trẻ em, nhiều gia đình im lặng hoặc thương lượng với thủ phạm; khi xảy ra các vụ việc chính quyền một số địa phương thực hiện hòa giải.

#### **5. Nguyên nhân của tình hình xâm hại trẻ em**

Một số quy định của pháp luật của Việt Nam hiện nay chưa theo kịp tình hình thực tiễn, chưa tương thích với pháp luật quốc tế và nhất là chưa đủ sức răn đe. Ý thức chấp hành, việc thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em của một bộ phận cán bộ có thẩm quyền chưa nghiêm; hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em có lúc, có nơi bị bỏ lọt, bỏ qua, chậm bị xử lý, không đảm bảo bí mật thông tin vụ việc và nạn nhân, dẫn đến người dân chưa tin tưởng vào cơ quan pháp luật, từ đó không muốn tố giác, cộng tác với cơ quan chức năng. Vẫn còn hiện tượng chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục, gia đình không thông tin, báo cáo đến cơ quan chức năng và cấp có thẩm quyền các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em mà tự tìm cách xử lý vụ việc hoặc xử lý nội bộ.

<sup>27</sup> UNICEF, Ước tính gánh nặng kinh tế của bạo lực đối với trẻ em ở Châu Á - Thái Bình dương, năm 2014.

<sup>28</sup> Phụ lục Ic.

<sup>29</sup>Báo cáo số 4209/C02-P5 ngày 15/8/2019. Cục Cảnh sát Hình sự, Bộ Công an.

Mặt trái của kinh tế thị trường kéo theo nhiều nguy cơ mất an toàn cho trẻ em. Các thiết chế tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em chưa thực sự được nhiều tổ chức, cơ quan, xã hội và gia đình quan tâm đầu tư đúng mức. Các loại thông tin, ấn phẩm, sản phẩm độc hại, không phù hợp với trẻ em còn xuất hiện nhiều. Các nguy cơ xâm hại trẻ em do tác động môi trường mạng diễn biến phức tạp, không được kiểm soát kịp thời và xử lý triệt để.

Công tác tuyên truyền chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa có phương pháp phù hợp, tuyên truyền chưa đến được với nhóm có nguy cơ cao, đặc biệt vùng sâu, vùng nông thôn hẻo lánh và khu vực biên giới. Tầm quan trọng và tính cấp bách của công tác phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em chưa được cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn và các tổ chức chính trị - xã hội ở nhiều địa phương nhận thức đầy đủ, sâu sắc và chỉ đạo, thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn. Một bộ phận gia đình, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em chưa quan tâm đúng mức và làm tròn trách nhiệm. Phần lớn trẻ em chưa được quan tâm trang bị kỹ năng tự nhận biết, tự bảo vệ trước các nguy cơ bị xâm hại.

Do bất bình đẳng giới, từ định kiến giới và một số quan niệm truyền thống dẫn đến hành vi bạo lực trên cơ sở giới đối với trẻ em, nhất là với trẻ em gái. Đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp xuống cấp trong một bộ phận người dân, cố tình chà đạp lên giá trị và nhân cách sống, dẫn đến nhiều vụ bố mẹ, người có trách nhiệm quản lý, nuôi dưỡng trẻ em, thầy cô giáo, nhân viên bảo mẫu bạo hành, ngược đãi, xâm hại tình dục trẻ em.

## **PHẦN B**

### **VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

#### **1. Kết quả đạt được**

Nhằm thúc đẩy việc thực hiện quyền trẻ em, trong đó có nhóm quyền được bảo vệ, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em, đồng thời thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, từ năm 2015 đến ngày 30/6/2019, Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội thông qua 11 bộ luật, luật; Chính phủ ban hành 10 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 chỉ thị và 15 quyết định<sup>30</sup>.

- Bộ luật dân sự năm 2015 có các quy định các biện pháp để công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân, trong đó có trẻ em.

<sup>30</sup> Phụ lục III. Từ ngày 01/7/2019 đến nay, Quốc hội đã thông qua 02 bộ luật, luật; Thủ tướng đã ban hành 01 Chỉ thị và 01 quyết định có liên quan đến công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định các tội phạm xâm hại trẻ em;
- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có những quy định riêng về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi là người bị hại trong vụ án hình sự với nhiều biện pháp tố tụng, thủ tục thân thiện để tăng cường bảo vệ, hỗ trợ các em trong quá trình xử lý vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất cho các em;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự năm 2017 có các quy định nhằm tăng cường bảo vệ trẻ em và hoàn thiện chính sách hình sự đối với người chưa thành niên, phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan đến trẻ em mà Việt Nam là thành viên;
- Luật trẻ em năm 2016 quy định về quyền và bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; có chương riêng về bảo vệ trẻ em, quy định các yêu cầu bảo vệ trẻ em và bảo vệ trẻ em theo 03 cấp độ; các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; chăm sóc thay thế;
- Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 đã mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý đối với tất cả trẻ em (không chỉ là “trẻ em không nơi nương tựa” như quy định tại Luật trợ giúp pháp lý năm 2006).
- Luật an ninh mạng năm 2018 có các quy định về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng;
- Luật giáo dục sửa đổi năm 2019 có các quy định mới tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em tiếp cận với giáo dục các cấp bậc học và giáo dục nghề nghiệp;
- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 có quy định nghiêm cấm bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi.

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

Chính phủ đã ban hành mới và sửa đổi 10 nghị định liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em: quy định chi tiết Luật trẻ em, Luật trợ giúp pháp lý; Luật bảo hiểm y tế; Luật nuôi con nuôi; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; quy định các chính sách về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có cơ sở chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em.

Trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thể chế hóa kịp thời và đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính



sách của Nhà nước về phòng, chống xâm hại trẻ em, tạo khuôn khổ pháp lý cho lĩnh vực bảo vệ trẻ em, thúc đẩy thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em, đặc biệt là nhóm quyền được bảo vệ của trẻ em.

Nội dung các văn bản xây dựng chặt chẽ, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ. Các chính sách trước khi ban hành đều được đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật, do đó, các quy định được ban hành phù hợp với thực tế cuộc sống và yêu cầu phòng, chống xâm hại trẻ em trong tình hình mới.

Việc lấy ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng các văn bản chính sách, pháp luật có liên quan đến trẻ em theo quy định của Luật trẻ em năm 2016 được thực hiện nghiêm túc.

Thông qua công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản nêu trên bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả, nội dung không trái với Hiến pháp và pháp luật có liên quan, đồng thời phù hợp với các điều ước quốc tế về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Các quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em nói chung, phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng thời gian qua đã được quan tâm hoàn thiện, tuy nhiên còn nằm rải rác ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, một số quy định pháp luật, chính sách cụ thể vẫn đang trong quá trình rà soát, nghiên cứu, kiến nghị hoàn thiện:

+ Các quy định pháp lý về quy trình tố tụng thân thiện đối với các vụ án xâm hại trẻ em, về sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan tư pháp và các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em bắt đầu từ điều tra, giám định pháp y cho đến truy tố, xét xử, phục hồi, hòa nhập đối với trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, xâm hại tình dục chưa cụ thể, chậm được sửa đổi, bổ sung.

+ Một số dấu hiệu hoặc tình tiết cấu thành tội phạm xâm hại trẻ em chưa được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự như dâm ô, khiêu dâm, hành vi quan hệ tình dục khác...; một số hình thức xâm hại trẻ em chưa được quy định cụ thể như rử rê, môi chài, văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em...

+ Pháp luật xử lý vi phạm hành chính chưa có quy định riêng về xử lý đối với hành vi xâm hại trẻ em.

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP mới chỉ xử lý đối với hành vi, cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; một số nghị định có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính hiện nay mức xử phạt rất thấp, chưa đủ sức răn đe.

+ Trong lĩnh vực nuôi con nuôi, chưa có chế tài xử lý đối với các trường hợp vi phạm nghĩa vụ báo cáo tình hình phát triển của trẻ em được cho

làm con nuôi. Ngoài ra, hiện nay, chưa có chính sách hỗ trợ nuôi con nuôi trong nước và cơ chế hữu hiệu để đảm bảo tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước.

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em được Chính phủ giao cho một số bộ, ngành, cơ quan liên quan nhưng công tác phối hợp, chia sẻ thông tin trong một số trường hợp chưa được thường xuyên, chặt chẽ và hiệu quả.

## 2.2. Khó khăn, vướng mắc

Chính sách về bảo vệ trẻ em nói chung, phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng là chính sách có tác động phạm vi rộng đến tất cả đối tượng, cơ quan, tổ chức, cá nhân, tác động đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật cần phải nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tác động đến nhiều đối tượng trên quy mô rộng, phải xin ý kiến nhiều cơ quan, lấy ý kiến trẻ em trong quá trình xây dựng văn bản. Tuy nhiên, nguồn lực bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật về bảo vệ trẻ em nói chung, xây dựng pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng còn chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

## 3. Đánh giá chung về công tác ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em thuộc trách nhiệm của Chính phủ

Công tác xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em được Chính phủ quan tâm chỉ đạo, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Chính phủ đã chủ động trong việc xây dựng, trình Quốc hội thông qua và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, nội dung các văn bản hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Các văn bản này cũng góp phần khắc phục những tồn tại, hạn chế trong hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ trẻ em nói chung, phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng. Nhiều quy định mới đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc tiếp nhận thông tin, giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em; hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

## 4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; trách nhiệm của Chính phủ

### 4.1. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm chỉ đạo sát sao trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em và bố trí nguồn lực phù hợp cho công tác này.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ trẻ em chưa được quan tâm đúng mức, năng lực của một bộ phận còn hạn chế.

#### 4.2. Trách nhiệm của Chính phủ

- Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành (trong Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật giám định tư pháp, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật xử lý vi phạm hành chính,...).

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác phối hợp liên ngành nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng xây dựng văn bản, chương trình, đề án, kế hoạch về công tác bảo vệ trẻ em nói chung và phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện.

### PHẦN C VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM

#### 1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em

##### 1.1. Kết quả đạt được

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em được Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú. Nhận thức của cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, cha, mẹ, trẻ em nói riêng và xã hội nói chung về phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em có sự chuyển biến tích cực. Số học sinh được hướng dẫn kỹ năng ứng phó để tự bảo vệ bản thân trước nguy cơ bị xâm hại tăng nhanh. Số lượng thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác về bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em đến Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, các kênh thông tin, truyền thông và các cơ quan chức năng bảo vệ trẻ em tăng lên rõ rệt.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể và các tổ chức liên quan: Xây dựng, triển khai kế hoạch truyền thông về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em bằng nhiều hình thức; quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); trực tiếp truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm hỗ trợ, can thiệp, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, kỹ năng phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em<sup>31</sup>; định hướng

<sup>31</sup>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã sản xuất và phát sóng 230 chương trình Truyền hình Vì trẻ em (2.990 phút phát sóng trên kênh VTV1); 155 chương trình “1 giờ Đường dây nóng” với các nội dung về bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em (tương đương 9.300 phút phát sóng trên kênh VOV Giao thông); 30 phim tài liệu; 280 phóng sự ngắn; 320 tin; 30 thông điệp, tiểu phẩm phát thanh, truyền hình; biên tập 1.666 clip về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, 156 bản tin chạy chữ với hơn 2.000 tin. Các chương trình truyền hình, phát thanh, sản phẩm truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em chiếm 30% tổng số các chương trình, sản phẩm truyền thông. Trang thông tin Tổng đài điện thoại

truyền thông cho báo chí về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em và nghiệp vụ thông tin, phản ánh các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em; khuyến khích việc phát hiện, lên tiếng thông báo, tố cáo các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp với nhiều chủ đề<sup>32</sup> trong đó có các thông điệp, kiến nghị liên quan tới phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>33</sup>.

- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thường xuyên chỉ đạo việc lồng ghép nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em vào Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương và kế hoạch triển khai các đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật<sup>34</sup>; biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của các luật, nghị quyết mới được thông qua tại các kỳ họp Quốc hội và đăng tải công khai trên trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật để mọi tầng lớp nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng; tổ chức tọa đàm, cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về các quy định pháp luật liên quan đến quyền được bảo vệ của trẻ em...

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản trong cả nước đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ trẻ em, nhất là về phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>35</sup>. Số lượng tin bài tăng lên cả về số lượng và chất lượng với các nội dung phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em và bảo đảm bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em cho các thành viên gia đình, người chăm sóc trẻ em, người trực tiếp làm việc với trẻ em bằng nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng. 63/63 các đài phát thanh, truyền hình địa phương đều có các chương trình riêng dành cho trẻ em<sup>36</sup>. Một số địa phương còn thực hiện tin, bài, phóng sự

---

quốc gia bảo vệ trẻ em 111 trên Facebook có trên 29.000 người theo dõi. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với 13 cơ quan báo chí để tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em và các nội dung khác; tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực về pháp luật, chính sách liên quan đến bảo vệ trẻ em cho gần 1.220 cán bộ, người làm công tác trẻ em ở các cơ quan trung ương và địa phương, phóng viên các cơ quan báo chí

<sup>32</sup> Các chủ đề Diễn đàn trẻ em quốc gia: “Lắng nghe trẻ em nói” năm 2015; “Trẻ em với vấn đề phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em” năm 2017; “Trẻ em với các vấn đề về trẻ em” năm 2019.

<sup>33</sup> Phụ lục IV.

<sup>34</sup> Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật giai đoạn 2012 - 2016, kéo dài đến năm 2021”; Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên”

<sup>35</sup> Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019, đã có 5.750 phóng sự và 72.612 tin, bài thông tin, tuyên truyền về chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

<sup>36</sup> Các chương trình dành cho thiếu nhi trên kênh VTV3, VTV7, kênh thiếu nhi Bi Bi, kênh thiếu nhi SCTV3 của Đài Truyền hình Việt Nam; kênh thiếu nhi VTC11 của Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC; kênh HTV3 của Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh; kênh Thiếu nhi BPTV3 của Đài Phát thanh Truyền hình Bình Phước.

liên quan đến trẻ em bằng tiếng dân tộc<sup>37</sup>.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phổ biến chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình tới đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm việc trong cơ sở du lịch, lễ hành, lưu trú khách sạn; các đơn vị, cá nhân tổ chức các sự kiện về văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch; các gia đình thông qua nhiều hình thức như lồng ghép trong các hoạt động truyền thông về công tác gia đình, xây dựng tài liệu truyền thông, tập huấn, thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình<sup>38</sup>...

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các địa phương tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em, bạo lực học đường cho toàn bộ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh bằng hình thức sinh hoạt hoặc giảng dạy chuyên đề, thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ký quy chế phối hợp với các ngành, ký cam kết giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức liên quan về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Bộ Công an phối hợp với công an các địa phương và các nhà trường tổ chức các hội nghị tuyên truyền, đối thoại, hỏi đáp về phòng, chống xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình và mua bán người cho hơn 20.000 lượt thầy cô giáo và học sinh tại các tỉnh, thành phố; cử cán bộ lãnh đạo trực tiếp trả lời phỏng vấn, tham gia tọa đàm, truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền về nội dung này trên các báo, đài phát thanh, truyền hình, trong cộng đồng, nhà trường về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Các địa phương đã thực hiện chỉ đạo, tổ chức nhiều hoạt động truyền thông đa dạng về phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>39</sup>.

## 1.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Nội dung, hình thức, phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật,

<sup>37</sup> Đài Phát thanh Truyền hình (PTTH) Sơn La tuyên truyền bằng tiếng Thái, tiếng Mông; Đài PTTH Gia Lai bằng tiếng Ba Na, Jrai; Đài PTTH Yên Bái bằng tiếng Thái, Dao, Mông; Đài PTTH Đắk Nông bằng tiếng M'Nông; Đài PTTH Đắk Lắk bằng tiếng Ê đê; Đài PTTH Tuyên Quang bằng tiếng Tày, Dao, Mông.

<sup>38</sup> Trong 10 năm (2008 - 2018), toàn quốc có 687 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác gia đình với sự tham gia của 131.000 lượt người.

<sup>39</sup> Trong giai đoạn từ năm 2015 đến ngày 30/6/2019, các địa phương đã tổ chức 674.664 chương trình phát thanh, truyền hình, chuyên trang, chuyên mục về phòng, chống xâm hại trẻ em trên các báo; tiến hành 153.372 hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; xây dựng, sản xuất và nhân bản 2.955.234 tài liệu truyền thông (tờ rơi, tờ gấp, pa nô...); tổ chức 6.689 sự kiện, chiến dịch truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em; tổ chức 1.712 lớp tập huấn về nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em với 210.419 lượt người tham dự.

kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại trẻ em chưa sinh động, thiếu hình ảnh minh họa cụ thể, chậm đổi mới, chưa nắm bắt tình hình thực tế mà người dân và trẻ em quan tâm.

- Công tác tuyên truyền pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em chưa thường xuyên, chủ yếu diễn ra theo sự kiện hoặc lồng ghép thông qua diễn đàn, hội nghị, tập huấn mà chưa chú trọng mở rộng truyền thông đến địa bàn dân cư, hộ gia đình; truyền thông trên báo điện tử, các trang mạng xã hội có sự tham gia của đông đảo người dân chưa được quan tâm đúng mức.

- Công tác thông tin, kỹ năng tuyên truyền về các vụ việc liên quan đến xâm hại trẻ em đôi khi còn thiếu chính xác do không được hướng dẫn, kiểm tra, biên tập kỹ lưỡng trước khi đưa tin, gây hoang mang, bức xúc trong dư luận.

## **2. Công tác xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em**

### **2.1. Kết quả đạt được**

a) Việc xây dựng môi trường gia đình an toàn, lành mạnh nhằm phòng, chống bạo lực gia đình và các hình thức khác xâm hại trẻ em

Trong thời gian qua, Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm đẩy mạnh việc xây dựng môi trường gia đình an toàn, lành mạnh nhằm phòng, chống bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em. Các tỉnh, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo về công tác gia đình, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác gia đình hàng năm, triển khai các hoạt động nhân kỷ niệm ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3, ngày Gia đình Việt Nam 28/6 và Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình, phòng, chống xâm hại trẻ em được triển khai đồng bộ và rộng khắp; các mô hình<sup>40</sup> can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình được duy trì, giúp người dân nâng cao nhận thức về pháp luật, nắm rõ được các hành vi vi phạm về bạo lực gia đình, nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong việc phòng, chống bạo lực gia đình, xây dựng gia đình hoà thuận, tiến bộ, hạnh phúc.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, thư viện các cấp đã được kiện toàn, phát huy vai trò trong việc đảm bảo các điều kiện để trẻ em được tham gia các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa, nghệ thuật, luyện tập thể dục

<sup>40</sup> Hiện nay, có 6.616 xã/phường/thị trấn triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

thể thao; qua đó nâng cao kiến thức, kỹ năng để hoàn thiện bản thân, phòng, chống bị xâm hại và các rủi ro trong gia đình, xã hội.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thu thập số liệu, thông tin về gia đình (trong đó có trẻ em) trên địa bàn, in và cấp phát sổ ghi chép về gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình tới tất cả các xã, phường, thị trấn. 100% địa phương thực hiện việc thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Việc xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường<sup>41</sup>.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, nhà trường tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống xâm hại trẻ em vào các hoạt động giáo dục; rà soát, yêu cầu các cơ sở giáo dục, lớp học lập không vi phạm quy định tại khoản 13 Điều 6 của Luật trẻ em và không nằm trong vùng cảnh báo nguy hiểm; rà soát hệ thống cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục bảo đảm các yêu cầu chặt chẽ về khuôn viên, phòng học, công trình vệ sinh, thiết bị dạy học...; chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong cơ sở giáo dục và kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường; triển khai các phương pháp giáo dục tích cực, không bạo lực đối với người học; triển khai hoạt động tư vấn tâm lý học đường và công tác xã hội trong trường học; tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, tập thể có tính cộng đồng - xã hội, nhằm tạo cơ hội cho người học được tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế, góp phần định hướng thẩm mỹ lành mạnh, giáo dục kỹ năng sống, hình thành và phát triển nhân cách; chú trọng nâng cao năng lực, phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên các cơ sở giáo dục.

Tuy vậy, công tác triển khai các chỉ đạo của Trung ương về xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường tại địa phương có lúc, có nơi còn chậm, chưa được quan tâm, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

c) Việc xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em

\* Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em:

<sup>41</sup> Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 17/5/2017, Bộ Công an chỉ đạo các đơn vị chức năng, công an các địa phương triển khai tích cực áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội, góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội; xây dựng, phê duyệt và triển khai các hoạt động, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà trường, cơ quan báo chí tổ chức các hội nghị, tập huấn, diễn đàn tuyên truyền về kỹ năng tự bảo vệ, ứng phó với các nguy cơ, biểu hiện của hành vi xâm hại trẻ em; nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản, quy trình về công tác điều tra cơ bản, phòng ngừa nghiệp vụ; chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ và công an các địa phương xác định các tuyến, địa bàn trọng điểm về tội phạm xâm hại trẻ em, mua bán trẻ em; đưa vào diện quản lý hàng trăm băng nhóm, đối tượng có biểu hiện, có khả năng dẫn đến thực hiện hành vi xâm hại trẻ em.

\* Bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông; được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân về thư tín, viễn thông và các hình thức trao đổi, lưu giữ thông tin cá nhân, nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em:

Một số quy định pháp lý đã được các cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm bảo đảm trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin, truyền thông, được bảo vệ hình ảnh, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân<sup>42</sup>. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ động thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ bí mật đời sống riêng tư của trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>43</sup>.

\* Công tác quản lý, hướng dẫn việc hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin,

<sup>42</sup> Luật trẻ em (2016) quy định về quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội (Điều 33), quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp (Điều 34), bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em (Điều 46), trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng (Điều 54); Luật tiếp cận thông tin (2016) quy định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin trong đó có người dưới 18 tuổi (Điều 4); Luật an ninh mạng (2018) có quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng (Điều 29); Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em dành riêng Chương IV quy định trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng gồm: Thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em (Điều 33); Truyền thông, giáo dục, nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng (Điều 34); Bảo đảm an toàn cho trẻ em trong việc trao đổi, cung cấp thông tin trên môi trường mạng (Điều 35); Các biện pháp bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em trên môi trường mạng (Điều 36); Các biện pháp hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng (Điều 37); Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam; Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 09/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 quy định về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm.

<sup>43</sup> Cục Trẻ em có công văn số 123/TE-PTTG ngày 18/3/2019 gửi Cục Báo chí, Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử về việc chỉ đạo các cơ quan báo chí bảo vệ bí mật đời sống riêng tư của trẻ em và đang phối hợp với Cục An toàn thông tin xây dựng kế hoạch phối hợp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.



truyền thông phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em:

Để hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông đã định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em tham gia vào các hoạt động truyền thông: trực tiếp tham gia viết báo, làm báo, làm phim hoạt hình, làm chương trình phát thanh, tờ rơi, quảng bá ảnh chụp, tranh vẽ..., qua đó giúp trẻ em phát huy được năng lực của mình, tạo điều kiện để trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông phù hợp.

\* Công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử và các phương tiện thông tin khác nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em:

Để bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị<sup>44</sup>; tổ chức Diễn đàn trẻ em quốc gia lần thứ 5 (năm 2017), lần thứ 6 (năm 2019), trong đó có chủ đề “bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng”.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành quy định về tỷ lệ nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trên báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử và xuất bản phẩm<sup>45</sup>; khuyến khích các công ty công nghệ sản xuất các phần mềm, chương trình giúp gia đình quản lý và bảo vệ trẻ em sử dụng máy tính truy cập các trang web độc hại; tạo dựng trang web dành cho trẻ em; triển khai hệ thống kỹ thuật tiếp nhận cảnh báo, tố cáo các nội dung không phù hợp, có hại cho trẻ em; khuyến khích các doanh nghiệp truyền thông, các đài phát thanh truyền hình sản xuất các chương trình phù hợp dành cho trẻ em, đăng ký, sản xuất các kênh chương trình và các hình thức cung cấp, quảng bá thông tin khác dành riêng cho trẻ em; tăng cường công tác tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng; chú trọng tuyên truyền thông qua hệ thống nhà trường và các tổ chức đoàn thể để giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về ý thức sử dụng thông tin trên Internet một cách chọn lọc tích cực cho trẻ em; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; phối hợp với Bộ Công an để điều tra xác định hành vi, nhân thân vi phạm và chuyển hồ sơ đối với các trường hợp có dấu hiệu vi phạm đến mức phải xử lý hình sự.

<sup>44</sup> Quyết định số 1330/QĐ-LĐTBXH ngày 18/9/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

<sup>45</sup> Thông tư số 09/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017

Bộ Công an chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em liên quan đến môi trường mạng. Lực lượng công an đã tiếp cận, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp tiên tiến để phòng, chống các loại tội phạm công nghệ cao; giao lực lượng chuyên trách áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật kết hợp với nghiệp vụ như “tuần tra trên mạng” để phát hiện các đối tượng hoạt động xâm hại trẻ em trên mạng, từ đó phối hợp các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, chuyển hóa tài liệu chứng cứ, bắt, xử lý các băng nhóm, đối tượng này; hỗ trợ, phối hợp các cơ quan nghiệp vụ đấu tranh, điều tra các chuyên án xâm hại trẻ em, mua bán trẻ em liên quan đến công nghệ cao<sup>46</sup>.

Chính phủ cũng quy định các giải pháp quyết liệt nhằm xử lý các địa điểm kinh doanh trò chơi điện tử gần trường học<sup>47</sup>. Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh điểm truy cập Internet công cộng và trò chơi điện tử công cộng theo quy định<sup>48</sup>.

\* Công tác quản lý, hướng dẫn xây dựng chương trình, tiết mục, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật và việc tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành quy định<sup>49</sup> về an toàn, vệ sinh lao động đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao trong đó có quy định về việc sử dụng người dưới 13 tuổi làm việc; chỉ đạo các đơn vị nghệ thuật hằng năm xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật vui nhộn, mang tính giáo dục, định hướng, phù hợp với sở thích, tâm sinh lý lứa tuổi để phục vụ thiếu nhi vào dịp hè và khai giảng năm học mới; hướng dẫn địa phương tăng cường quản lý nghệ thuật biểu diễn và văn học liên quan đến trẻ em, đảm bảo thực hiện tốt nhất quyền trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em; chỉ đạo các đơn vị sản xuất phim trong ngành thực hiện việc lồng ghép các nội dung tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trong các tác phẩm hoạt hình, phim truyện hoặc chương trình dành

<sup>46</sup> Từ năm 2010 - 2018, lực lượng công an phát hiện, xử lý 319 vụ xâm hại tình dục trẻ em sử dụng thủ đoạn mạng xã hội.

<sup>47</sup> Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP trong đó có điều chỉnh các quy định về điểm truy cập internet công cộng và trò chơi điện tử công cộng.

<sup>48</sup> Theo phản ánh của báo chí và cộng đồng, tháng 3/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản gửi Công ty Google đề nghị kiểm tra, rà soát và chặn, gỡ khoảng 20 link thông tin xấu độc kèm theo các video về nhân vật hoạt hình Peppa Pig trên ứng dụng Youtube Kid dành cho trẻ em có nhiều hình ảnh rùng rợn, không phù hợp với trẻ em hoặc đan xen các thử thách khuyến khích trẻ em thực hiện hành động gây nguy hiểm đến sức khỏe, tâm lý, tính mạng của trẻ em.

<sup>49</sup> Thông tư số 03/2017/TT-BVHTTDL ngày 18/7/2017 quy định một số nội dung về an toàn, vệ sinh lao động đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao

cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, vùng khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... gửi tới đội chiếu phim lưu động của các đơn vị điện ảnh địa phương trong cả nước để tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên toàn quốc; tổ chức cuộc thi sáng tác tranh cổ động tuyên truyền phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>50</sup>.

Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn lực, chưa có nhiều chương trình, sản phẩm, tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, sự kiện văn hóa, giải trí, thể thao, du lịch có đề tài về trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Với các nhà làm phim, tổ chức sự kiện tư nhân, đây là đề tài không hấp dẫn, thu lợi nhuận không cao trong khi chưa có cơ chế hỗ trợ cho họ sáng tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, thu hút được đông đảo người xem, tham gia, góp phần nâng cao nhận thức về phòng, chống xâm hại trẻ em.

\* Việc quản lý các hoạt động vui chơi, giải trí, phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em trong hoạt động du lịch:

Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tiếp tục thực hiện Quy hoạch tổng thể hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030<sup>51</sup>. Đến nay, cả nước có 69 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; 651/713 quận, huyện có Trung tâm văn hóa - Thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 91%; 7.456/10.184 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 73,2% và có 75.966/101.732 thôn, bản có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 74,7%. Hệ thống này có ý nghĩa rất thiết thực với địa bàn dân cư, đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn,... những nơi còn khó khăn, hạn chế về các dịch vụ vui chơi, giải trí, tập luyện thể thao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, vui chơi, giải trí, tiếp cận thông tin và sáng tạo các giá trị văn hóa của người dân ở cơ sở, trong đó có trẻ em.

Trẻ em được tiếp cận thông tin, được tạo điều kiện sử dụng thư viện và tham gia các hoạt động, dịch vụ thư viện phù hợp lứa tuổi<sup>52</sup>. Đến nay, hệ thống thư viện phục vụ thiếu nhi đã được phát triển rộng khắp. Một số tỉnh đã dùng xe thư viện lưu động phục vụ thiếu nhi vùng sâu, vùng xa - những vùng trẻ em ít có điều kiện tiếp cận với sách báo, thông tin, thu hút được đông đảo trẻ em đến đọc.

<sup>50</sup> Năm 2019 đã chọn được 16 tác phẩm đạt giải trong đó có 3 giải nhì, 3 giải ba và 10 giải khuyến khích. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức trao giải và triển lãm các tác phẩm đạt giải tại Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam nhân dịp Ngày Gia đình Việt Nam.

<sup>51</sup> Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013

<sup>52</sup> Thông tư số 33/2018/TT-BVHTTDL ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài liệu.

Việc đảm bảo các điều kiện cho trẻ em được vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch không chỉ là thực hiện trách nhiệm được giao tại Luật trẻ em năm 2016 mà còn góp phần giảm thiểu và hạn chế tình trạng trẻ em bị xâm hại. Khi tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, các em được nâng cao thể chất, tinh thần, kỹ năng sống, hiểu biết, kiến thức để tự bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các lớp tập huấn phổ biến giáo dục pháp luật, nghiệp vụ về công tác du lịch trong đó có nội dung về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em, triển khai chủ trương không sử dụng lao động trẻ em trong hoạt động du lịch tới cán bộ, nhân viên các cơ sở kinh doanh du lịch.

\* Việc quản lý, hướng dẫn để trẻ em không bị bắt buộc lao động trái quy định của pháp luật về lao động:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020<sup>53</sup>; tổ chức các hội thảo, tập huấn, sản xuất các sản phẩm truyền thông về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em và triển khai các quy định về phòng, chống bóc lột lao động trẻ em; tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày Thế giới phòng, chống lao động trẻ em hàng năm<sup>54</sup>; tập huấn cho 63 tỉnh, thành phố về bộ chỉ số theo dõi, giám sát việc thực hiện chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; xây dựng và thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp các trường hợp lao động trẻ em được phát hiện trong các doanh nghiệp và sử dụng hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em để hỗ trợ, can thiệp đối với lao động trẻ em. Tổ chức triển khai khảo sát quốc gia về lao động trẻ em lần 2 vào năm 2018 để có cơ sở, căn cứ thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em.

d) Hoạt động của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em, Đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em.

Năm 2017, Đường dây tư vấn và hỗ trợ trẻ em (số 18001567) được nâng cấp thành Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111), cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em qua điện thoại 24/24h tất cả các ngày trong tuần, hoàn toàn miễn phí. Tổng đài 111 gồm có 01 tổng đài trung ương tại Hà Nội với 22

<sup>53</sup> Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>54</sup> Chủ đề: năm 2016: “Chấm dứt lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng: Trách nhiệm của tất cả chúng ta”; năm 2017: “Trong thiên tai và thảm họa, bảo vệ trẻ em khỏi lao động trẻ em”; năm 2018: “Vi một thể hệ an toàn và khỏe mạnh”; năm 2019: “Đừng để trẻ em làm việc trên đồng ruộng, hãy để trẻ em nuôi dưỡng ước mơ”.

nhân viên tư vấn và 02 tổng đài vùng tại Đà Nẵng và An Giang, mỗi tổng đài có 5 nhân viên tư vấn.

Tổng đài 111 đã thành lập mạng lưới kết nối với 63 tỉnh, thành phố, tổ chức giao ban, tập huấn đối với các thành viên mạng lưới kết nối; xây dựng và đào tạo đội ngũ cộng tác viên tiếng dân tộc (H'Mông, Tày, Nùng, Mường, J'Rai, Ê đê, Khome, Chăm) và cộng tác viên tiếng Anh để hỗ trợ cho trẻ em dân tộc và trẻ em có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam; triển khai nhiều hoạt động truyền thông về Tổng đài đến người dân và trẻ em, đồng thời hợp tác với các cơ quan báo chí để đưa thông tin, vụ việc được tiếp nhận từ Tổng đài.

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019, Tổng đài đã nhận được trên 1,7 triệu cuộc gọi đến, trong đó tư vấn gần 120.000 ca và hỗ trợ, can thiệp cho 2.469 ca trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, bị mua bán, bị lạc, bị bỏ rơi, trẻ cần hỗ trợ về tài chính... Tổng đài tiếp nhận 475.890 cuộc gọi đến trong năm 2018 (với 806 ca trẻ em bị xâm hại, bạo lực, mua bán được can thiệp) và 289.963 cuộc gọi trong 6 tháng đầu năm 2019 (với 422 ca được can thiệp). Bên cạnh hoạt động tư vấn qua điện thoại, Tổng đài đã phát triển hoạt động đánh giá và trị liệu tâm lý trực tiếp cho trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực...

Tháng 10/2013, Tổng đài được giao nhiệm vụ triển khai Đường dây nóng phòng, chống mua bán người, tiếp nhận thông tin, tư vấn và chuyển tuyến để giải cứu và hỗ trợ cho các nạn nhân của mua bán người. Từ năm 2015 đến tháng 6/2019, Đường dây nóng phòng, chống mua bán người đã tiếp nhận và tư vấn 12.719 ca liên quan đến lĩnh vực mua bán người và kết nối, chuyển tuyến để giải cứu và hỗ trợ 283 nạn nhân của mua bán người, trong đó có 132 trẻ em.

## 2.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Nguồn lực thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền được vui chơi giải trí, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch của trẻ em còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu dùng chung, không có khu vui chơi riêng biệt cho trẻ em.

- Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin cùng với những diễn biến phức tạp của tội phạm công nghệ cao khiến trẻ em ngày càng đứng trước nhiều nguy cơ bị xâm hại. Trong khi đó, việc xây dựng, cải thiện môi trường mạng an toàn đối với trẻ em chưa được đầu tư thích đáng; việc phát triển các dịch vụ phát hiện, phòng ngừa, can thiệp và hỗ trợ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng chưa được chú trọng; năng lực về khoa học công nghệ, tin học của đội ngũ cán bộ điều tra loại tội phạm này còn hạn chế; việc thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ điện tử trong các vụ xâm hại trẻ em trên môi trường mạng còn lúng túng và hiện chưa có chế độ thông tin báo cáo, thống kê chính thức về tội phạm xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

- Cùng với sự phát triển của du lịch, nhiều khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong đó có cả những đối tượng đã có tiền án về xâm hại trẻ em. Tuy nhiên, việc hạn chế, cấm nhập cảnh, theo dõi với những đối tượng này chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả dẫn đến nguy cơ làm gia tăng số trẻ em bị xâm hại trong hoạt động du lịch.

### 3. Công tác hỗ trợ, can thiệp khi trẻ em có nguy cơ bị xâm hại hoặc bị xâm hại

#### 3.1. Kết quả đạt được

Từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019<sup>55</sup>, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em đã can thiệp, hỗ trợ 2.033 ca xâm hại trẻ em, trong đó bạo lực trẻ em 1.011 ca (chiếm 49,7%); xâm hại tình dục 764 ca (chiếm 37,6%)<sup>56</sup>; bóc lột trẻ em 113 ca; bỏ rơi, bỏ mặc, sao nhãng trẻ em 45 ca; mua bán trẻ em 100 ca<sup>57</sup>. 100% trẻ em bị xâm hại tình dục khi có thông báo của Tổng đài được các địa phương lập hồ sơ, quản lý, theo dõi và thực hiện hỗ trợ, can thiệp; trẻ em bị xâm hại tình dục nhận được sự hỗ trợ về tâm lý, y tế, pháp lý, giáo dục, đào tạo và trợ giúp xã hội<sup>58</sup>.

<sup>55</sup>Trước khi Nghị định số 56/2017/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/7/2017, công tác can thiệp, trợ giúp cho trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục được thực hiện theo Thông tư số 23/2010/TT-BLĐTBXH ngày 06/8/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục.

<sup>56</sup>Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em.

| Nội dung   | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 6 tháng 2019 | Tổng  |
|--|------|------|------|------|--------------|-------|
| Tổng số ca được hỗ trợ, can thiệp  | 258  | 270  | 472  | 680  | 353          | 2.033 |
| Ca xâm hại tình dục được hỗ trợ, can thiệp   | 92   | 81   | 206  | 242  | 143          | 764   |
| Tỷ lệ % ca xâm hại tình dục được hỗ trợ, can thiệp so với tổng số ca hỗ trợ, can thiệp | 35,7 | 30   | 43,6 | 35,6 | 40,5         | 37,6  |

<sup>57</sup> Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em:

| TT | Nội dung                   | 2015       | 2016       | 2017       | 2018       | 6 tháng 2019 | Tổng         |
|----|----------------------------|------------|------------|------------|------------|--------------|--------------|
|    | <b>Ca can thiệp hỗ trợ</b> | <b>258</b> | <b>270</b> | <b>472</b> | <b>680</b> | <b>353</b>   | <b>2.033</b> |
| 1  | Bạo lực trẻ em             | 122        | 144        | 217        | 357        | 171          | 1.011        |
| 2  | Xâm hại tình dục           | 92         | 81         | 206        | 242        | 143          | 764          |
| 3  | Bóc lột trẻ em             | 13         | 10         | 11         | 46         | 33           | 113          |
| 4  | Bỏ rơi, bỏ mặc, sao nhãng  | 2          | 5          | 13         | 22         | 3            | 45           |
| 5  | Mua bán trẻ em             | 29         | 30         | 25         | 13         | 3            | 100          |

<sup>58</sup> Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em:

| TT | Các hình thức hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại tình dục | Số ca trẻ em bị xâm hại tình dục được hỗ trợ, can thiệp | Tỷ lệ % |
|----|--|---|---------|
|----|--|---|---------|

Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019 có 8.337 em được địa phương hỗ trợ, can thiệp (chiếm tỷ lệ 95,72% tổng số trẻ em bị xâm hại được các địa phương phát hiện, xử lý)<sup>59</sup>.

Đối với các vụ việc phức tạp, nghiêm trọng hoặc giải quyết chậm trễ, Lãnh đạo Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đều chủ động có văn bản hoặc trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chức năng xác minh, có biện pháp hỗ trợ, can thiệp, kịp thời bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân, điều tra, xử lý hành vi xâm hại trẻ em.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch phòng ngừa bạo lực học đường<sup>60</sup>, trong đó có nội dung khảo sát, đánh giá tình hình, phân nhóm học sinh có nguy cơ bị xâm hại để xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường. Khi xảy ra vụ việc xâm hại trẻ em tại các cơ sở giáo dục, 100% trẻ em bị xâm hại đều được áp dụng các biện pháp hỗ trợ, can thiệp từ cơ sở giáo dục và các đơn vị liên quan.

Bộ Y tế đã xây dựng quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<sup>61</sup>; xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê báo cáo đối với trẻ em bị bạo hành và xâm hại tại các cơ sở khám, chữa bệnh; tài liệu hướng dẫn mô hình bảo vệ trẻ em bị xâm hại trong bệnh viện; ưu tiên khám, xử lý các trường hợp trẻ em bị xâm hại; tiến hành tư vấn sức khỏe, hỗ trợ khẩn cấp, đảm bảo tính riêng tư, kín đáo và bảo mật thông tin đối với người bệnh là trẻ em bị xâm hại.

Theo báo cáo của các Trung tâm Pháp y trên cả nước, số vụ giám định trẻ em bị xâm hại tình dục có xu hướng tăng trong 5 năm gần đây<sup>62</sup>. Các đơn vị giám định pháp y đã tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình chứng minh tội phạm xâm hại tình dục. Kết quả giám định

|   |                             |     |       |
|---|-----------------------------|-----|-------|
| 1 | Hỗ trợ tâm lý               | 337 | 42,1% |
| 2 | Hỗ trợ y tế                 | 75  | 9,4%  |
| 3 | Hỗ trợ về giáo dục, đào tạo | 12  | 1,5%  |
| 4 | Hỗ trợ pháp lý              | 46  | 5,8%  |
| 5 | Hỗ trợ xã hội               | 184 | 23%   |

<sup>59</sup> Theo báo cáo của địa phương, giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019 có 9.374 trẻ em bị xâm hại được phát hiện, xử lý.

<sup>60</sup> Công văn số 5812/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 21/12/2018 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng ngừa bạo lực học đường.

<sup>61</sup> Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 17/5/2017 của Bộ Y tế quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

<sup>62</sup> Nguồn: Bộ Y tế:

| Năm                            | 2015  | 2016  | 2017  | 2018  | 6 tháng năm 2019 |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|------------------|
| Số vụ giám định trẻ em bị XHTD | 1.012 | 1.070 | 1.056 | 1.215 | 972              |

được các cơ quan tiến hành tố tụng tin tưởng và sử dụng làm căn cứ trong quá trình giải quyết các vụ việc xâm hại tình dục trẻ em.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo, triển khai các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình nhằm nâng cao nhận thức của người dân về công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, nhất là bạo lực liên quan đến trẻ em.

Bộ Công an đã tổ chức tập huấn<sup>63</sup> nhằm quán triệt sâu sắc nhận thức của cán bộ công an, đặc biệt là công an cấp cơ sở về các biện pháp bảo vệ nạn nhân từ khâu tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác và quá trình điều tra, giải quyết vụ án, hướng dẫn kỹ năng làm việc, điều tra thân thiện với trẻ em là nạn nhân, nhân chứng các vụ xâm hại trẻ em... để hiểu và tôn trọng trẻ em, không để nạn nhân trẻ em bị tái tổn thương trong quá trình giải quyết các vụ án này.

Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn, tuyên truyền về Luật trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em. Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019 đã có 4.188 trẻ em bị xâm hại được trợ giúp pháp lý<sup>64</sup>. Hình thức trợ giúp pháp lý đối với trẻ em bị xâm hại được thực hiện thông qua tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng và các hình thức trợ giúp pháp lý khác. Số vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em bằng hình thức tham gia tố tụng tăng lên hàng năm và chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng này<sup>65</sup>. Phần lớn các vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện đều đạt chất lượng hoặc chất lượng tốt. Các vụ việc tham gia tố tụng đều được các Trung tâm trợ giúp pháp lý tạo điều kiện phân công trợ giúp viên pháp lý, luật sư có nhiều kinh nghiệm thực tế, am hiểu tâm lý trẻ em để thực hiện trợ giúp pháp lý cho các em.

Một số địa phương đã quan tâm hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em: trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, 100% trẻ em trong các vụ việc vi phạm quyền trẻ em, trẻ em bị xâm hại, bạo hành nghiêm trọng đều được Hà Nội quan tâm tư vấn hỗ trợ, ổn định về tâm lý và hòa nhập cộng đồng. Thành phố Hồ Chí Minh cử cán bộ đến địa bàn trực tiếp hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp một cách kịp thời, chặt chẽ, đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ em, đồng thời có văn bản gửi cơ quan điều tra đề nghị cung cấp kết quả giải quyết vụ việc để theo dõi, tổng hợp. Nhiều địa phương ban hành cơ

<sup>63</sup> Từ năm 2015 đến nay, Bộ Công an đã tổ chức 35 khóa tập huấn cho lực lượng công an cơ sở xã, phường, trình sát, điều tra viên công an các địa phương với hơn 3.000 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia. Năm 2019, Bộ tổ chức 12 lớp tập huấn về kỹ năng phòng ngừa, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo, kỹ năng điều tra thân thiện vụ án, vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, mua bán người cho lực lượng cảnh sát hình sự 63 tỉnh, thành phố.

<sup>64</sup> Phụ lục V.

<sup>65</sup> Năm 2018, số vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng hình sự cho trẻ em chiếm hơn 80% số vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự cho trẻ em và chiếm gần 50% tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em.



chế, chính sách và giải pháp đặc thù phù hợp để giải quyết các vấn đề bạo lực, xâm hại trẻ em<sup>66</sup>.

### 3.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Tại một số địa phương, công tác xử lý thông tin, thông báo, tố giác về hành vi xâm hại trẻ em hoặc nhiều trường hợp trẻ em bị xâm hại chưa kịp thời, còn lúng túng do cán bộ thiếu kỹ năng và kiến thức nghiệp vụ nên tham mưu công tác hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại chưa đạt yêu cầu.

- Công tác hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em ở một số địa phương chủ yếu là thăm hỏi, động viên, tặng quà, hỗ trợ tiền, chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em ở cấp xã kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên hiệu quả của công tác hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại chưa cao, chưa chuyên nghiệp.

## 4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về phòng, chống xâm hại trẻ em

### 4.1. Kết quả đạt được

\* Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em:

- Hàng năm, các Bộ, ngành đều có kế hoạch, hướng dẫn các Sở, ban, ngành ở địa phương phê duyệt kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những vụ việc xâm hại trẻ em. Ủy ban quốc gia về trẻ em đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra việc thực hiện quyền trẻ em, trong đó có nội dung về pháp luật, chính sách về phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>67</sup>.

- Từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2019, Thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành 363 cuộc thanh tra liên quan đến việc

<sup>66</sup> Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm về xâm hại tình dục trẻ em trên địa bàn thành phố và giao cho Công an thành phố chủ trì, tham mưu, triển khai, theo dõi

việc thực hiện; mức hưởng trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ (trong đó có trẻ em) của Hà Nội đang cao hơn mức chuẩn của trung ương (Hà Nội là 350.000đ/tháng; Trung ương là 270.000đ/tháng). Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017, trong đó hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em bị xâm hại tình dục phải sinh con và đang nuôi con; trẻ em dưới 72 tháng tuổi sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục (mức dưới 48 tháng tuổi là 70% mức lương cơ sở/trẻ/tháng; từ đủ 48 tháng đến dưới 16 tuổi là 50% mức lương cơ sở/trẻ/tháng). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các sở, ngành trình Ủy ban nhân dân thành phố “Quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

<sup>67</sup> Ủy ban quốc gia về trẻ em đã kiểm tra tại 31 tỉnh, thành phố; năm 2019 tổ chức kiểm tra tại Bộ Giáo dục và Đào tạo.

thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em, ban hành 1.882 kiến nghị nhằm yêu cầu khắc phục sai phạm phát hiện qua thanh tra. Trong đó, Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện 7 cuộc thanh tra tại 7 tỉnh, thành phố về việc thực hiện chính sách, pháp luật trẻ em, cụ thể:

+ 05 cuộc thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn 05 tỉnh (Hà Nam, Ninh Bình, Kiên Giang, Yên Bái, Hà Tĩnh);

+ 02 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố (An Giang, Hà Nội).

Kết quả thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho thấy: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo Thông tư 23/2010/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em; Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; chỉ đạo kịp thời việc thực hiện can thiệp, trợ giúp đối với trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, đã thực hiện tập huấn cho cán bộ cấp xã và tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nhằm phòng ngừa xâm hại trẻ em; Ủy ban nhân dân cấp xã đã thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp đối với trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, đã thiết lập hồ sơ theo quy trình đối với các trường hợp quy định tại Điều 67 Luật Trẻ em; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đã được triển khai với nhiều nội dung, hình thức phong phú.

Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch và triển khai thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em còn hạn chế; một số nội dung thực hiện quy trình thiết lập hồ sơ người nhận chăm sóc thay thế chưa đảm bảo theo quy định; một số văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt còn có điểm chưa phù hợp; hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đối với cha, mẹ, người giám hộ, thành viên hộ gia đình và trẻ em chưa được tiến hành thường xuyên; chưa thành lập hoặc kiện toàn Hội đồng đánh giá xã, phường phù hợp với trẻ em cấp xã; chưa xây dựng mạng lưới cộng tác viên về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; chưa có biện pháp hữu hiệu để theo dõi, thống kê

đầy đủ số đối tượng là trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng trên địa bàn; Sở Tư pháp chưa chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc tổng kết, đánh giá hoạt động nhận chăm sóc thay thế có yếu tố nước ngoài theo quy định; một số cơ sở trợ giúp xã hội chưa thực hiện việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế gửi Sở Tư pháp; chưa lập kế hoạch trợ giúp khi tiếp nhận đối tượng, kế hoạch dừng trợ giúp và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho đối tượng.

Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành 201 kiến nghị đối với các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh được thanh tra yêu cầu khắc phục các thiếu sót phát hiện qua thanh tra.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã lồng ghép nội dung về trẻ em, việc thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em của ngành trong các cuộc kiểm tra tại địa phương về việc thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới, công tác gia đình...

\* Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, ý kiến, kiến nghị liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em:

Từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận 100 đơn thư của công dân có nội dung liên quan đến trẻ em, trong đó có 63 đơn thư thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em (20 đơn thư thông báo, tố giác hành vi bạo lực trẻ em, 41 đơn thư thông báo, tố giác hành vi xâm hại tình dục trẻ em, 01 đơn thư thông báo, tố giác hành vi bóc lột trẻ em, 01 đơn thư thông báo, tố giác hành vi bỏ rơi trẻ em) và 37 đơn thư có nội dung khác (vướng mắc trong làm giấy khai sinh cho trẻ em, tranh chấp quyền nuôi con, cản trở quyền thăm nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn).

Trong tổng số 63 đơn thư liên quan đến thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chuyển 60 đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 01 đơn; yêu cầu Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em kết nối tư vấn, hướng dẫn, giải quyết; lưu 02 đơn vì không đủ điều kiện xử lý (đơn không ký tên và đơn đã gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết)<sup>68</sup>.

#### 4.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Đa số các bộ chưa triển khai thanh tra chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

<sup>68</sup> Phụ lục VI.

- Đến thời điểm này, Nghị định thay thế Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa được ban hành<sup>69</sup> nên chưa có căn cứ để xử lý một số hành vi vi phạm quyền trẻ em, trong đó có hành vi xâm hại trẻ em chưa đến mức xử lý hình sự.

## **5. Về xử lý vi phạm pháp luật và tội phạm xâm hại trẻ em**

### **5.1. Kết quả đạt được**

#### **a) Về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến xâm hại trẻ em:**

Kể từ khi Luật xử lý vi phạm hành chính được ban hành, các vụ việc vi phạm nói chung, xâm hại trẻ em nói riêng xảy ra cơ bản đã được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh trật tự các địa bàn trên cả nước, tăng cường bảo vệ trẻ em. Tỷ lệ số vụ việc đã bị xử phạt so với tổng số vụ việc đã bị phát hiện ngày càng tăng. Với những quy định cụ thể, bảo đảm tính khả thi, công khai, minh bạch của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn, các hành vi vi phạm đã được quy định cụ thể, rõ ràng, góp phần tích cực trong việc đấu tranh, phòng, chống vi phạm hành chính nói chung, vi phạm xâm hại trẻ em nói riêng.

Qua số liệu tổng hợp từ Bộ, ngành cho thấy, giai đoạn 2011 - 2014 có 922 vụ xâm hại trẻ em bị xử lý vi phạm hành chính (trong đó có 921 vụ do các cơ quan công an xử lý; 01 vụ do cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng xử lý), trung bình mỗi năm các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý 230 vụ vi phạm hành chính về xâm hại trẻ em; giai đoạn 2015 - 2019 có 1.236 vụ xâm hại trẻ em bị xử lý vi phạm hành chính (trong đó có 1.234 vụ do các cơ quan công an xử lý; 02 vụ do cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng xử lý), trung bình mỗi năm các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý 275 vụ vi phạm hành chính về xâm hại trẻ em. Như vậy, có thể thấy, số lượng vụ việc bị phát hiện, xử lý vi phạm hành chính giai đoạn 2015 - 2019 gia tăng so với giai đoạn 2011 - 2014<sup>70</sup>.

Về các vụ việc vi phạm hành chính chuyển xử lý hình sự, tổng hợp số liệu từ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<sup>71</sup> cho thấy, giai đoạn 2011 - 2014 có 501 vụ và trong giai đoạn 2015 - 2019 có 1158 vụ chuyển xử lý hình sự theo quy định tại Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính.

#### **b) Về phát hiện, khởi tố, điều tra tội phạm xâm hại trẻ em:**

<sup>69</sup> Tờ trình số 80/TTr-LĐTĐ ngày 31/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hiện nay đang chờ sửa đổi Luật xử lý vi phạm hành chính.

<sup>70</sup> Nguồn: Bộ Tư pháp

<sup>71</sup> 43/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp thông tin, số liệu về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm hại trẻ em giai đoạn 2011-2014 và 57/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cung cấp thông tin, số liệu về xử lý vi phạm hành chính giai đoạn 2015-2019. Nguồn: Bộ Tư pháp

\* Kết quả xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố

Từ năm 2015 đến tháng 9/2019, Cơ quan điều tra các cấp đã tiếp nhận, xử lý **8.632** tố giác, tin báo về tội phạm xâm hại trẻ em, kết quả giải quyết:

- + Khởi tố : 5.141 vụ (59,6%), 5.215 bị can;
- + Không khởi tố : 2.018 tin (23,4%);
- + Chưa có căn cứ xử lý : 468 tin (5,4%);
- + Tạm đình chỉ : 385 tin (4,5%);
- + Đang giải quyết : 620 tin (7,1%).

**- Phân tích tội danh:**

+ Giết con mới đẻ: 65 tin (khởi tố 14 tin, không khởi tố 38 tin, chưa có căn cứ xử lý: 04 tin, tạm đình chỉ 04 tin, đang giải quyết 05 tin);

+ Hiếp dâm người dưới 16 tuổi: 2.468 tin (khởi tố 1599 tin, không khởi tố 469 tin, chưa có căn cứ xử lý: 164 tin, tạm đình chỉ 15 tin, đang giải quyết 221 tin);

+ cưỡng dâm người dưới 16 tuổi: 71 tin (khởi tố 40 tin, không khởi tố 07 tin, đang giải quyết 24 tin);

+ Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi: 4.431 tin (khởi tố 2.622 tin, không khởi tố 1.025 tin, chưa có căn cứ xử lý: 229 tin, tạm đình chỉ 242 tin, đang giải quyết 313 tin);

+ Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi: 1.416 tin (khởi tố 761 tin, không khởi tố 437 tin, chưa có căn cứ xử lý: 64 tin, tạm đình chỉ 120 tin, đang giải quyết 34 tin);

+ Mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt, bắt cóc người dưới 16 tuổi: 170 tin (khởi tố 105 tin, không khởi tố 36 tin, chưa có căn cứ xử lý: 06 tin, tạm đình chỉ 04 tin, đang giải quyết 19 tin);

+ Vi phạm sử dụng lao động là người dưới 16 tuổi: 11 tin (không khởi tố 06 tin, chưa có căn cứ xử lý 01 tin, đang giải quyết 04 tin).

\* Kết quả khởi tố, điều tra tội phạm xâm hại trẻ em:

Theo số liệu của Bộ Công an:

- Năm 2015 phát hiện 1.717 vụ/1.869 đối tượng; khởi tố điều tra 1.272 vụ/1.381 bị can;

- Năm 2016, phát hiện 1.641 vụ/1.807 đối tượng; khởi tố điều tra 1.320 vụ/1.412 bị can;

- Năm 2017, phát hiện 1.592 vụ/1.757 đối tượng; khởi tố điều tra 1.362 vụ/1.644 bị can;

- Năm 2018, phát hiện 1.547 vụ/1.696 đối tượng; khởi tố điều tra 1.261 vụ/1.373 bị can;

- 6 tháng đầu năm 2019 phát hiện 1.327 vụ/1.486 đối tượng; khởi tố điều tra 1.016 vụ/1.045 bị can.

## 5.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

\* Quá trình tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục thường gặp một số khó khăn, vướng mắc sau:

+ Một số cán bộ công an và cán bộ cấp xã chưa được đào tạo, tập huấn, chưa có kinh nghiệm, kỹ năng tâm lý, kỹ năng làm việc với trẻ em trong quá trình tiếp nhận khi họ thông báo, tố giác về tội phạm xâm hại trẻ em, dẫn đến việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo còn chậm trễ, để kéo dài, cá biệt có trường hợp do thiếu kinh nghiệm, kỹ năng nên lúng túng, không nhanh chóng xử lý được tài liệu chứng cứ ban đầu từ nguồn tin báo, thậm chí còn gây phiền hà cho người dân, không có sự hướng dẫn giải thích phù hợp khiến họ chưa tin tưởng vào cơ quan công an, từ đó chưa tích cực cộng tác trong quá trình xác minh, giải quyết vụ việc;

+ Nhận thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, tâm lý xấu hổ, mặc cảm... nên khi vụ việc xảy ra họ thường ngại tố giác, trình báo hoặc trình báo không đầy đủ, không khách quan, đặc biệt là các vụ đối tượng và nạn nhân là người thân, người có quan hệ huyết thống, nhiều trường hợp cam chịu dẫn đến trình báo muộn hoặc chấp nhận việc dàn xếp, giải quyết nội bộ, sau một thời gian do việc dàn xếp không đạt được mới tố giác nên khó khăn cho việc tiếp nhận và xử lý;

+ Các vụ xâm hại tình dục trẻ em nam hầu như không có trình báo, tố giác về tội phạm; do mặc cảm, tự ti nên nạn nhân trẻ em thường né tránh không muốn hợp tác, không muốn nhận mình là nạn nhân, chỉ khi cơ quan công an tích cực phối hợp với các cán bộ trẻ em, cán bộ tâm lý, pháp lý, các em mới dám trình báo, cộng tác;

+ Nhiều vụ việc do trình báo muộn nên dấu vết sinh học, dấu vết trên thân thể không thu thập được, dẫn đến khó khăn trong việc xử lý, khởi tố;

+ Các vụ dâm ô trẻ em hầu như không để lại hoặc rất ít để lại dấu vết, nên không có chứng cứ vật chất, nếu không có người làm chứng hoặc không có kỹ năng điều tra thân thiện, lấy lời khai, hình ảnh từ camera thì rất khó để xử lý nguồn tin báo, tố giác;

+ Khi tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo thì việc xác định độ tuổi của nạn nhân và đối tượng tương đối khó khăn, đặc biệt tại các vùng nông thôn sông

nước miền Đông, Tây Nam Bộ; nhiều trường hợp nạn nhân không có khai sinh, khai sinh muộn hoặc mỗi loại giấy tờ có một ngày sinh khác nhau.

\* Quá trình khởi tố, điều tra tội phạm xâm hại trẻ em còn những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc sau:

- Tồn tại, khó khăn từ khâu xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ

+ Hầu hết các vụ xâm hại trẻ em xảy ra nơi vắng vẻ, hoặc biệt lập như trong gia đình, trong lớp học, cơ sở trông giữ trẻ,... đặc biệt tại các vùng nông thôn sông nước, miền núi hẻo lánh thường được phát hiện muộn nên rơi vào tình trạng thiếu chứng cứ hoặc chứng cứ nhanh bị phân hủy nên rất khó thu thập như máu, lông, tóc, tinh dịch; nạn nhân và gia đình họ do xấu hổ, mặc cảm, sợ lộ thông tin về sự việc ảnh hưởng trong tương lai, danh dự nên không muốn hợp tác hoặc khai báo không đầy đủ; việc giám định dấu vết và độ tuổi không kịp thời nên khó chứng minh tội phạm; những vụ dâm ô rất khó khăn vì ít để lại dấu vết;

+ Nạn nhân còn nhỏ tuổi, lại bị sang chấn tâm lý bởi hành vi xâm hại nên lời khai thường không đầy đủ, thiếu chính xác, thậm chí hay thay đổi lời khai, hoặc khai theo ý của người đại diện (cha, mẹ) nên khó thu thập tài liệu chính xác;

+ Trường hợp trình báo muộn, hoặc có sự dàn xếp, thỏa thuận tự xử lý nội bộ giữa gia đình nạn nhân và đối tượng nên vụ việc không được trình báo, hoặc sau một thời gian khi việc dàn xếp, thỏa thuận không thành mới tố giác nên khó khăn cho việc xác minh điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ;

+ Có những trường hợp đối tượng và gia đình đối tượng mua chuộc, gây áp lực, đe dọa thách thức nạn nhân hoặc những người biết việc khác ngại việc cộng tác, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc;

+ Tâm lý xấu hổ, sợ ảnh hưởng tương lai và nhiều vấn đề nhạy cảm khác, kể cả việc chưa tin tưởng cơ quan pháp luật khiến nạn nhân và người thân mặc cảm, cam chịu và né tránh cộng tác, cung cấp nguồn của tài liệu chứng cứ;

+ Hầu hết các vụ xâm hại tình dục trẻ em không có người làm chứng trực tiếp nếu không bị phát hiện quả tang, do đối tượng lựa chọn không gian, thời gian, địa điểm vắng vẻ, kín đáo mới thực hiện hành vi phạm tội, hoặc đối tượng đe dọa nạn nhân phải giữ kín nên hầu hết chỉ được phát hiện khi người thân tiếp xúc, phát hiện các dấu hiệu như hoảng loạn, đau, ngứa hoặc có dấu vết tổn thương, tẩy sừng, xước bộ phận sinh dục hoặc các bộ phận khác trên cơ thể, nhiều trường hợp khi nạn nhân có thai mới được phát hiện;

+ Đối tượng triệt để lợi dụng các phương tiện công nghệ cao, các trang mạng xã hội để tiếp cận, dụ dỗ, lừa gạt nên chứng cứ điện tử dễ bị tiêu hủy. Năng lực, kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ trinh sát, điều tra viên còn hạn chế nên khó thu thập được dữ liệu điện tử một cách nhanh chóng;

+ Mặc dù Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015 đã quy định cụ thể thời gian giám định đối với từng vụ việc, vụ án, tuy nhiên thực tế một số vụ án xâm hại tình dục trẻ em kết quả giám định còn kéo dài, chậm ra Quyết định khởi tố vụ án;

+ Việc thu thập dữ liệu điện tử nhằm giám định, sử dụng làm chứng cứ mới được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên còn khó khăn, ngỡ ngàng trong việc thực hiện.

- Tồn tại, khó khăn từ chính cơ quan công an:

+ Một số cán bộ trinh sát viên, điều tra viên, công an cơ sở tuyển đầu như xã, phường chưa được đào tạo, tập huấn, chưa có kinh nghiệm, kỹ năng tâm lý, kỹ năng làm việc với trẻ em hoặc người cung cấp tin báo nên không có kỹ năng tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, vì vậy không thu thập được tài liệu chứng cứ ban đầu từ lời khai các vụ xâm hại trẻ em; còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch giải quyết vụ việc, không lựa chọn được các biện pháp xử lý phù hợp, vì vậy thường bỏ sót chứng cứ hoặc không biết cách thu thập chứng cứ kịp thời, nhiều vụ để lộ thông tin của trẻ em là nạn nhân bị xâm hại;

+ Cá biệt có cán bộ công an do nhận thức chưa đầy đủ nên trong quá trình xác minh, điều tra tội phạm bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em còn vô cảm, chậm trễ, chưa thể hiện trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của người thực thi pháp luật, chưa chú trọng đến nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ em và bảo vệ an toàn cho nạn nhân bị xâm hại, để trẻ em bị tái tổn thương trong quá trình xác minh, điều tra; không xây dựng được kế hoạch cụ thể, đầy đủ và khoa học nên phải gọi hỏi, làm việc nhiều lần khiến nạn nhân và người thân của họ mệt mỏi, thậm chí gây phiền hà, làm mất niềm tin của người dân vào cơ quan pháp luật, khiến họ không muốn trình báo, cộng tác với cơ quan công an;

+ Do áp lực sợ oan sai nên nhiều vụ việc Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát quá thận trọng, cầu toàn trong việc đánh giá và sử dụng chứng cứ, đặc biệt nhiều vụ đòi hỏi phải có người chứng kiến trực tiếp là không phù hợp với thực tiễn, dẫn đến vụ việc bị chậm trễ, kéo dài hoặc không khởi tố được.

## **6. Công tác phối hợp về phòng, chống xâm hại trẻ em**

### **6.1. Kết quả đạt được**



- Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ủy ban quốc gia về trẻ em<sup>72</sup> để giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, điều phối giữa các bộ, ngành; phối hợp giữa các địa phương trong việc thực hiện quyền của trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em.

- Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em lần đầu tiên với 675 điểm cầu và khoảng 18.000 đại biểu tham dự từ Trung ương đến cấp xã. Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, quán triệt việc tăng cường quản lý nhà nước về công tác bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>73</sup>.

- Trước tình hình vụ việc xâm hại tình dục trẻ em diễn biến phức tạp, gây bức xúc trong dư luận xã hội, Ủy ban quốc gia về trẻ em và Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành nhiều văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương về việc chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em<sup>74</sup>.

- Các bộ, ngành đã phối hợp để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em từ phòng ngừa, phát hiện, giải quyết vụ việc đến hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em và xử lý nghiêm khắc hành vi xâm hại trẻ em<sup>75</sup>; chủ động phối hợp trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, từ đề xuất, tham gia soạn thảo, lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã kịp thời hướng dẫn những chủ trương, nội dung mới, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh; ghi nhận và biểu dương những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, thực hiện công tác bảo vệ trẻ em,

<sup>72</sup> Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 15/6/2017

<sup>73</sup> Thông báo số 324/TB-VPCP ngày 29/8/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị trực tuyến.

<sup>74</sup> Công văn số 995/LĐTĐBXH-TE ngày 17/3/2017 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, thực hiện các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Công văn số 1848/LĐTĐBXH-TE ngày 14/5/2018 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai và phối hợp thực hiện công tác bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, xử lý các vụ việc xâm hại trẻ em tại địa phương; Công văn số 2805/LĐTĐBXH-TE ngày 15/7/2019 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đẩy mạnh công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (triển khai kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam và kiến nghị của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội). Công văn số 4745/UBQGTE ngày 09/11/2018 của Ủy ban quốc gia về trẻ em đề nghị Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ, ngành triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em. Công văn 5079/UBQGTE ngày 30/11/2018 của Ủy ban quốc gia về trẻ em gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường công tác bảo vệ trẻ em.

<sup>75</sup> Phụ lục VII.

phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>76</sup>. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025<sup>77</sup>; phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động “Năm an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động chiến dịch “Hành động vì trẻ em”.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về bảo đảm an ninh, an toàn trường học và phòng, chống bạo lực học đường tại 650 điểm cầu trực tuyến với sự tham gia của gần 20.000 đại biểu từ trung ương đến địa phương và hiệu trưởng các nhà trường, chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống bạo lực học đường. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục<sup>78</sup>, xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong thời gian tới là “không để xảy ra các vụ việc bạo lực học đường ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự trường học, an toàn của cán bộ, nhà giáo và người học”; triển khai, tổ chức hoạt động và tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm cho học sinh, sinh viên; hướng dẫn, khai thác, sử dụng internet, mạng xã hội một cách hiệu quả, phòng, chống xâm hại trẻ em và bạo lực học đường.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm đầu mối triển khai có hiệu quả công tác phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định<sup>79</sup>. Từ năm 2017, các bộ, ngành đã họp theo định kỳ 6 tháng, 01 năm để đánh giá những kết quả đạt được và xây dựng nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tới, trong đó, tình trạng xâm hại, bạo lực trẻ em trong gia đình gây bức xúc dư luận được các bộ, ngành quan tâm và đưa thành nội dung quan trọng của công tác phòng, chống bạo lực gia đình của từng bộ, ngành.

- Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện, huy động nguồn lực, nâng cao năng lực, trao đổi thông tin, thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người<sup>80</sup>.

---

<sup>76</sup> Phụ lục VIII.

<sup>77</sup> Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23/12/2019

<sup>78</sup> Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BCA-BGDĐT ngày 28/8/2015.

<sup>79</sup> Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

<sup>80</sup> Quyết định số 2468/QĐ-BCA-C41 ngày 28/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc liên quan đến quyền con người nói chung, quyền của trẻ em nói riêng<sup>81</sup>; đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch chuẩn bị gia nhập Công ước La Hay năm 1980 về khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em quốc tế giai đoạn 2018 - 2021<sup>82</sup>, bao gồm các hoạt động về rà soát pháp luật, đánh giá chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, tuyên truyền phổ biến Công ước và pháp luật Việt Nam.

## 6.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành hiện nay chủ yếu dựa trên các kế hoạch phối hợp nên tính pháp lý không cao, hiệu quả còn hạn chế.

- Việc phối hợp chia sẻ thông tin, báo cáo kết quả hoạt động và tình hình thực hiện quyền trẻ em theo trách nhiệm được giao của các bộ, ngành còn chậm và chưa đầy đủ dẫn đến công tác báo cáo, tổng hợp còn hạn chế về số liệu và đánh giá.

- Cơ chế thông tin, báo cáo từ cơ sở về trung ương để phản ánh những vấn đề liên quan đến quyền, bổn phận của trẻ em chưa thông suốt, kịp thời. Vẫn còn nhiều vấn đề, vụ việc liên quan đến trẻ em chưa được nắm bắt, phản ánh đầy đủ.

## 7. Công tác hợp tác quốc tế về phòng, chống xâm hại trẻ em

### 7.1. Kết quả đạt được

Công tác phòng, chống xâm hại trẻ em được các tổ chức quốc tế quan tâm và dành sự hỗ trợ cho Việt Nam cả trên phương diện kỹ thuật, tài chính, kinh nghiệm để thúc đẩy việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu quốc gia liên quan đến bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện các dự án về thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em. Bộ Tư pháp chủ trì triển khai các hoạt động nghiên cứu, rà soát, đánh giá pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Bộ Công an thực hiện nâng cao năng lực, học tập, nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ ngành công an về phòng, chống xâm hại trẻ em và hỗ trợ, bảo vệ trẻ em là nạn nhân bị xâm hại.

### 7.2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Việc lồng ghép các nguồn lực giữa các tổ chức quốc tế còn chưa chặt chẽ, chưa phát huy tối đa hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

<sup>81</sup> Quyết định số 1252/QĐ-TTg ngày 26/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>82</sup> Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 11/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ

- Quy trình, thủ tục phê duyệt dự án còn phức tạp, kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả thực hiện dự án.

## **8. Công tác tổ chức, cán bộ, bảo đảm kinh phí cho phòng, chống xâm hại trẻ em**

Trong Hội nghị trực tuyến với các bộ, ngành và địa phương về công tác bảo vệ trẻ em, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em, thành lập nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã và ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các quyền của trẻ em và bảo vệ trẻ em.

### **8.1. Về tổ chức, cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em**

#### **a) Tổ chức, cán bộ và kết quả hoạt động**

\* Tổ chức, bộ máy làm công tác bảo vệ trẻ em hiện nay<sup>83</sup>

- Cấp Trung ương: Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Trẻ em) có 78 người, trong đó có 34 công chức, 13 viên chức, 24 hợp đồng lao động, 07 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Cơ cấu tổ chức của Cục có 06 phòng, đơn vị: Phòng Bảo vệ trẻ em; Phòng Chăm sóc trẻ em; Phòng Phát triển và tham gia của trẻ em; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Văn phòng; Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ truyền thông.

Đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo Điều 8 Luật trẻ em gồm 34 công chức để triển khai khối lượng công việc rất lớn; là đơn vị đầu mối giúp việc cơ quan thường trực Ủy ban quốc gia về trẻ em; hướng dẫn, hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện các hoạt động, xử lý các vụ việc về xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích trẻ em; tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát tại địa phương; duy trì cơ sở dữ liệu về trẻ em.

- Cấp tỉnh: Hiện nay cơ cấu tổ chức của đơn vị quản lý, phụ trách công tác quản lý nhà nước về trẻ em thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo nhiều mô hình khác nhau<sup>84</sup>. Phòng phụ trách công tác quản lý nhà nước về trẻ em cấp tỉnh không thống nhất trong cả nước; tại một số địa phương, công tác trẻ em được giao cho “Phòng Bảo trợ xã hội và Bình đẳng giới”, “Phòng Người có công và Xã hội”, “Phòng Quản lý lĩnh vực xã hội” đảm nhận.

Cả nước có 276 công chức làm công tác trẻ em cấp tỉnh, trung bình mỗi tỉnh có 4,3 công chức làm công tác trẻ em. Tính trên các nhiệm vụ của Trung

<sup>83</sup> Phụ lục IX.

<sup>84</sup> Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới; Phòng Bảo trợ xã hội - Bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Phòng Bảo trợ xã hội...

ương giao và nhiệm vụ quản lý nhà nước về điều phối thực hiện quyền trẻ em ở cấp tỉnh cho thấy khối lượng và áp lực công việc là rất lớn.

Tổ chức phối hợp liên ngành về công tác trẻ em cấp tỉnh hiện có 63/63 tỉnh, thành phố.

- Cấp huyện: Cả nước có 1.168 công chức làm công tác trẻ em cấp huyện, trung bình mỗi huyện có 1,6 người làm công tác trẻ em, trong đó có 194 cán bộ chuyên trách (16,61%), 974 cán bộ, công chức kiêm nhiệm (83,39%). 662/712 huyện (92,9%) có thành lập tổ chức phối hợp liên ngành về công tác trẻ em.

- Cấp xã: Tổng số cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã là 12.660 người, trong đó có 496 cán bộ chuyên trách (3,92%); 12.164 cán bộ, công chức kiêm nhiệm (96,08%) (gồm 9.099 công chức văn hóa xã hội chuyên trách theo dõi về lao động - thương binh và xã hội; 3.065 cán bộ kiêm nhiệm bao gồm cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ Đoàn Thanh niên,...).

Tại 9.837/11.160 xã, phường, thị trấn có tổ chức phối hợp liên ngành, chiếm 88,15%.

Hiện có 24/63 tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản có chế độ phụ cấp cho đội ngũ cộng tác viên cấp xã từ mức 50.000 đồng đến hệ số 0,3 mức lương cơ sở/tháng<sup>85</sup>.

\* Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ làm công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên nhằm phòng, chống xâm hại trẻ em:

Để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng hai bộ tài liệu tập huấn cho đội ngũ người làm công tác trẻ em ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; triển khai đào tạo đội ngũ giảng viên nguồn; bộ tài liệu tập huấn cho đội ngũ lãnh đạo cấp phòng và quy hoạch vào lãnh đạo cấp phòng của ngành, trong đó có các chuyên đề về trẻ em đang được xây dựng. Các địa phương cũng chủ động tổ chức các khóa tập huấn ngắn ngày cho đội ngũ người làm công tác trẻ em cấp huyện, cấp xã và đội ngũ cộng tác viên.

b) Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Đối với cấp xã, công tác trẻ em chủ yếu được kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác trẻ em còn hạn chế. Phần lớn cán bộ kiêm nhiệm công tác trẻ em lại chưa được đào tạo cơ bản về quyền trẻ em và công tác xã hội nên chất

<sup>85</sup>Phụ lục X.

lượng, hiệu quả hoạt động công tác trẻ em chưa cao. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chỉ bố trí 01 người chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác trẻ em nên không đủ thời gian triển khai đầy đủ các hoạt động theo chỉ đạo của các bộ, ngành trung ương và sở, ban, ngành địa phương.

- Việc tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và cộng tác viên làm công tác trẻ em còn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực địa phương có hạn và cơ quan tổ chức tập huấn không hỗ trợ cho người học là cán bộ, công chức các cấp đi tập huấn theo cơ chế tài chính hiện hành, người học phải sử dụng ngân sách của cơ quan cử đi học. Vì vậy, hầu hết các cán bộ, công chức muốn tham gia tập huấn nâng cao năng lực đều gặp khó khăn về công tác tài chính nên việc tham gia bị hạn chế.

8.2. Về tổ chức và hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

a) Kết quả đạt được

Quốc hội, Chính phủ đã ban hành các văn bản quản lý việc thành lập, hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em:

- Quy định các loại hình, điều kiện, thủ tục thành lập, hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em<sup>86</sup>; Quy định điều kiện, thủ tục thành lập, hoạt động và giải thể các cơ sở trợ giúp xã hội<sup>87</sup>; Quy định về chăm sóc thay thế<sup>88</sup>; trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển hình thức chăm sóc thay thế<sup>89</sup>.

- Quy định đối tượng phục vụ của cơ sở trợ giúp xã hội, bao gồm các đối tượng trẻ em: nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú; những người không thuộc diện đối tượng bảo trợ xã hội nhưng có nhu cầu được trợ giúp xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí hoặc có người thân, người nhận bảo trợ đóng góp kinh phí; đối tượng khác theo chương trình, đề án hỗ trợ hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định<sup>90</sup>.

- Xây dựng chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng trẻ em nạn nhân là đối tượng phục vụ của cơ sở trợ giúp xã hội<sup>91</sup>; Quy định các dịch vụ

<sup>86</sup>Luật trẻ em, Chương IV, Mục 2 (Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em).

<sup>87</sup>Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

<sup>88</sup> Luật trẻ em, Chương IV, Mục 3 (Chăm sóc thay thế).

<sup>89</sup> Mục 2, Chương 5, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

<sup>90</sup> Điều 6 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

<sup>91</sup> Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013

do cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập cung cấp<sup>92</sup>; Quy định tiêu chuẩn chăm sóc, trợ giúp đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội<sup>93</sup>; Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có các cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp, cơ sở trợ giúp xã hội trẻ em<sup>94</sup>.

Hiện nay, toàn quốc có 63 trung tâm trợ giúp pháp lý và 418 cơ sở trợ giúp xã hội (gồm 195 cơ sở công lập và 223 cơ sở ngoài công lập), trong đó có một số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em<sup>95</sup>. Hàng tháng, có 48.259 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

Công tác nâng cao năng lực cho các cơ sở trợ giúp xã hội (trong đó có nội dung về phòng, chống xâm hại trẻ em): Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tiến hành đào tạo công tác xã hội hệ vừa làm, vừa học cho khoảng 3.000 lượt chỉ tiêu/năm; phối hợp với các trường đại học tổ chức đào tạo cán bộ, giảng viên dạy nghề công tác xã hội cho các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm công tác xã hội, bảo trợ xã hội trong cả nước; hỗ trợ các tỉnh, thành phố bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho 10.000 cán bộ, nhân viên công tác xã hội để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn như công tác tư vấn, tham vấn, trợ giúp đối tượng trẻ em là nạn nhân bị xâm hại. Trong hai năm 2017 và 2018, có 276 lượt cán bộ đang làm việc tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành về tham vấn tâm lý cho trẻ em và phương pháp can thiệp, trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

\* Đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội có chăm sóc đối tượng là trẻ em:

Các cơ sở cung cấp dịch vụ căn cứ vào các tiêu chuẩn chăm sóc, quy trình trợ giúp đối tượng, đã cung cấp các dịch vụ cụ thể liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em. Các cơ sở trợ giúp xã hội có chăm sóc đối tượng là trẻ em đã thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Để bảo đảm đời sống cho đối tượng thụ hưởng chính sách, có 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thực hiện điều chỉnh mở rộng

<sup>92</sup>Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 27/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<sup>93</sup>Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

<sup>94</sup>Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025, trong đó có nội dung quy hoạch các cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: nâng cấp, mở rộng 35 cơ sở (trong đó có 10 cơ sở công lập và 25 cơ sở ngoài công lập); phát triển mới 30 cơ sở ngoài công lập; đảm bảo hoạt động của 17 cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc trẻ em mồ côi (Làng trẻ em SOS).

<sup>95</sup> Phụ lục XI.

đối tượng hưởng chính sách và nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội cao hơn mức chuẩn quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

b) Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội trong đó có trợ giúp nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị buôn bán... còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm trẻ em là nạn nhân bị xâm hại). Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, trợ giúp của đối tượng. Một số cơ sở trợ giúp xã hội chưa đa dạng về các loại hình dịch vụ cũng như sự kết nối với các cơ quan phúc lợi xã hội.

- Cán bộ, nhân viên làm việc trong các cơ sở trợ giúp xã hội có thu nhập thấp so với mặt bằng chung của đời sống xã hội nên các cơ sở gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút cán bộ, nhân viên gắn bó với nghề. Định biên cán bộ, nhân viên lại phụ thuộc vào khả năng bố trí của địa phương nên các cơ sở thường xuyên trong tình trạng thiếu nhân viên chăm sóc đối tượng. Nhiều nhân viên được đào tạo từ các chuyên ngành khác nhau và không được đào tạo chuyên sâu về công tác xã hội nên còn hạn chế kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về phòng, chống xâm hại trẻ em và trợ giúp nạn nhân bị xâm hại.

- Tại một số cơ sở, việc tổ chức tập huấn cho cán bộ nhân viên về các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt (bao gồm nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em, trợ giúp nạn nhân bị xâm hại) và tập huấn cho các em học tập về quyền trẻ em, về các biện pháp phòng bệnh và kỹ năng sống còn hạn chế, chưa được quan tâm, bố trí nguồn lực hiện.

8.3. Về cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm cho công tác phòng, chống xâm hại trẻ em

a) Những kết quả đạt được

\* Việc bố trí, sử dụng kinh phí ngân sách.

- Kinh phí bố trí cho cơ quan, đơn vị từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em từ năm 2015 đến ngày 30/6/2019: Hằng năm, ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thông qua chính sách, chương trình, đề án và hoạt động thường xuyên của các bộ, ngành, địa phương theo lĩnh vực và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể:



+ Ngân sách trung ương đảm bảo chi các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em do các bộ, cơ quan trung ương thực hiện; chi thực hiện các chương trình mục tiêu; hỗ trợ có mục tiêu cho một số địa phương ngân sách khó khăn để thực hiện các chính sách, chế độ, đề án, chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em.

+ Căn cứ khả năng ngân sách địa phương cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, đề án, chương trình và hoạt động thường xuyên cho công tác bảo vệ, chăm sóc, phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực sự nghiệp y tế, giáo dục, bảo đảm xã hội và các sự nghiệp khác.

Trên cơ sở báo cáo của 39/63 tỉnh, thành phố và một số bộ, ngành, từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019, ngân sách nhà nước đã bố trí kinh phí thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>96</sup>, cụ thể như sau:

+ Ngân sách trung ương bố trí thông qua các Chương trình mục tiêu cho các bộ, ngành và địa phương giai đoạn 2016 - 2019: 161,382 tỷ đồng để thực hiện Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020; 250 tỷ đồng để thực hiện Dự án đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người thuộc Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy giai đoạn 2016 - 2020.

+ Ngân sách trung ương đã bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, ngành trung ương trong giai đoạn 2015 - 2019 cụ thể như sau<sup>97</sup>:

Khoảng 106 tỷ đồng cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện các Chương trình, Đề án cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến lĩnh vực trẻ em. Kinh phí được bố trí thông qua ngành Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (trong đó có phòng, chống xâm hại trẻ em) tăng qua các năm (năm 2015 là 24.863 triệu đồng đến năm 2019 là 36.190 triệu đồng), kinh phí được bố trí tăng chủ yếu do thực hiện một số Chương trình, Đề án mới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó có Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội.

<sup>96</sup> Báo cáo số 1373/BTC-HCSN ngày 12/02/2020 của Bộ Tài chính.

<sup>97</sup> Phụ lục XIIa.

25 tỷ đồng cho Bộ Quốc phòng để thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn mại dâm và phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới, bảo vệ và chăm sóc trẻ em làm trái pháp luật.

31,28 tỷ cho Bộ Công an để thực hiện công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

940 triệu đồng cho Bộ Giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường theo quy định.

Khoảng 46 tỷ đồng cho Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Trung ương đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để thực hiện tổ chức hội thảo, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, vận động hỗ trợ, tăng cường vai trò của cha mẹ và gia đình trong bảo vệ trẻ em; xây dựng mô hình can thiệp dự phòng hỗ trợ cha mẹ, gia đình bảo vệ trẻ em; biên soạn và phát hành bộ tài liệu giáo dục cha mẹ, tập trung hướng dẫn bảo vệ chăm sóc cho sự phát triển toàn diện trẻ thơ.

+ Ngân sách địa phương: trên cơ sở các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã trình Hội đồng dân nhân cùng cấp về giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cấp, các ngành theo quy định. Theo báo cáo của 39/63 địa phương, ngân sách địa phương đã bố trí khoảng 4.493 tỷ đồng để thực hiện công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>98</sup>.

Kinh phí bố trí, sử dụng tại địa phương: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất phân bổ nguồn lực từ Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội cho các tỉnh, thành phố chưa tự đảm bảo thu chi ngân sách để thực hiện các mục tiêu bảo vệ trẻ em, trong đó có kinh phí để địa phương triển khai mô hình “Cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và dịch vụ xã hội cơ bản đối với trẻ em có nguy cơ, trẻ em bị xâm hại/bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”.

- Qua tổng hợp báo cáo của các bộ, ngành và địa phương, việc sử dụng ngân sách nhà nước cho công tác phòng, chống xâm hại trẻ em đã đạt được kết quả sau:

+ Các đơn vị đã được giao quyền chủ động trong việc sử dụng kinh phí được phê duyệt thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhằm đảm bảo mục tiêu sử dụng kinh phí hiệu quả theo định mức chi cho từng nội dung công việc.

---

<sup>98</sup> Phụ lục XIIIb.

+ Trên cơ sở dự toán kinh phí được giao hằng năm, các bộ, ngành và địa phương đã thực hiện tốt các hoạt động nhằm tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em tại địa phương như truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em; tổ chức hội nghị triển khai Tháng hành động vì trẻ em; giao lưu trẻ em vượt khó khăn; tổ chức diễn đàn trẻ em; tập huấn nâng cao năng lực về công tác trẻ em cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã.

+ Hằng năm, ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối bố trí qua kinh phí Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống xã hội để thực hiện dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em, một số tỉnh như Lạng Sơn, Yên Bái, Hà Tĩnh, Tây Ninh, Cà Mau... đã chủ động cân đối ngân sách địa phương để thực hiện một số chương trình như: chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em, chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em, tuyên truyền Luật trẻ em...

+ Kinh phí bố trí đã được các cơ quan, đơn vị tổ chức và phối hợp tổ chức truyền thông về phòng, chống xâm hại trẻ em; tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình, giáo viên, người dân trong cộng đồng và của chính bản thân trẻ em về vấn đề bảo vệ trẻ em.

\* Việc huy động, sử dụng các nguồn khác (vốn vay; viện trợ; huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn huy động hợp pháp khác)

- Theo báo cáo của 39/63 địa phương, kinh phí huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019 là khoảng 182 tỷ đồng<sup>99</sup>.

- Ngoài ra, ngân sách trung ương đã bố trí kinh phí cho các bộ, ngành và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua các Chương trình mục tiêu, dự án có vốn viện trợ.

#### b) Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Nguồn kinh phí thực hiện công tác phòng, chống xâm hại trẻ em bố trí lồng ghép trong các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em không chi tiết nhiệm vụ thực hiện công tác phòng, chống xâm hại trẻ em nên việc tổng hợp số liệu kinh phí bố trí để thực hiện phòng, chống xâm hại trẻ em gặp nhiều khó khăn.

- Do điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn nên việc phân bổ ngân sách cho công tác phòng, chống xâm hại trẻ em còn hạn chế hoặc chưa tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của các địa phương.

<sup>99</sup> Phụ lục XIIb.

- Một số nhiệm vụ, nội dung còn chậm bố trí kinh phí (Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 đến năm 2018 mới được bố trí kinh phí); Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội mặc dù đã phân kỳ thực hiện nhưng năm 2016 mới chỉ bố trí 14.260 triệu đồng dẫn đến kinh phí chủ yếu phân bổ thực hiện vào năm 2019 - 2020 ảnh hưởng đến kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình).

- Kinh phí bố trí cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tăng hằng năm nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa tương xứng so với các lĩnh vực chăm sóc y tế, giáo dục. Tuy có chương trình, đề án dành cho trẻ em, nhưng nguồn kinh phí bố trí rất thấp, chỉ để chỉ đạo thực hiện thí điểm. Chưa có nguồn ngân sách tăng cường để giải quyết những vấn đề nóng (bạo lực, xâm hại tình dục, đuối nước). Nhiều địa phương chưa quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các chương trình, đề án dành cho trẻ em; bố trí ngân sách chi thường xuyên ở mức thấp cho công tác bảo vệ trẻ em thông qua ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; rút bớt ngân sách địa phương khi có ngân sách trung ương hỗ trợ.

## **9. Các công tác khác thuộc trách nhiệm của Chính phủ**

9.1. Kết quả hoạt động của Ủy ban quốc gia về trẻ em trong việc phòng, chống xâm hại trẻ em.

Sau hơn hai năm thành lập<sup>100</sup>, Ủy ban quốc gia về trẻ em đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em. Thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành nắm bắt tình hình, kiểm tra, chỉ đạo một số bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Với vai trò là cơ quan thường trực của Ủy ban quốc gia về trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực đôn đốc các địa phương quan tâm bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã theo hướng linh hoạt, tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ sao cho phù hợp<sup>101</sup>; đồng thời hướng dẫn nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã<sup>102</sup> thực hiện các hoạt động tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em, trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi; xây dựng, triển khai kế hoạch hỗ trợ, can thiệp theo quy định của Luật trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

<sup>100</sup> Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 về việc thành lập Ủy ban quốc gia về trẻ em.

<sup>101</sup> Công văn số 2805/LĐTĐ-BHXH-TE ngày 15/7/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.

<sup>102</sup> Công văn số 4541/LĐTĐ-BHXH-TE ngày 24/10/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn hoạt động của nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã.

9.2. Công tác quản lý hoạt động của các tổ chức xã hội về bảo vệ quyền trẻ em trong việc phòng, chống xâm hại trẻ em.

a) Kết quả đạt được

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường phối hợp, vận động các thành viên của tổ chức xã hội hỗ trợ, tham gia xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch, dịch vụ đáp ứng quyền của trẻ em, phòng ngừa hành vi vi phạm quyền của trẻ em; thực hiện lấy ý kiến góp ý của các tổ chức xã hội liên quan trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật, chính sách phòng, chống xâm hại trẻ em.

Nhằm tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong bảo vệ quyền trẻ em, đặc biệt là phòng, chống xâm hại trẻ em, hằng năm Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ, phối hợp với một số tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội (Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi Việt Nam, Hiệp hội Giáo dục nghề nghiệp và Nghề công tác xã hội Việt Nam...) thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến trẻ em, đáp ứng quyền của trẻ em theo tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức đã được pháp luật quy định, đồng thời tiếp nhận, thu thập thông tin từ thành viên và xã hội để phản ánh, kiến nghị, tư vấn cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện quyền trẻ em nói chung, phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng.

Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã tổ chức việc kết nối, thu thập thông tin, kiến nghị của các tổ chức xã hội và của trẻ em chuyển đến các cơ quan nhà nước để góp ý, tư vấn cho việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em; tham gia giám sát thực hiện quyền trẻ em; phát biểu chính kiến, kiến nghị của Hội đối với các cơ quan nhà nước có liên quan về các vấn đề về trẻ em và các vụ việc vi phạm pháp luật về trẻ em<sup>103</sup>.

b) Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mới chỉ hỗ trợ, phối hợp, hướng dẫn các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong cung cấp dịch vụ, nâng cao năng lực để triển khai các hoạt động bảo vệ quyền trẻ em, chưa thực hiện các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra việc sử dụng các nguồn lực, cung cấp các dịch vụ của các tổ chức xã hội về bảo vệ quyền trẻ em.

<sup>103</sup> 5 năm qua, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã tư vấn, tiếp nhận và xử lý hơn 540 vụ trong đó gần 240 vụ liên quan tới XHTD trẻ em, 220 vụ liên quan tới bạo hành, ngược đãi trẻ em; tổ chức gần 30 cuộc truyền thông tại 5 tỉnh, thành phố; tham gia trả lời phỏng vấn các cơ quan truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương; tham gia xét xử 18 vụ án có liên quan đến trẻ em.

### 9.3. Công tác báo cáo Quốc hội hằng năm của Chính phủ về trẻ em

Thực hiện Điều 80 Luật trẻ em, năm 2019, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em từ khi Luật trẻ em có hiệu lực đến nay<sup>104</sup>. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hằng năm chuẩn bị nội dung liên quan đến các vấn đề của trẻ em; phòng, chống xâm hại trẻ em phục vụ chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp của Quốc hội, các kiến nghị mà đại biểu Quốc hội cũng như dư luận xã hội quan tâm liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em.

### 9.4. Công tác bảo đảm điều kiện để Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em) thực hiện nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em

Luật trẻ em năm 2016 quy định Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em<sup>105</sup>. Ngay từ năm 2017, Chính phủ đã cam kết hỗ trợ tạo điều kiện để Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện Tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em theo quy định của Luật trẻ em<sup>106</sup>. Năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký kết Chương trình phối hợp công tác với Trung ương Đoàn<sup>107</sup>, hỗ trợ Trung ương Đoàn xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai thí điểm mô hình Hội đồng trẻ em<sup>108</sup> (năm 2017), nâng cao năng lực thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em cho đội ngũ cán bộ nòng cốt của Trung ương Đoàn (năm 2019).

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em giai đoạn 2018 - 2022<sup>109</sup>; thành lập Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và tiếp nhận thông tin về trẻ em<sup>110</sup>; triển khai tổ chức chiến dịch phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em với chủ đề “Hành động vì trẻ em” (năm 2019).

<sup>104</sup> Báo cáo số 475/BC-CP ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ.

<sup>105</sup> Điều 77 Luật trẻ em.

<sup>106</sup> Điều 6 Quy chế phối hợp công tác của Chính phủ và Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giai đoạn 2017-2022 ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/NQLT-CP-BCHTWĐ ngày 29/12/2017 giữa Chính phủ và Ban chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

<sup>107</sup> Chương trình phối hợp số 35 - CTPH/TWĐTN-BLĐTBXH ngày 27/3/2017 giữa Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong đó có nội dung về tăng cường thực hiện quyền trẻ em; thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em.

<sup>108</sup> Mô hình “Hội đồng trẻ em” đã được thí điểm thành công tại 05 tỉnh, thành phố (Quảng Ninh, Yên Bái, Bình Định, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) và hiện nay đã nhân rộng thêm 04 tỉnh, thành phố (Lai Châu, Ninh Bình, Đà Nẵng, An Giang).

<sup>109</sup> Kế hoạch số 130 - KH/TWĐTN-CTTN ngày 27/1/2/2018 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

<sup>110</sup> Quyết định số 718 - QĐ/TWĐTN-CTTN ngày 12/4/2019 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

## 9.5. Các công tác khác

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo, hướng dẫn triển khai một số mô hình: cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ xã hội cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt<sup>111</sup>; mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em<sup>112</sup>.

Bộ Y tế đã hướng dẫn các bệnh viện thành lập Phòng, Tổ công tác xã hội để hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn cho người bệnh, người nhà bệnh nhân trong quá trình khám, chữa bệnh. Các trường hợp trẻ em đến giám định tại Viện Pháp y quốc gia và các Trung tâm Pháp y các tỉnh, thành phố đều được hỗ trợ về tâm lý, tư vấn pháp lý và điều trị phục hồi sức khỏe.

Bộ Công an đã xây dựng và nhân rộng các mô hình “Phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng”; “Phòng ngừa trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em bị bạo lực, mua bán”; “Phòng điều tra thân thiện với trẻ em” tại một số địa bàn trọng điểm như Hà Giang, Yên Bái, Bắc Giang, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Hòa Bình, Tuyên Quang, Quảng Nam, Quảng Bình, Đồng Tháp, Nam Định, Sơn La, Tây Ninh, Hải Dương, An Giang, Hậu Giang..., góp phần từng bước tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phát huy vai trò trách nhiệm của cán bộ cơ sở, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, gia đình, nhà trường trong thực hiện công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

Bộ Tư pháp đã ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá việc giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch của trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam (“con lai”); xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về “con lai”; hướng dẫn các giải pháp tạm thời giải quyết việc đăng ký khai sinh, xác định quốc tịch cho trẻ em như: việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trong một số trường hợp gặp vướng mắc (do trẻ em được sinh ra tại nước ngoài, có mẹ là công dân Việt Nam còn cha là người nước ngoài...) đã được Bộ Tư pháp kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn địa phương vận dụng quy định có liên quan của pháp luật hôn nhân, gia đình, dân sự, hộ tịch, giải quyết đăng ký khai sinh cho trẻ. Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư từ Campuchia về Việt Nam (tại các tỉnh:

<sup>111</sup> Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 (Dự án 2. Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em). Đến nay, có 48 tỉnh, thành phố triển khai mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ xã hội cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

<sup>112</sup> Quyết định số 1023/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 - 2020. Hiện nay, có 10 tỉnh, thành phố triển khai mô hình hỗ trợ, can thiệp để giảm thiểu lao động trẻ em.

Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Long An và Đồng Nai), chưa có quốc tịch, chưa được đăng ký khai sinh, chưa có giấy tờ tùy thân đã được Bộ Tư pháp hướng dẫn rà soát, kiểm tra, phân loại và thực hiện đăng ký khai sinh, xác định quốc tịch Việt Nam cho các trường hợp trẻ em có đủ điều kiện, để trẻ em được học tập và sinh sống ổn định tại Việt Nam.

Năm 2019, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát động Năm an toàn cho phụ nữ và trẻ em với nhiều hoạt động cụ thể, trong đó bao gồm an toàn cho trẻ em trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng, chống suy dinh dưỡng, bạo lực, xâm hại, mua bán.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đang xây dựng Đề án giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên không gian mạng giai đoạn 2020-2025.

Những mô hình, hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể về vai trò quan trọng của công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; huy động sự quan tâm, hỗ trợ của toàn xã hội đối với công tác này.

#### **10. Đánh giá chung việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em thuộc trách nhiệm của Chính phủ**

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em đã được Chính phủ thực hiện nghiêm túc, triển khai hiệu quả theo đúng trách nhiệm được giao. Trong điều kiện còn khó khăn về nguồn lực, các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, nỗ lực thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, lồng ghép với các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý và phối hợp triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

Chính phủ ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, chính sách quan trọng đã tạo những chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, thúc đẩy và tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

Nhận thức, kiến thức của người dân và trẻ em về phòng, chống xâm hại trẻ em đang dần được nâng cao. Số vụ việc được phát hiện, lên tiếng, số lượng thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em có xu hướng tăng lên.

Các cơ quan thông tin, truyền thông, mạng xã hội quan tâm đến phòng, chống xâm hại trẻ em. Nhiều vụ việc xâm hại trẻ em được cơ quan truyền thông, mạng xã hội phát hiện, đưa tin. Xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại



tình dục trẻ em trở thành vấn đề xã hội bức xúc, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, theo dõi, đánh giá.

Sự vào cuộc quyết liệt, kịp thời của các cơ quan chức năng cấp trung ương và chính quyền một số địa phương trong chỉ đạo, giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em đã từng bước củng cố niềm tin của người dân, tạo sự ủng hộ từ dư luận xã hội, đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng, chống xâm hại trẻ em.

Công tác hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ đối với trẻ em là nạn nhân bị xâm hại từng bước được tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em bước đầu được hình thành và phát triển.

Công tác phòng, chống xâm hại trẻ em tiếp tục nhận được sự quan tâm hợp tác và hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, tạo điều kiện để Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến quyền trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

### **11. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

- Một số quy định pháp luật, chính sách liên quan đến bảo vệ trẻ em nói chung, phòng, chống xâm hại trẻ em nói riêng còn thiếu cụ thể và chưa phù hợp với Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP.

- Các quy định pháp lý về một quy trình tố tụng thân thiện đối với các vụ án xâm hại trẻ em, về sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em bắt đầu từ điều tra, giám định pháp y cho đến truy tố, xét xử, phục hồi, hòa nhập đối với trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, xâm hại tình dục chưa cụ thể, chậm được sửa đổi, bổ sung.

- Tầm quan trọng và tính cấp bách của công tác bảo vệ trẻ em chưa được một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn và các đoàn thể quần chúng nhận thức đầy đủ, sâu sắc và quan tâm chỉ đạo, đầu tư đúng mức. Một số vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, bạo lực trẻ em trong gia đình, bạo lực học đường chậm được phát hiện, báo cáo, giải quyết gây bức xúc trong dư luận xã hội. Vẫn còn hiện tượng chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục không thông tin, báo cáo đến cơ quan chức năng và cấp có thẩm quyền các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em mà bao che, tự tìm cách xử lý vụ việc mang tính nội bộ.

- Hệ thống nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về trẻ em, bảo vệ trẻ em ở các cấp thiếu về số lượng, còn kiêm nhiệm quá nhiều việc và thường xuyên có sự thay đổi. Việc kiện toàn đội ngũ cộng tác viên làm công tác trẻ em ở cộng đồng dân cư đang là một thách thức lớn do nhiều địa

phương không có chính sách và bố trí kinh phí hỗ trợ<sup>113</sup>. Một số địa phương bố trí ngân sách mức rất thấp cho công tác bảo vệ trẻ em.

- Các kênh thông tin, truyền thông, bao gồm cả truyền thông đại chúng và mạng xã hội vẫn vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em trong khi chưa có chế tài pháp lý cụ thể xử lý hành vi vi phạm về lĩnh vực này.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước đối với việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ trẻ em, xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu chưa được chú trọng đúng mức, chưa thường xuyên nên vẫn còn tình trạng cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục và cá nhân chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm bảo vệ trẻ em được Luật trẻ em và các văn bản pháp luật có liên quan khác quy định.

- Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên trong giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực thi pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em chưa thường xuyên, chưa được quan tâm đúng mức.

## **PHẦN D**

### **GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

Dự báo trong thời gian tới, tình hình bạo lực và xâm hại trẻ em sẽ có diễn biến phức tạp và luôn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng; phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt; tính chất, mức độ nguy hiểm ngày càng cao, hậu quả tác hại ngày càng lớn.

#### **I. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

##### **1. Giải pháp về thể chế, chính sách**

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em: xem xét, rà soát những vấn đề liên quan đến trẻ em, đặc biệt vấn đề bảo vệ trẻ em, sự tham gia của trẻ em, các nguyên tắc bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền trẻ em được quy định trong Hiến pháp và Luật trẻ em

---

<sup>113</sup> Giai đoạn trước năm 2007, toàn quốc có hơn 162.000 cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em tại cộng đồng dân cư. Hiện nay, theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, có 91.503 cộng tác viên kiêm nhiệm công tác trẻ em (giảm gần 70.497 cộng tác viên, tương đương 43,5% so với năm 2007).

để sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến bảo vệ trẻ em trong hệ thống pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự, dân sự, tố tụng dân sự, xử lý vi phạm hành chính, lao động, giám định tư pháp, hôn nhân và gia đình... Trong đó, cần sớm nghiên cứu khả năng xây dựng luật riêng về tư pháp đối với người chưa thành niên nhằm mục đích hình thành một hệ thống tư pháp thân thiện vì lợi ích tốt nhất cho trẻ em và người chưa thành niên, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế.

- Nghiên cứu đề xuất việc gia nhập Công ước La Hay năm 1980 về khía cạnh dân sự của hành vi bắt cóc trẻ em quốc tế; nghiên cứu để lồng ghép các quy định về phòng, chống xâm hại trẻ em được cho làm con nuôi (đặc biệt là đối với trẻ em được cho làm con nuôi trong nước) trong định hướng nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật nuôi con nuôi.

- Nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện Bộ luật Lao động năm 2019; các chương trình, đề án, kế hoạch về bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em<sup>114</sup>.

## **2. Giải pháp về nguồn lực**

- Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em và ưu tiên phân bổ ngân sách cho công tác bảo vệ trẻ em, nhất là phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em ở địa phương để tăng cường các hoạt động phòng ngừa và thiết lập, triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; thành lập nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã để triển khai có hiệu quả quy trình hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại theo quy định.

- Có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Chủ động trong hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, vận động nguồn lực quốc tế về tài chính, kỹ thuật để đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ trẻ em, trong đó có phòng, chống xâm hại trẻ em; tham gia các nghiên cứu, khảo sát, đăng cai sự kiện, hội nghị, hội thảo cấp khu vực và toàn cầu về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em.

## **3. Giải pháp về tổ chức thực hiện**

### **3.1. Trách nhiệm của Chính phủ**

Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp sau:

---

<sup>114</sup> Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; Đề án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021-2025; Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2021-2025.

- Xác định các nội dung, mục tiêu và chỉ tiêu bảo vệ trẻ em trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương; bố trí và sử dụng ngân sách hàng năm của bộ, ngành, địa phương để thực hiện các chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu trong các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; bổ sung các chỉ tiêu liên quan đến phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia để theo dõi, đánh giá tình hình bảo vệ trẻ em.

- Rà soát, bổ sung, quy định chi tiết các bộ luật, luật, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ trẻ em để phòng ngừa, bảo vệ kịp thời nạn nhân là trẻ em bị xâm hại; tiến hành các quy trình, thủ tục, biện pháp tư pháp thân thiện với trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi, vụ việc xâm hại trẻ em.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm bảo vệ trẻ em được quy định trong Luật trẻ em, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 - 2025 để tăng cường công tác phối hợp liên ngành, tăng cường cung cấp dịch vụ, thực hiện một số mô hình đột phá trong phòng ngừa, xử lý xâm hại trẻ em, đặc biệt bạo lực học đường và xâm hại tình dục.

- Đa dạng hóa các nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục cho gia đình, cộng đồng, trẻ em về mối nguy hiểm và hậu quả của các yếu tố, hành vi gây tổn hại, xâm hại trẻ em và thực hiện trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác kịp thời các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ trẻ em của các bộ, ngành, địa phương, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tình trạng không kịp thời xử lý vụ việc, không hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi có vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em xảy ra trên địa bàn.

### 3.2. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ

Trong thời gian tới, các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ sẽ tăng cường phối hợp để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống xâm hại trẻ em:

- Tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Hoàn thiện và thực hiện đồng bộ quy trình tiếp

nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em và can thiệp kịp thời các vụ việc trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục; ưu tiên giải quyết, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ xâm hại trẻ em; rà soát, xử lý dứt điểm các vụ việc xâm hại trẻ em đang tồn đọng, chưa xử lý kịp thời; bảo đảm thực hiện quyền trẻ em trong quá trình tố tụng.

- Đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp, chia sẻ kiến thức pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em. Phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là hướng dẫn cha mẹ, các thành viên trong gia đình, người chăm sóc trẻ em kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em để thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi, quan niệm về bảo vệ trẻ em, về bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em. Trang bị các kiến thức nhằm tìm kiếm các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em; thông tin về quảng bá Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111); khuyến khích việc phát hiện, lên tiếng, thông báo, tố cáo các hành vi bạo lực xâm hại trẻ em. Thực hiện công tác tuyên truyền trên ba kênh chính: các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội và truyền thông, tư vấn cho cộng đồng, gia đình, nhà trường qua các câu lạc bộ, nhóm.

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ hệ thống tư pháp, cán bộ hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em về phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Nghiên cứu bộ chỉ tiêu thống kê về trẻ em, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trẻ em, trong đó có các chỉ tiêu về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan trong chia sẻ, trao đổi, phản hồi thông tin, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đến phòng, chống xâm hại trẻ em. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ trẻ em của các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương.

#### \* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn cách thức thông tin, truyền thông về vụ việc xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em, đặc biệt trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, xâm hại tình dục; các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em, nhất là trong nhà trường và gia đình.

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về trẻ em; phối hợp với các bộ, ngành tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành về bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, thực hiện trách nhiệm

bảo vệ trẻ em. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đánh giá, xử lý việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các cấp chính quyền, nhất là Ủy ban nhân dân cấp xã, các trường học về tình trạng không xử lý kịp thời các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em xảy ra trên địa bàn, trong trường học; không kịp thời hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi bị xâm hại.

- Hướng dẫn cụ thể, kịp thời việc tiếp nhận, xử lý thông tin; hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bảo đảm các em được cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, trợ giúp pháp lý, tư vấn tâm lý và các dịch vụ bảo vệ trẻ em khác.

#### \* Bộ Tư pháp

Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em với các hình thức, nội dung phong phú, phù hợp nhằm cung cấp, chia sẻ, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân về nội dung này.

#### \* Bộ Y tế

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc ưu tiên hỗ trợ điều trị, giám định đối với trẻ em là nạn nhân của hành vi xâm hại tình dục; nghiên cứu, xây dựng quy trình giám định đặc biệt đối với các vụ việc xâm hại trẻ em.

- Rà soát, xây dựng văn bản quy định chi tiết tiêu chí đánh giá, xác định mức độ tổn hại về sức khỏe tâm thần đối với trẻ em bị xâm hại, đáp ứng nhu cầu giám định pháp y đối với các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân trẻ em bị xâm hại trong các cơ sở y tế.

#### \* Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh; đào tạo kỹ năng, phương pháp kỹ luật tích cực, phương pháp xử lý tình huống cho giáo viên; giáo dục về đạo đức, lòng yêu nghề, yêu trẻ và sự gương mẫu của thầy cô giáo; trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác các hành vi xâm hại trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn tâm lý học đường, công tác xã hội trong trường học nhằm phòng ngừa, phát hiện sớm, phối hợp hỗ trợ, can thiệp, đặc biệt việc phối hợp chuyển tuyến dịch vụ kịp thời các trường hợp trẻ em có nguy cơ hoặc bị xâm hại trong môi trường học đường.

- Thực hiện rà soát, thanh tra, kiểm tra về tiêu chuẩn an toàn, bảo vệ trẻ em đối với các cơ sở giáo dục, trước hết là các cơ sở giáo dục mầm non ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị mới.

\* Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường truyền thông, giáo dục, hướng dẫn các thành viên trong gia đình về kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, trách nhiệm phát hiện, thông báo và tố giác hành vi vi phạm quyền trẻ em.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống xâm hại trẻ em trong truyền thông phòng, chống bạo lực gia đình và chiến dịch truyền thông Ngày gia đình Việt Nam (28/6) hằng năm.

\* Bộ Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn, xử lý cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động báo chí, cung cấp dịch vụ và hoạt động trên môi trường mạng thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ trẻ em, bảo đảm bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em, đặc biệt đối với trẻ em là nạn nhân của hành vi bạo lực, xâm hại tình dục.

- Hướng dẫn các cơ quan truyền thông, báo chí, phóng viên tăng cường phản ánh, nêu gương các điển hình cá nhân, tập thể tích cực trong phát hiện, tố giác các vụ việc xâm hại trẻ em, các mô hình, sáng kiến trong cộng đồng tích cực tham gia hoạt động bảo vệ trẻ em, chủ động phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em.

\* Bộ Công an

- Hướng dẫn, chỉ đạo, nâng cao năng lực, kỹ năng cho cơ quan công an các cấp, đặc biệt là cấp huyện, trong việc xác minh, điều tra, xử lý các vụ việc xâm hại trẻ em.

- Tiếp tục mở rộng mô hình điều tra thân thiện đối với trẻ em và người chưa thành niên.

- Xây dựng quy trình, hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ chuyên biệt đối với loại tội phạm xâm hại tình dục trẻ em.

## II. KIẾN NGHỊ

### 1. Đối với các cơ quan, ban của Đảng

Đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương tăng cường đôn đốc, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới của các cấp ủy, đặc biệt việc xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Chỉ thị của các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc trung ương.

## **2. Đối với Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp**

- Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương và người đứng đầu về việc thực hiện quyền trẻ em; việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của ngành và địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm<sup>115</sup>; việc bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Luật trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em của địa phương; giải quyết các vấn đề bức xúc liên quan đến bạo lực, xâm hại trẻ em; trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề về trẻ em của người đứng đầu bộ, ngành, tổ chức, địa phương; việc dành tỷ lệ ngân sách hằng năm phù hợp cho việc thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em và công tác bảo vệ trẻ em.

- Đề nghị Quốc hội chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội chú trọng việc xem xét, đánh giá, những vấn đề liên quan đến trẻ em, đặc biệt vấn đề bảo vệ trẻ em trong các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định của Luật trẻ em; chỉ đạo việc nghiên cứu khả năng xây dựng đạo luật riêng về tư pháp người chưa thành niên để đồng bộ hóa và quy định cụ thể yêu cầu, thủ tục, tiêu chuẩn "đặc biệt" về tư pháp toàn diện đối với người chưa thành niên.

- Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện việc "thường xuyên và định kỳ tiếp xúc với trẻ em hoặc đại diện trẻ em; tiếp nhận, chuyển và theo dõi, giám sát việc giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức liên quan đến trẻ em"<sup>116</sup>; "hằng năm, Hội đồng nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức gặp mặt, đối thoại, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của trẻ em về các vấn đề trẻ em quan tâm"<sup>117</sup>, đặc biệt đối với các vấn đề, vụ việc, vụ án bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

## **3. Đối với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao**

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về quy trình, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án xâm hại tình dục trẻ em.

## **4. Đối với Tòa án nhân dân tối cao**

- Hướng dẫn theo thẩm quyền các quy định liên quan đến việc Tòa án ra quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em trong trường hợp trẻ

<sup>115</sup> Khoản 5 Điều 5 Luật trẻ em.

<sup>116</sup> Khoản 4 Điều 79 Luật trẻ em.

<sup>117</sup> Khoản 2 Điều 78 Luật trẻ em



em bị xâm hại bởi chính cha, mẹ, người chăm sóc theo khoản 3 Điều 52 Luật trẻ em.

- Mở rộng tổ chức và hoạt động của Tòa gia đình và người chưa thành niên trên phạm vi toàn quốc, ưu tiên nâng cao năng lực cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân về xét xử các vụ bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

**5. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam:**

- Tăng cường các hoạt động giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách về bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em, đặc biệt đối với công tác bảo vệ trẻ em, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em.

- Kịp thời phê phán, lên án các hành vi vi phạm pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền trẻ em, xâm hại trẻ em; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em đến đoàn viên, hội viên, gia đình, cộng đồng dân cư thông qua hoạt động của Ban công tác Mặt trận trên địa bàn dân cư.

- Vận động nguồn lực từ cộng đồng xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

**6. Đối với địa phương**

- Triển khai thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật, chính sách, chương trình, đề án và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm.

- Rà soát, đầu tư phát triển hệ thống dịch vụ công tác xã hội bảo vệ trẻ em. Bố trí, bảo đảm cơ cấu tổ chức và công chức quản lý nhà nước về trẻ em tại địa phương, đặc biệt cơ cấu tổ chức và công chức cấp tỉnh và cơ cấu tổ chức, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã. Tổ chức, hỗ trợ nhóm thường trực bảo vệ trẻ em hoạt động hiệu quả.

- Quan tâm, chỉ đạo sát sao việc thu thập thông tin, kịp thời giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em tại địa phương, đặc biệt là các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em phức tạp được dư luận quan tâm hoặc do các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin hoặc yêu cầu giải quyết.

- Xử lý nghiêm người đứng đầu chính quyền, cơ quan, đơn vị, cơ sở chậm trễ, thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, bao che hành vi, vụ việc xâm hại trẻ em.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em của Chính phủ gửi Đoàn giám sát của Quốc hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  
TGD Công TTĐT, các Vụ: TKBT, TH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 25

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**



**Đào Ngọc Dung**

**Phụ lục Ia**  
**DÂN SỐ TRẺ EM, TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT**  
**(Theo Luật Trẻ em 2016)**

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

| TT  | Chỉ tiêu, mục tiêu   | Đơn vị tính  | Số lượng          | Ghi chú   |
|-----|--|--------------|-------------------|---|
| I   | <b>Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi</b>   | <b>người</b> | <b>24.776.773</b> | TCTK- Điều tra Dân số và nhà ở (thời điểm điều tra 01/4/2019) |
|     | - Nam  | người        | 12.915.365        |   |
|     | - Nữ   | người        | 11.861.368        |   |
| II  | <b>Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo 14 nhóm trong Luật TE)</b>                     | <b>%</b>     | <b>7,16</b>       |   |
| III | <b>Tỷ lệ trẻ em có HCĐB trên tổng số trẻ em</b>  | <b>người</b> | <b>1.773.112</b>  |   |
| 1   | Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ   | người        | 23.816            | Ước tính từ các báo cáo địa phương năm 2018                   |
| 2   | Trẻ em bị bỏ rơi   | người        | 5.071             |   |
| 3   | Trẻ em không nơi nương tựa   | người        | 12.617            |   |
| 4   | Trẻ em khuyết tật  | người        | 671.659           | TCTK- Khảo sát quốc gia về Người khuyết tật năm 2016          |
| 5   | Trẻ em nhiễm HIV/AIDS  | người        | 4.556             | Bộ Y tế   |
| 6   | Trẻ em vi phạm pháp luật   | người        | 6.495             | Bộ Công an năm 2018   |
| 7   | Trẻ em nghiện ma túy   | người        | 563               | Bộ LĐTBXH năm 2019  |
| 8   | Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở                | người        | 9.111             | Ước tính từ các báo cáo địa phương năm 2018                   |
| 9   | Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực                        | người        | 339               | Bộ Công an năm 2019   |
| 10  | Trẻ em bị bóc lột (bao gồm sử dụng lao động trái phép trẻ em)                                | người        | 1.031.944         | Khảo sát quốc gia về LĐTE 2018                                |
| 11  | Trẻ em bị xâm hại tình dục   | người        | 1.729             | Bộ Công an năm 2019   |
| 12  | Trẻ em bị mua bán  | người        | 49                | Bộ Công an năm 2019   |
| 13  | Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày                                  | người        | 5.163             | Ước tính từ các báo cáo địa phương năm 2018                   |
| 14  | Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc | người        |                   | Chưa thống kê   |

**Phụ lục Ib**  
**DÂN SỐ TRẺ EM, TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT NĂM 2011 - 2017**  
 (Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004)  
 (Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

| TT       | Chỉ tiêu, mục tiêu  | Đơn vị tính | Năm               |                   |                   |                   |                   |                   |                   |
|----------|---|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|          |   |             | 2011              | 2012              | 2013              | 2014              | 2015              | 2016              | 2017              |
| <b>1</b> | <b>Tổng số trẻ em</b>   | người       | <b>25.285.159</b> | <b>26.000.113</b> | <b>26.000.113</b> | <b>26.024.591</b> | <b>26.025.203</b> | <b>26.025.695</b> | <b>26.285.632</b> |
|          | - Nam   | người       | 12.781.700        | 13.045.903        | 13.116.031        | 13.128.379        | 13.272.854        | 13.273.104        | 13.405.672        |
|          | - Nữ  | người       | 12.503.459        | 12.770.300        | 12.884.082        | 12.896.212        | 12.752.349        | 12.752.591        | 12.879.960        |
| <b>2</b> | <b>Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em</b>     | %           | <b>5,9</b>        | <b>5,7</b>        | <b>5,7</b>        | <b>5,6</b>        | <b>5,5</b>        | <b>5,54</b>       | <b>5,52</b>       |
| <b>3</b> | <b>Tổng số TECHCĐB</b>  | người       | <b>1.480.865</b>  | <b>1.483.286</b>  | <b>1.473.036</b>  | <b>1.462.836</b>  | <b>1.446.965</b>  | <b>1.442.348</b>  | <b>1.450.749</b>  |
| 1        | Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi (2 đối tượng) | người       | 135.804           | 157.170           | 163.250           | 170.187           | 156.125           | 156.016           | 156.921           |
| 2        | Số trẻ em bị khuyết tật   | người       | 1.236.603         | 1.217.890         | 1.219.166         | 1.223.156         | 1.223.185         | 1.223.208         | 1.235.440         |
| 3        | Số trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học                            | người       | 20.987            | 19.649            | 19.186            | 13.349            | 13.251            | 13.139            | 13.109            |
| 4        | Số trẻ em nhiễm HIV/AIDS  | người       | 5.483             | 5.468             | 5.437             | 5.301             | 4.994             | 4.900             | 4.947             |
| 5        | Số trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm           | người       | 32.849            | 30.853            | 27.535            | 21.081            | 19.720            | 17.750            | 16.850            |
| 6        | Số trẻ em lang thang  | người       | 21.741            | 22.364            | 15.602            | 7.308             | 6.954             | 6.700             | 3.325             |
| 7        | Số trẻ em bị xâm hại tình dục                                     | người       | 1.045             | 1.209             | 1.326             | 1.544             | 1.550             | 1.211             | 1.397             |
| 8        | Số trẻ em nghiện ma tuý   | người       | 1.334             | 1.594             | 1.497             | 1.105             | 1.104             | 945               | 577               |
| 9        | Số người chưa thành niên vi phạm pháp luật                        | người       | 13.686            | 11.675            | 8.610             | 6.464             | 7.731             | 7.329             | 6.816             |
| 10       | Số trẻ em làm việc xa gia đình                                    | người       | 11.333            | 15.414            | 11.427            | 13.341            | 12.351            | 11.150            | 11.367            |

**PHỤ LỤC SỐ 1c**

**TÌNH HÌNH TRẺ EM, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI VÀ CÓ NGUY CƠ BỊ XÂM HẠI**  
(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

| TT         | Nội dung   | Đơn vị tính | Số lượng          | Ghi chú   |
|------------|--|-------------|-------------------|---|
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>  | người       | <b>24.776.773</b> | TCTK - Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019   |
|            | - Nam  | người       | 12.915.365        |   |
|            | - Nữ   | người       | 11.861.368        |   |
| <b>II</b>  | <b>Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại và có nguy cơ bị xâm hại trên tổng dân số trẻ em</b>  | %           | <b>9,06</b>       |   |
|            | - Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại  | %           | 4,97              |   |
|            | - Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại   | %           | 4,09              |   |
| <b>III</b> | <b>Trẻ em bị xâm hại</b>   | người       | <b>1.231.961</b>  |   |
| 1          | Trẻ em bị xâm hại theo số liệu báo cáo những trường hợp bị phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật  | người       | 2.117             | Bộ Công an 2019                                 |
| 2          | Trẻ em bị bóc lột (bao gồm lao động trẻ em, trẻ em không đi học, chưa từng đi học)   | người       | 1.031.944         | Khảo sát quốc gia về LĐTE 2018                  |
| 3          | Trẻ em bị bỏ rơi, bỏ mặc (bao gồm trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, trẻ em không sống với cả cha và mẹ từ 06 tháng trở lên) | người       | 157.000           | Ước tính từ báo cáo địa phương                  |
| 4          | Trẻ em bị bạo lực (trong gia đình và nhà trường)   | người       | 2.900             | Ước tính từ báo cáo địa phương                  |
| 5          | Trẻ em tảo hôn   | người       | 38.000            | Ước tính từ báo cáo Khảo sát MICs năm 2014      |
| <b>IV</b>  | <b>Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại</b>  | người       | <b>1.013.659</b>  |   |
| 1          | Trẻ em khuyết tật  | người       | 671.659           | TCTK - Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật    |
| 2          | Trẻ em tự kỷ   | người       | 240.000           | Ước tính từ tỷ lệ người mắc rối nhiễu phổ tự kỷ |
| 3          | Trẻ em trong các cơ sở nuôi dưỡng (cơ sở BTXH, cơ sở tôn giáo, trường giáo dưỡng và Làng trẻ SOS)  | người       | 33.000            | Ước tính từ khảo sát của Cục Trẻ em 2017-2019   |
| 4          | Trẻ em có cha mẹ ly hôn  | người       | 69.000            | Ước tính từ báo cáo của Tòa án NDTC 2019        |

**Phụ lục II**  
**SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH TRẺ EM BỊ XÂM HẠI**  
**ĐƯỢC PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**  
**Từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2019**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Công an*

| CÁC HÌNH THỨC XÂM HẠI TRẺ EM  | Tổng số trẻ em bị xâm hại | SỐ LƯỢNG TRẺ EM BỊ XÂM HẠI |       |             |                       |                   | KẾT QUẢ XỬ LÝ  |
|---|---------------------------|----------------------------|-------|-------------|-----------------------|-------------------|--|
|   |                           | Nữ                         | Nam   | Dưới 6 tuổi | Từ 6 đến dưới 13 tuổi | Từ 13 đến 16 tuổi |  |
|   | <b>8.709</b>              | 7.037                      | 1.672 | 627         | 2.621                 | 5.461             | + Khởi tố: 7.119 vụ, gồm 7.211 bị can, 7.244 nạn nhân.<br>+ Xử lý hành chính: 1.234 vụ, 1.511 đối tượng, 1.324 nạn nhân;<br>+ Đang điều tra, xác minh: 89 vụ, 122 đối tượng, 141 trẻ em nghi bị xâm hại. |
| <b>1. Bạo lực trẻ em</b>  | <b>857</b>                |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Hành hạ, ngược đãi, đánh đập  | 857                       |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Xúc phạm danh dự, nhân phẩm   |                           |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Hành vi cố ý khác gây tổn hại thể chất, tinh thần                       |                           |                            |       |             |                       |                   |  |
| <b>2. Bóc lột trẻ em</b>  |                           |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Bắt lao động trái quy định của pháp luật lao động                       |                           |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Bắt trình diễn, sản xuất sản phẩm khiêu dâm                             |                           |                            |       |             |                       |                   |  |
| - Tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em |                           |                            |       |             |                       |                   |  |

|   |              |  |  |  |  |  |  |
|---|--------------|--|--|--|--|--|--|
| <b>3. Xâm hại tình dục trẻ em</b>   | <b>6.432</b> |  |  |  |  |  |  |
| - Hiếp dâm trẻ em   | 2.191        |  |  |  |  |  |  |
| - cưỡng dâm trẻ em  | 31           |  |  |  |  |  |  |
| - Dâm ô trẻ em  | 1.096        |  |  |  |  |  |  |
| - Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác   | 3.114        |  |  |  |  |  |  |
| - Sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm  |              |  |  |  |  |  |  |
| <b>4. Mua bán trẻ em</b>  | <b>106</b>   |  |  |  |  |  |  |
| <b>5. Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em</b>   |              |  |  |  |  |  |  |
| <b>6. Đánh tráo trẻ em</b>  |              |  |  |  |  |  |  |
| <b>7. Bắt cóc trẻ em</b>  |              |  |  |  |  |  |  |
| <b>8. Chiếm đoạt trẻ em</b>   |              |  |  |  |  |  |  |
| <b>9. Các hành vi xâm hại khác</b>  | <b>1.314</b> |  |  |  |  |  |  |
| - Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em   |              |  |  |  |  |  |  |
| - Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn   |              |  |  |  |  |  |  |
| - Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại |              |  |  |  |  |  |  |
| - Các hành vi khác  |              |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**

**Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019**

*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

**I. CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH HOẶC THAM MƯU BAN HÀNH**

| STT                               | Tên văn bản quy phạm pháp luật  | Ngày ban hành |
|-----------------------------------|---|---------------|
| <b>A. Luật</b>                    |   |               |
| 1                                 | Bộ luật Dân sự (Bộ luật số 91/2015/QH13)  | 24/11/2015    |
| 2                                 | Bộ luật Hình sự (Bộ luật số 100/2015/QH13)  | 27/11/2015    |
| 3                                 | Bộ luật Tố tụng hình sự (Bộ luật số 101/2015/QH13)  | 27/11/2015    |
| 4                                 | Luật Trẻ em (Luật số 102/2016/QH13)   | 05/4/2016     |
| 5                                 | Luật Báo chí (Luật số 103/2016/QH13)  | 05/4/2016     |
| 6                                 | Luật Du lịch (Luật số 09/2017/2017/QH14)  | 19/6/2017     |
| 7                                 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (Luật số 12/2017/QH14)   | 20/6/2017     |
| 8                                 | Luật Trợ giúp pháp lý (Luật số 11/2017/QH14)  | 20/6/2017     |
| 9                                 | Luật An ninh mạng (Luật số 24/2018/QH14)  | 12/6/2018     |
| 10                                | Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14)  | 14/6/2019     |
| 11                                | Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (Luật số 44/2019/QH14)  | 14/6/2019     |
| <b>B. Nghị định của Chính phủ</b> |   |               |
| 1                                 | Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em  | 09/5/2017     |
| 2                                 | Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường   | 17/7/2017     |
| 3                                 | Nghị định số 103/2017/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội  | 12/9/2017     |
| 4                                 | Nghị định số 144/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý   | 15/12/2017    |
| 5                                 | Nghị định số 168/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch  | 31/12/2017    |
| 6                                 | Nghị định số 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng       | 01/3/2018     |
| 7                                 | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ văn hóa”.                         | 17/9/2018     |
| 8                                 | Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế  | 17/10/2018    |
| 9                                 | Nghị định số 24/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi | 05/3/2019     |
| 10                                | Nghị định số 45/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.  | 21/5/2019     |



| <b>C. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ</b>    |   |            |
|--|---|------------|
| 1  | Chỉ thị số 11/CT-TTg về việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình   | 29/3/2017  |
| 2  | Chỉ thị số 18/CT-TTg về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em   | 16/5/2017  |
| 3  | Chỉ thị số 14/CT-TTg về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam  | 07/6/2019  |
| <b>D. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b> |   |            |
| 1  | Quyết định số 2361/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020  | 22/12/2015 |
| 2  | Quyết định số 363/QĐ-TTg về Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình   | 08/3/2016  |
| 3  | Quyết định 21/2016/QĐ-TTg về ban hành quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình  | 17/5/2016  |
| 4  | Quyết định số 1023/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em 2016-2020   | 07/6/2016  |
| 5  | Quyết định số 1028/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình giáo dục đời sống gia đình   | 08/6/2016  |
| 6  | Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020                                      | 17/10/2016 |
| 7  | Quyết định số 565/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020  | 25/4/2017  |
| 8  | Quyết định số 856/QĐ-TTg về việc thành lập Ủy ban quốc gia về trẻ em  | 15/6/2017  |
| 9  | Quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân                                 | 05/9/2017  |
| 10   | Quyết định số 1992/QĐ-TTg ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch               | 11/12/2017 |
| 11   | Quyết định số 1299/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”  | 03/10/2018 |
| 12   | Quyết định số 1437/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025      | 29/10/2018 |
| 13   | Quyết định số 1438/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025            | 29/10/2018 |
| 14   | Quyết định số 06/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em   | 03/01/2019 |
| 15   | Quyết định số 588/QĐ-TTg phê duyệt đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 – 2025 | 17/5/2019  |

## II. CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ NGÀY 01/7/2019 ĐẾN NAY

| STT  | Tên văn bản quy phạm pháp luật   | Ngày ban hành |
|--|--|---------------|
| <b>A. Luật</b>                               |  |               |
| 1  | Bộ luật Lao động (Bộ luật số 45/2019/QH14)   | 20/11/2019    |
| 2  | Luật Thư viện (Luật số 46/2019/QH14)   | 21/11/2019    |
| <b>B. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ</b>    |  |               |
| 1  | Chỉ thị số 08/CT-TTg Đẩy mạnh công tác phòng, chống bạo lực gia đình   | 04/02/2020    |
| <b>C. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b> |  |               |
| 1  | QĐ số 1863/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025 | 23/12/2019    |

## III. CÁC VĂN BẢN CHƯA ĐƯỢC BAN HÀNH

| STT | Nội dung phải ban hành văn bản   | Cơ quan chủ trì/tiến độ   |
|-----|--|---|
| 1   | Nghị định sửa đổi Nghị định 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em | Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (đã gửi hồ sơ trình qua Văn phòng Chính phủ năm 2018) - Chờ sửa đổi Luật xử lý vi phạm hành chính |
| 2   | Nghị định sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội                   | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (năm 2019 đã nghiên cứu những nội dung cần sửa đổi)   |
| 3   | Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, an toàn xã hội            | Bộ Công an (đang lấy ý kiến Bộ, ngành, địa phương)  |
| 4   | Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình đến năm 2025  | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch   |
| 5   | Quy hoạch tổng thể phát triển các cơ sở văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em giai đoạn 2020 - 2030, định hướng đến năm 2050                        | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch   |

**Phụ lục IV**  
**THÔNG ĐIỆP, KIẾN NGHỊ VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**  
**CỦA DIỄN ĐÀN TRẺ EM QUỐC GIA LẦN THỨ 5 (NĂM 2017),**  
**LẦN THỨ 6 (NĂM 2019)**

*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

**Năm 2017**

1. Bạo lực không bao giờ là cách giải quyết tốt nhất.
2. Hãy chấm dứt những hình phạt bạo lực với trẻ em trong nhà trường.
3. Trẻ em cần mạnh dạn lên tiếng khi mình hoặc bạn mình bị bạo lực, xâm hại.
4. Cha mẹ cần được nâng cao nhận thức về vấn đề bạo lực, xâm hại trẻ em.
5. Thành lập đội bảo vệ trẻ em tại địa phương, trong đó có trẻ em tham gia.
6. Hãy tăng nặng các hình thức xử phạt đối với các hành vi bạo lực trẻ em.
7. Đừng để trẻ em sinh ra trẻ em.
8. Mọi người hãy hành động để chấm dứt nạn tảo hôn.
9. Cần tạo môi trường an toàn và hòa nhập cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại tình dục.
10. Báo chí không nên đưa thông tin chi tiết và cần tôn trọng quyền bí mật đời sống riêng tư khi thông tin về vụ việc xâm hại tình dục trẻ em.
11. Trẻ em bị xâm hại tình dục chịu tổn thương, thiệt thòi, hãy vì lợi ích tốt nhất của trẻ em là nạn nhân bị xâm hại tình dục.
12. Lao động trẻ em: Lợi trước mắt, hại lâu dài.
13. Nhà nước, các ban, ngành đoàn thể và chính quyền địa phương cần quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện nhiều hơn nữa cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn để ngăn ngừa lao động trẻ em.
14. Miễn, giảm học phí cho các bạn có hoàn cảnh đặc biệt.
15. Hỗ trợ vốn cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nghèo phát triển kinh tế.
16. Tăng cường các biện pháp xử phạt và xử phạt nghiêm các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động trẻ em.
17. Các cơ quan, ban, ngành, trường học, tổ dân phố cần tăng cường truyền thông cho cha, mẹ, trẻ em và các công ty, xưởng sản xuất tại địa

phương về hậu quả của các hình thức lao động trẻ em, đặc biệt là trẻ em bán vé số, phải làm việc trong các công ty, hầm mỏ và các công việc nặng nhọc, độc hại.

18. Internet con dao hai lưỡi - sống ảo, hậu quả thật.

19. Vì trẻ em, hãy tạo một môi trường mạng an toàn, lành mạnh.

20. Hãy để Internet là một người bạn tốt.

21. Các cơ quan quản lý cần thắt chặt an ninh mạng, kiểm duyệt tất cả các thông tin trước khi đăng tải, vô hiệu hóa kịp thời những trang mạng phản cảm, có nội dung xấu.

22. Quản lý chặt chẽ độ tuổi của trẻ em khi tham gia vào môi trường mạng. Cung cấp phần mềm quản lý độ tuổi, phát triển bộ lọc thông tin để quản lý thông tin phù hợp với lứa tuổi.

23. Mở rộng các lớp dạy kỹ năng cho trẻ em để tham gia vào môi trường mạng an toàn, biết cách tự bảo vệ bản thân.

### **Năm 2019**

1. Bạo lực đối với trẻ em là hành vi hủy hoại tuổi thơ, cần phải kiên quyết loại trừ!

2. Không còn bạo lực ở nhà trường và gia đình là hạnh phúc của trẻ thơ.

3. Vì tương lai tươi sáng, hãy nói không với lao động trẻ em!

4. Không phân biệt đối xử với trẻ em bị xâm hại.

5. Cùng hướng tới một xã hội công nghệ 4.0 an toàn - lành mạnh cho trẻ em.

6. Internet là bạn tốt, đừng biến bạn tốt thành bạn xấu.

7. Hãy “chơi” mạng xã hội, đừng để mạng xã hội “chơi” mình.

8. Để xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện và bình đẳng - Mỗi giáo viên hãy là một người bạn của học sinh./.

**Phụ lục V**  
**SỐ LƯỢNG VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO TRẺ EM, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Tư pháp*

Theo số liệu báo cáo thống kê của các địa phương, số lượng vụ việc TGPL cho trẻ em từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2019 như sau:

| STT | NĂM/GIAI ĐOẠN                | TRẺ EM ĐƯỢC TGPL (Lượt người) | SỐ TRẺ EM BỊ XÂM HẠI (lượt người) |        |                  |                        |                |
|-----|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------|------------------|------------------------|----------------|
|     |                              |                               | TỔNG SỐ                           | Tư vấn | Tham gia tố tụng | Đại diện ngoài tố tụng | Hình thức khác |
| 1   | Giai đoạn 2011 - 2014        | 17.465                        | 2.653                             | 937    | 1.670            | 23                     | 23             |
| 2   | Giai đoạn 2015 - 6/2019      | 16.598                        | 4.188                             | 1.292  | 2.884            | 12                     | 0              |
|     | Từ năm 2015 đến năm 2017     | 11.363                        | 2204                              | 868    | 1336             | 0                      | 0              |
|     | Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 | 3.371                         | 1199                              | 295    | 900              | 4                      | 0              |
|     | Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019  | 1.864                         | 785                               | 129    | 648              | 8                      | 0              |

**Phụ lục VI**  
**GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ VỀ XÂM HẠI TRẺ EM**  
(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

| TT              | Họ và tên, địa chỉ người đứng đơn   | Tóm tắt nội dung đơn   | Kết quả xử lý  |
|-----------------|---|--|--|
| <b>Năm 2015</b> |   |  |  |
| 1               | Bà Nguyễn Thị Thoa<br>Tổ 11b thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai  | Phản ánh về việc cháu bà là Trần Văn Tuế, 13 tuổi (mẹ cháu Tuế đã mất, bố đi tù, hiện bà Thoa là người nuôi dưỡng cháu Tuế) bị một số người thuộc đội quy tắc thị trấn Sa Pa bắt giữ và hành hung trái pháp luật gây tổn thương đến thể chất và tinh thần của cháu Tuế | Có công văn số 307/BVCSTE-BVTE ngày 17/6/2015 chuyển đến Sở LĐTBXH tỉnh Lào Cai để giải quyết theo thẩm quyền                |
| 2               | Bà Nguyễn Thị Thùy<br>Số nhà 2/207 đường Kiều Hạ, khu Đông Hưng, phường Đông Hưng 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Phản ánh về việc cháu bà là Phạm Thị Hằng, sinh năm 2007 bị ông Vũ Văn Tài sinh năm 1963 trú tại số 4/207 đường Kiều Hạ, khu Đông Hưng, phường Đông Hưng 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng “giờ trò đồi bại”   | Có công văn số 424/BVCSTE-BVTE ngày 29/7/2015 chuyển đến Sở LĐTBXH thành phố Hải Phòng để giải quyết theo thẩm quyền         |
| 3               | Cháu Lê Thị Ngọc Ánh (9 tuổi)<br>Số nhà 39A, thôn Lộc Châu 3, xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng              | Phản ánh về việc cháu và em gái là Lê Ngọc Mai Phương bị Nguyễn Văn Diệp hãm hại   | Có công văn số 367/BVCSTE-BVTE ngày 09/7/2015 chuyển đến Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo thẩm quyền               |
| 4               | Bà Phạm Thị Nghi<br>Xóm 2 làng Bát Tràng, xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội                               | Phản ánh về việc cháu gái bà là Lê Khánh Linh sinh ngày 25/6/2008 bị xâm hại tình dục.   | Có công văn số 242/BVCSTE-BVTE ngày 18/5/2015 chuyển đến Sở LĐTBXH thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền            |
| 5               | Bà Nguyễn Thị Hải Đào<br>Số nhà 15, tổ 3, phường Cầu Thia, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái                              | Phản ánh về việc con gái bà là cháu Lù Thị Hương Giang sinh ngày 13/11/2000 bị đối tượng Quân ở thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thực hiện hành vi giao cấu khi chưa đủ 14 tuổi   | Có công văn số 122/BVCSTE-BVTE ngày 24/3/2015 chuyển đến Công an thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái để giải quyết theo thẩm quyền |

|                 |   |   |  |
|-----------------|---|---|--|
| 6               | Bà Hồ Thị Dợ<br>Bản Hồ Chim II, xã Ma Thì Hồ, huyện Mùong Chả, tỉnh Điện Biên   | Đơn thư phản ánh vào ngày 19/3/2015, con bà là cháu Hồ A Dế, sinh năm 2002 đã bị ông Lê Khánh Trường và ông Lý A Chu đang công tác tại công an huyện Mùong Chả “dùng hình hành hạ đánh đập, đánh vào đầu khiến sức khỏe suy giảm nghiêm trọng”  | Có công văn số 533/BVCSTE-BVTE ngày 18/9/2015 chuyển đến Công an Huyện Mùong Chả, tỉnh Điện Biên để giải quyết theo thẩm quyền         |
| 7               | Chị Phạm Thị Nga<br>Số 37/219 Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng (hiện tại đang tạm trú tại Tổ 82, khu xóm Bụi, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) | Phản ánh cháu Hà Anh Vũ (sinh ngày 19/01/2013), là con trai của chị Nga và anh Thế Anh hiện đang sống cùng bố và bà nội là bà Đinh Thị Nhung, trú tại số 38, tổ 4, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh “không được ăn uống đầy đủ, thỉnh thoảng mới được đi học”. Ngoài ra, chị Nga lo sợ việc anh Thế Anh sử dụng chất gây nghiện “sẽ ảnh hưởng đến thần kinh, có nguy cơ đe dọa đến sự an toàn của cháu Anh Vũ”. | Có công văn số 579/BVCSTE-BVTE ngày 12/10/2015 chuyển đến Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo thẩm quyền                      |
| 8               | Bà Nguyễn Thị Tố Trinh<br>Số nhà 145/22 A đường Đê Thám, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh   | Phản ánh về việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 135 ngày 21/8/2013 về việc không khởi tố vụ án đối với việc ông Phạm Cát Lái (trú tại 133/32/3A Ngô Đức Kế, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) đã hành hung, đánh đập cháu Lý Hải Đăng (là con trai bà Trinh) gây thương tích.  | Có công văn số 590/BVCSTE-BVTE ngày 19/10/2015 chuyển đến Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Thạnh để giải quyết theo thẩm quyền        |
| <b>Năm 2016</b> |   |   |  |
| 9               | Bà Nguyễn Thị Vân<br>Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội   | Tố cáo ông Phùng Minh Tuấn có hành vi xâm hại tình dục đối với cháu Chúc (con gái bà Vân)   | Có công văn số 29/BVCSTE-BVTE ngày 25/01/2016 chuyển đơn đến Công an huyện Mê Linh để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền |
| 10              | Bà Nguyễn Thanh Nga<br>Số nhà 89A, tổ dân phố số 1, phường Cổ Nhuế 2, huyện Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội   | Phản ánh con gái bà là cháu Hoàng Anh bị bố là Nguyễn Dương Tùng và Nguyễn Gia Linh (con riêng của ông Tùng) xâm hại tình dục   | Có công văn số 77/BVCSTE-BVTE ngày 15/2/2016 gửi Sở LĐTBXH TP Hà Nội để xác minh, có biện pháp hỗ trợ, can thiệp cho trẻ               |

|    |   |  |  |
|----|---|--|--|
| 11 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ<br>Ấp Tân Hội, xã Đức Lập Thượng,<br>huyện Đức Hòa, tỉnh Long An                                    | Tố cáo ông Phan Văn Oai, sinh năm 1965, trú tại ấp Tân Hội, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã có hành vi dâm ô, giao cấu với con bà là cháu Phạm Thị Tuyết Mai, sinh năm 1997.   | Có công văn số 124/BVCSTE-BVTE ngày 23/3/2016 chuyển đơn đến Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền   |
| 12 | Ông Phan Trắc Nghĩa<br>Khu phố Cửa Nhi, xã Sơn Thịnh,<br>huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.                                    | Tố cáo ông Nguyễn Văn Phú (sinh năm 1968, cư trú cùng xóm với ông Nghĩa) đã có hành vi cưỡng bức và xâm hại tình dục đối với cháu Phan Thanh Hồng (sinh ngày 06/11/2005, là con gái ông Nghĩa) 05 lần  | Có công văn số 457/BVCSTE-BVTE ngày 8/8/2016 chuyển đơn đến Sở LĐTBXH tỉnh Yên Bái để phối hợp xác minh, có biện pháp hỗ trợ, can thiệp trẻ  |
| 13 | Bà Nguyễn Thị Hồng<br>Tổ dân phố số 6, thị trấn Nông Trường<br>Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng<br>Binh.                | Phản ánh việc cháu Trần Quang Huy (15 tuổi, là hàng xóm của bà Hồng) có hành vi hiếp dâm đối với cháu Giang (04 tuổi, là con gái của bà Hồng).   | Có công văn số 458/BVCSTE-BVTE ngày 8/8/2016 chuyển đơn đến VKSND tỉnh Quảng Bình để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |
| 14 | Bà Trần Thị Thu Thủy<br>Căn hộ số 710 Lakeside B, phường<br>Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng<br>Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Phản ánh cháu Trương Nam Thi, sinh năm 2009, là con gái của bà Thủy đã bị ông Đặng Khắc Thủy, sinh năm 1940, trú tại căn hộ số 203 Lakeside A1, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có hành vi xâm hại tình dục.   | Có công văn số 792/BVCSTE-BVTE ngày 18/8/2016 chuyển đơn đến Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền; Công văn số 77/BVCSTE-BVTE đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có những biện pháp trợ giúp kịp thời đối với cháu Thi |
| 15 | Bà Lê Thị Bạch Tuyết<br>Số 246 tổ 5, ấp Hòa<br>Cường, xã Minh Hòa, huyện Dầu<br>Tiếng, tỉnh Bình Dương                    | Khiếu nại bản án số 49/2016/HSST ngày 11/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Bà Tuyết cho rằng cháu Trần Thị Ngọc Hoài (sinh năm 2002) bị cha dượng là ông Huỳnh Văn Hải hiếp dâm nhiều lần nhưng Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng chỉ tuyên bố ông Hải phạm tội dâm ô đối với trẻ em. | Có công văn số 609/BVCSTE-BVTE ngày 07/10/2016 chuyển đơn đến TAND huyện Dầu Tiếng để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền   |
| 16 | Bà Phùng Thanh Yến<br>Quận Ba Đình, Hà Nội  | Đơn thư phản ánh chị Phùng Thanh Yến và anh Đinh Hùng Việt đã ly hôn, có con chung là cháu Đinh Minh Thành được giao ở với bố. Tuy nhiên trong thời gian ở với bố, cháu luôn bị bố hành hạ về thể xác và tinh thần. Chị Yến đề nghị can thiệp để cháu Thành không phải ở với bố                                | Có công văn số 517/BVCSTE-BVTE ngày 29/8/2016 chuyển đơn đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình để giải quyết theo thẩm quyền  |



|                 |   |  |   |
|-----------------|---|--|---|
| 17              | Bà Nghiêm Thị Đức<br>Số nhà 2, ngõ 458 đường Quảng Oai,<br>xã Chu Minh, huyện Ba Vì, thành phố<br>Hà Nội. | Đơn thư phản ánh ông Nguyễn Danh Vĩnh là hàng xóm<br>của bà Đức đã có hành vi hiếp dâm đối với cháu của bà là<br>Bùi Ngọc Bảo Nhi (sinh ngày 03/01/2012)   | Có công văn số 539/BVCSTE-BVTE ngày<br>09/9/2016 chuyển đơn đến Công an thành phố<br>HN để xác minh thông tin và giải quyết theo<br>thẩm quyền            |
| 18              | Bà Nguyễn Thị Tuyết<br>Khối 4, thị trấn Ea Tling, huyện Cư<br>Jút, tỉnh Đắk Nông                          | Khiếu nại quá trình điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra<br>Công an huyện Cư Jút về nội dung bà Tuyết tố cáo hành<br>vi hiếp dâm của Hoàng Thanh Tùng (trong các tài liệu<br>gửi kèm theo đơn là Nguyễn Thanh Tùng) đối với con gái<br>bà là Nguyễn Thị Ngọc Hiếu (sinh năm 2002)  | Có công văn số 625/BVCSTE-BVTE ngày<br>31/10/2016 chuyển đơn đến Công an tỉnh Đắk<br>Nông để xác minh thông tin và giải quyết theo<br>thẩm quyền          |
| <b>Năm 2017</b> |   |  |   |
| 19              | Bà Nguyễn Thị Thạch<br>Xóm 8, thôn Đình Xuyên, xã Hòa<br>Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà<br>Nội.         | Phản ánh về việc cháu nội của bà là cháu Vũ Thị Thúy<br>Vy, sinh ngày 06/02/2000, hiện đang là học sinh lớp<br>11A15 trường THPT Mỹ Đức A bị ông Đình Hải Hồng,<br>sinh năm 1974, là giáo viên dạy Tiếng Anh của trường<br>THCS xã Hòa Nam xâm hại tình dục.   | Có công văn số 57/BVCSTE-BVTE ngày<br>15/02/2017 gửi Công an huyện Ứng Hòa, thành<br>phố Hà Nội để xác minh thông tin và giải quyết<br>theo thẩm quyền    |
| 20              | Bà Nguyễn Thị Thường<br>Bản Thống Nhất, xã Bình Lư, huyện<br>Tam Đường, tỉnh Lai Châu                     | Phản ánh cháu Nguyễn Văn Huy, học sinh lớp 8A3<br>trường THCS thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường,<br>tỉnh Lai Châu nhiều lần bị các học sinh lớp trên gây gỗ,<br>đe dọa, đánh đập khiến cháu Huy “luôn trong tình trạng<br>lo sợ, không muốn đi học, tinh thần giảm sút”.   | Có công văn số 102/BVCSTE-BVTE ngày<br>17/3/2017 gửi Sở LĐTBXH tỉnh Lai Châu để<br>xác minh, có biện pháp hỗ trợ, can thiệp cho trẻ                       |
| 21              | Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng<br>khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ<br>và Vị thành niên (CSAGA)      | Bà Trần Thị Huyền, sinh năm 1969 trú tại thôn 11, xã<br>Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội phản<br>ánh con bà là cháu Phan Thị Ngọc Anh sinh năm 2007 bị<br>ông Đào Sỹ Thế (sinh năm 1963) có hành vi xâm hại tình<br>dục. Bà Huyền đã làm đơn tố cáo đến công an huyện<br>Thạch Thất nhưng vụ việc vẫn chưa được giải quyết (tại<br>thời điểm đơn thư bà Huyền gửi cho cho trung tâm vào<br>ngày 25/3/2016). | Có công văn số 103/BVCSTE-BVTE ngày<br>17/3/2017 gửi Công an huyện Thạch Thất, thành<br>phố Hà Nội để xác minh thông tin và giải quyết<br>theo thẩm quyền |

|    |  |  |   |
|----|--|--|---|
| 22 | Văn phòng Luật sư Ngô Anh Tuấn   | Bà Trần Thị Huyền, sinh năm 1969 trú tại thôn 11, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội phản ánh con bà là cháu Phan Thị Ngọc Anh sinh năm 2007 bị ông Đào Sỹ Thế (sinh năm 1963) có hành vi xâm hại tinh dục. Bà Huyền đã làm đơn tố cáo đến công an huyện Thạch Thất nhưng vụ việc vẫn chưa được giải quyết (tại thời điểm đơn thư bà Huyền gửi cho cho trung tâm vào ngày 25/3/2016).  | Có công văn số 204/BVCSTE-BVTE ngày 26/4/2017 chuyển đơn đến Công an thành phố HN; công văn số 56/TE-BVTE chuyển đơn đến Cục Cảnh sát Hình sự - Bộ Công an để xem xét, đẩy nhanh tiến độ xử lý đơn thư tố giác tội phạm |
| 23 | Bà Trương Thị Thái, sinh năm 1974, trú tại xóm 4, thôn Minh Xuân, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Con bà là cháu Nguyễn Tấn Tâm, sinh năm 1999, học sinh lớp 9C trường THCS Tịnh Bắc bị công an xã Tịnh Bắc và công an huyện Sơn Tịnh triệu tập, làm việc mà không có người giám hộ. Trong quá trình làm việc, công an xã Tịnh Bắc và công an huyện Sơn Tịnh đe dọa, ép cung, đánh đập, ép buộc phải khai nhận nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn nhưng thực tế không có vụ nào, khiến cháu Tâm hoảng loạn, sợ sệt, trầm cảm và mua thuốc diệt cỏ tự tử và qua đời vào ngày 15/01/2016.  | Có công văn số 174/BVCSTE-BVTE ngày 17/4/2017 chuyển đơn đến Công an tỉnh Quảng Ngãi để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |
| 24 | Hội Bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam   | Cháu Đặng Thị Thanh Huyền sinh năm 2002, trú tại cụm 3, xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội bị ông Đặng Văn Trình, trú tại cụm 1, xã Văn Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội xâm hại tinh dục.   | Có công văn số 207/BVCSTE-BVTE ngày 27/4/2017 gửi Công an thành phố Hà Nội và Cục Cảnh sát hình sự để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |
| 25 | Bà Nguyễn Thị Thanh<br>Xóm Luống, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình                                  | Bà Thanh và ông Nguyễn Chiến Thắng, trú tại Xóm Mới, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã ly hôn, hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng Linh (sinh năm 2007) và cháu Nguyễn Thanh Bình (sinh năm 2011) được giao cho bà Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, ông Thắng đã đến nhà bà Thanh cưỡng chế cháu Nguyễn Thanh Bình về ở với ông Thắng. Trong thời gian sống cùng cháu Bình, anh Thắng đã “khống chế, dọa nạt và cưỡng ép cháu phải sống theo ý của anh, dẫn đến cháu luôn bị căng thẳng, ức chế và lảm li” | Có công văn số 214/BVCSTE-BVTE ngày 05/5/2017 chuyển đơn đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |

|    |   |  |  |
|----|---|--|--|
| 26 | Trần Thị Hoa<br>Đội 15, xã Ia Dom, huyện Đức Cơ,<br>tỉnh Gia Lai.   | Phản ánh con gái bà Hoa là cháu Phan Thị Phương Thảo, sinh năm 2002 bị ông Phan Văn Chinh thực hiện hành vi dâm ô.   | Có công văn số 215/BVCSTE-BVTE ngày 05/5/2017 chuyển đơn đến Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền     |
| 27 | Ông Lê Văn Hiếu<br>Thôn Trung Lập, xã Tri Trung, huyện<br>Phú Xuyên, thành phố Hà Nội                         | Phản ánh việc con gái ông Hiếu là cháu Lê Văn Khánh, sinh năm 2013 bị ông Nguyễn Quốc Hi trú cùng thôn thực hiện hành vi dâm ô.  | Có công văn số 216/BVSTE-BVTE ngày 05/5/2017 chuyển đơn đến VKSND huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền                       |
| 28 | Bà Võ Thị Xuân<br>Tổ dân phố 7, phường Ninh Hiệp, thị<br>xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa                          | Phản ánh việc con gái bà Xuân là cháu Lê Trung Hoa (sinh năm 2007) bị ông Phạm Văn Hải thực hiện hành vi dâm ô (02 lần).   | Có công văn số 352/BVSTE-BVTE ngày 22/6/2017 chuyển đơn đến Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền |
| 29 | Bà Trần Thị Mỹ Châu<br>Số 44/21 đường số 9, KP5, phường<br>Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố<br>Hồ Chí Minh. | Phản ánh việc cháu Nhi bị Nguyễn Thanh Đông, giáo viên hợp đồng dạy tin học của trường thực hiện hành vi xâm hại tình dục ngay tại lớp học.  | Có công văn số 333/BVCSTE-BVTE ngày 14/6/2017 chuyển đơn đến Công an thành phố HCM để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền                                 |
| 30 | Bà Trần Thị Hà<br>Thạnh Mỹ 3, xã Thạnh Mỹ, huyện<br>Nam Giang, tỉnh Quảng Nam                                 | Phản ánh việc con gái bà là cháu Mạc Thị Kim Chi, sinh năm 2007, học sinh trường Tiểu học Zơ Nông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam bị ông Nguyễn Văn Chung, giáo viên trường Tiểu học Zơ Nông hiếp dâm.  | Có công văn số 370/BVCSTE-BVTE ngày 04/7/2017 chuyển đơn đến Công an tỉnh Quảng Nam để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền                                |
| 31 | Bà Hữu Thị Lợi<br>Áp 7, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình,<br>tỉnh Cà Mau.  | Phản ánh việc con gái bà Lợi là cháu Hồ Mộng Kiều, sinh năm 2004 bị ông Hữu Bê, sinh năm 1960, trú tại ấp 7, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xâm hại tình dục nhiều lần (từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2017).  | Có công văn số 562/TE-BVTE ngày 08/9/2017 chuyển đơn đến Công an tỉnh Cà Mau để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền                                       |
| 32 | Ông Nguyễn Văn Ô<br>Thôn Bái Hạ, xã Toàn Thắng, huyện<br>Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.                             | Phản ánh việc cháu ông là cháu Nguyễn Văn Minh, sinh năm 2001, đánh nhau với cháu Nguyễn Văn Tuyến, sinh năm 2003. Tối cùng ngày, cháu Tuyến bị đau đầu, được bệnh viện kết luận bị tụ máu ngoài màng cứng thùy trái và được điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương ba đợt. | Có công văn số 527/TE-BVTE ngày 8/9/2017 chuyển đơn đến TAND tỉnh Hải Dương để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |

|                 |  |  |  |
|-----------------|--|--|--|
| 33              | Bà Phạm Thị Hưng<br>Số 135 phố Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang  | Phản ánh việc con gái bà là cháu Nguyễn Phạm Bảo Châu, sinh năm 2005 bị ông Dương Minh Quân, trú tại thôn Tè, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thực hiện hành vi hiếp dâm.   | Có công văn số 418/BVCSTE-BVTE ngày 26/7/2017 chuyển Công an tỉnh Bắc Giang để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền        |
| <b>Năm 2018</b> |  |  |  |
| 34              | Bà Hoàng Thị Thơm<br>Thôn Vệ Xá, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  | Phản ánh về việc con gái bà là cháu Nguyễn Thị Kim Thoa sinh năm 2004 bị ông Nguyễn Văn Ba chủ tiệm cắt tóc “Hair Salon Phương Nam” tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xâm hại tình dục khi cháu Thoa đến làm tóc                                     | Có công văn số 276/TE-BVTE ngày 21/5/2018 chuyển đến Công an huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền                 |
| 35              | Bà Liễu Thị Tuyết trú tại thôn 13, xóm Động, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang  | Phản ánh về việc gia đình bà Đỗ Thị Trụ (hàng xóm) có hành vi bạo lực thể chất và tinh thần đối bà và các con (cháu Liễu Mạnh Toàn, học sinh lớp 8; cháu Liễu Thị Thương Ngọc, học sinh lớp 2 và 1 cháu mới sinh năm 2017)   | Có công văn số 276/TE-BVTE ngày 21/5/2018 chuyển đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thẩm quyền  |
| 36              | Bà Trang Thị Luân<br>Số nhà 5 ngách 35/45 đường Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội                                     | Phản ánh về việc bà và 2 con nhỏ là cháu Bảo Phúc sinh năm 2014 và cháu Linh sinh năm 2002 bị gia đình ông Bình, bà Nhâm và con gái Nguyễn Hương Giang trú tại số nhà 07, ngách 41, ngõ 113, tổ 36, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đánh đập và cướp tài sản | Có công văn số 377/TE-BVTE ngày 06/6/2018 chuyển đến Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền            |
| 37              | Bà Nguyễn Thị Phúc và ông Nguyễn Phương Cảnh<br>Số nhà C7/19/29 đường JK-Cao Lỗ, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh | Phản ánh về việc gia đình ông bà bị hàng xóm là bà Huỳnh Thị Ngọc Loan và ông Nguyễn Anh Quân cùng trú tại địa chỉ trên chửi mắng, đánh đập; đặc biệt con ông bà là cháu Nguyễn Hoàng Kim, 11 tháng tuổi bị bà Loan “chọi” bình gas vào đầu phải khâu 4 mũi                      | Có công văn số 403/TE-BVTE ngày 06/7/2018 chuyển đơn đến Công an huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền |
| 38              | Ông Nguyễn Minh Quy<br>Thôn 3, xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.   | Phản ánh về việc con gái ông là cháu Nguyễn Thị Minh Hiếu, sinh ngày 15/10/2001 bị ông Bùi Công Oanh sinh năm 1959 thường trú tại thôn 3, xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk khống chế, đe dọa, mua chuộc để nhiều lần xâm hại tình dục cháu Hiếu                        | Có công văn số 438/TE-BVTE ngày 20/7/2018 chuyển đơn đến Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thẩm quyền           |

|    |  |  |   |
|----|--|--|---|
| 39 | Bà Lê Lan Hương sinh Nhà 302, C3 (số 11, ngõ 158), tổ 24, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội         | Phản ánh về việc bà cùng 3 con gái đang là học sinh cấp 1, 2 bị gia đình chị Anh và anh Tuấn ở số 290, C2 (ngõ 158) tổ 24, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xúc phạm, chửi bới, đe dọa sẽ thuê người “xử lý” bà Hương cùng các con   | Có công văn số 440/TE-BVTE ngày 20/7/2018 chuyển đơn đến Công an phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền   |
| 40 | Bà Lôi Bích Vân, sinh năm 1983 và ông Nguyễn Văn Hùng Tổ 7, ấp 4B, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh | Phản ánh về việc con gái ông bà là cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan, sinh ngày 25/11/2012 bị ông Nguyễn Văn Sang (tên thường gọi là Mười Xanh) xâm hại tình dục  | Có công văn số 750/TE-BVTE ngày 08/8/2018 chuyển đơn đến Công an huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền  |
| 41 | Bà Phạm Thị Hưng Số 335 Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang                         | Phản ánh về việc con gái bà là cháu Nguyễn Phạm Bảo Châu, sinh năm 2005 là bị hại trong vụ án hình sự Dương Minh Quân bị truy tố về hành vi dâm ô đối với trẻ em. Bà Hưng cho rằng bản án số 14/2018/HSST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã tuyên không đúng tội danh, không đúng với tính chất nghiêm trọng mà Dương Minh Quân gây ra với cháu Bảo Châu | Có công văn số 553/TE-BVTE ngày 10/9/2018 chuyển đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền   |
| 42 | Ông Phạm Văn Quyền Thôn Lang Thượng, Xã Mỹ Đức, huyện An Lão, Hải Phòng  | Phản ánh về việc con gái ông là cháu Phạm Minh Anh sinh năm 2003 bị anh Trần Văn Thế xâm hại tình dục  | Có công văn số 208/TE-BVTE ngày 20/4/2018 chuyển đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền   |
| 43 | Vũ Thị Hương Số 88, khu 7, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh                                       | Kêu cứu về việc con gái bà là cháu Dương Ngọc Hà, sinh năm 2016 bị chấn thương sọ não nặng tại trường mầm non tư thục Phương Nam ngày 03/3/2018  | Có công văn số 318/TE-CSTE ngày 23/8/2018 chuyển đơn đến Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục - Đào tạo, Công an thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền |
| 44 | Ông Châu Chung Ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang  | Phản ánh việc khi ông đón cháu Châu Gia Hào (sinh ngày 27/6/2015) tại nhà trẻ Lâm Thanh Hằng thì phát hiện cháu Gia Hào có 13 vết thương bất thường trên mặt, chân, tay; trong đêm cùng ngày cháu có những biểu hiện: hoảng loạn, la hét, đau đớn, không ăn, khóc giật mình, ói..  | Công văn số 53/TE-BVTE ngày 19/01/2018 chuyển đơn đến Công an huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |

|                 |  |   |   |
|-----------------|--|---|---|
| 45              | Bà Trần Thị Rây<br>Ấp 4, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An                             | Phản ánh việc Cháu Bùi Thị Thùy Dung, sinh năm 2001, là con gái của bà Rây bị Trần Huỳnh Anh Tuấn thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần.   | Có công văn số 54/TE-BVTE ngày 19/01/2018 chuyển đơn đến Công an thành phố Hồ Chí Minh để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |
| 46              | Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ và vị thành niên (CSAGA) | Đơn thư phản ánh cuối tháng 12/2016, cháu Nguyễn Thị Quỳnh (lúc đó 17 tuổi), con gái của ông Nguyễn Khả Vinh bị Nguyễn Khả Tú (là hàng xóm liền kề nhà ông Vinh) thực hiện hành vi hiếp dâm hai lần dẫn đến hậu quả là cháu Quỳnh có thai và sinh con vào tháng 10/2017.            | Có công văn số 106/TE-BVTE ngày 05/3/2018 chuyển đơn đến Công an huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội để xác minh thông tin và giải quyết theo thẩm quyền  |
| 47              | Bà Hoàng Thị Duyên<br>Thôn Bãi Vàng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                | Phản ánh về việc cháu Triệu Công Đoàn 14 tuổi là con nuôi của ông Triệu Văn Giòong trú tại thôn Bãi Vàng, xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị bố mẹ đuổi ra khỏi nhà. Hiện nay cháu Đoàn không được đi học, sống lang thang nhờ vào lòng thương của người dân địa phương. | Có công văn số 139/TE-BVTE ngày 22/3/2018 gửi Sở LĐTBXH tỉnh Lạng Sơn đề nghị xác minh và có biện pháp hỗ trợ, can thiệp  |
| <b>Năm 2019</b> |  |   |   |
| 48              | Vũ Viết Mạnh<br>Thôn Đồng Lệ, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội                             | Tố cáo đối tượng Nguyễn Trọng Trình, trú tại thôn Lưu Xá, xã Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội có hành vi hiếp dâm con gái ông là cháu Vũ Như Quỳnh (sinh năm 2009) vào trưa ngày 24/2/2019  | Có công văn số 122/TE-BVTE gửi Sở LĐTBXH Hà Nội đề nghị có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với cháu Quỳnh; công văn số 130/TE-BVTE ngày 19/3/2019 gửi Công an thành phố Hà Nội, Công an huyện Chương Mỹ để xem xét, giải quyết                             |
| 49              | Tổ chức Blue Dragon<br>Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                | Phản ánh nhiều trẻ em nhỏ tuổi hoặc khuyết tật đi cùng người lớn lang thang xin tiền trên một số tuyến đường của thành phố Hà Nội   | Có công văn số 139/TE-BVTE ngày 22/3/2019 gửi Sở LĐTBXH Hà Nội đề nghị xác minh và có biện pháp hỗ trợ, can thiệp đối với các trường hợp trẻ em bị bóc lột, rù rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi |
| 50              | Nguyễn Bích Ngọc<br>Xóm 7, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên                          | Tố cáo việc con gái chị là cháu Hoàng Nguyễn Bảo Yên (sinh năm 2014) đang đi học tại trường mầm non Vạn Thọ bị cô giáo Hoàng Thị Miên kéo vào nhà vệ sinh bôi chất dịch vào bộ phận sinh dục  | Có công văn số 184/TE-BVTE ngày 09/4/2019 gửi Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên đề nghị phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh và có biện pháp hỗ trợ, can thiệp  |

|    |  |   |  |
|----|--|---|--|
| 51 | Nguyễn Thị Vỹ<br>Xóm 11, xã Kim Thành, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An               | Khiếu nại việc cháu bà là Bình (sinh năm 2004) và tháng 10/2018 bị Công an bắt giữ, đánh đập và giữ xe máy (BKS:38F3-7714) không có lý do   | Có công văn số 190/TE-BVTE ngày 11/4/2019 chuyển đơn đến Công an TP.Vinh, tỉnh Nghệ An để giải quyết theo thẩm quyền                                       |
| 52 | Một người dân xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                      | Về việc cháu Nguyễn Thị Hằng (sinh năm 2004), trú tại khu 4, xã Dị Nậu, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ mang thai khoảng 8 tháng. Mẹ cháu đã mất năm 20119, bố là Nguyễn Văn Hải (40 tuổi) nghi là thủ phạm xâm hại cháu   | Có công văn số 198/TE-BVTE ngày 12/4/2019 gửi Sở LĐTBXH tỉnh Phú Thọ đề nghị phối hợp với các cơ quan liên quan xác minh và có biện pháp hỗ trợ, can thiệp |
| 53 | Phạm Văn Quyền<br>Thôn Lang Thượng, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, TP. Hải Phòng | Tổ cáo ông Trần Văn Thế, trú tại thôn Minh Khai, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, TP. Hải Phòng, ông Ngô Văn Dũng, trú tại thôn Kim Châm, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, TP. Hải Phòng hiếp dâm con gái ông là cháu Phạm Minh Anh (sinh năm 2003)   | Có công văn số 237/TE-BVTE ngày 02/5/2019 chuyển đơn đến Công an TP.Hải Phòng để giải quyết theo thẩm quyền  |
| 54 | Bùi Thị Hiền<br>Xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận                 | Về việc con gái bà là cháu Lê Thị Thanh Tâm (sinh năm 2002), trú tại thôn Yên Cư, xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình bị 04 đối tượng là Vũ Văn Thái; Cư (huyện Yên Khánh); Phương và Tuyên (huyện Kim Sơn) xâm hại tình dục   | Có công văn số 242/TE-BVTE ngày 13/5/2019 chuyển đơn đến Công an huyện Kim Sơn, Công an huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình để giải quyết theo thẩm quyền      |
| 55 | Công ty Luật TNHH KoCi   | Về việc cháu Trần Thị Ánh Tuyết (sinh năm 2004), trú tại thôn Kênh Hội, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bị ông Trần Văn Dũng (chồng của cô ruột), sinh năm 1985, trú tại thôn Ngọc Tân, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định hiếp dâm nhiều lần (từ tháng 6/2018 đến 8/2018) và đe dọa sẽ giết cả gia đình nếu cháu tiết lộ sự việc | Có công văn số 242/TE-BVTE ngày 13/5/2019 chuyển đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để giải quyết theo thẩm quyền        |
| 56 | Phạm Quang Liêm<br>Xã Tân Nhật, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh          | Kêu cứu về việc con gái ông là cháu Phạm Ngọc Liên, sinh năm 2016 bị ông Huỳnh Thanh Tâm, trú tại số 21/2H đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP. HCM dâm ô  | Có công văn số 294/TE-BVTE ngày 28/5/2019 chuyển đơn đến Công an huyện Nhà Bè, TP.HCM để giải quyết theo thẩm quyền  |

|    |   |   |   |
|----|---|---|---|
| 57 | Văn phòng luật sư Nguyễn Thùy   | Tố cáo ông Nguyễn Hữu Sơn (sinh năm 1961), trú tại thôn 3, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai đã giết hại cháu Lê Đình Tuấn Anh (sinh năm 2011) - là con đẻ của ông Lê Đình Đức ngày 08/10/2013  | Có công văn số 314/TE-BVTE ngày 07/6/2019 chuyển đơn đến Công an TP. Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền   |
| 58 | Vũ Thị Hương<br>Số 88, khu 7, phường Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh | Kêu cứu về việc con gái bà là cháu Dương Ngọc Hà, sinh năm 2016 bị chấn thương sọ não nặng tại trường mầm non tư thục Phương Nam ngày 03/3/2018   | Có công văn số 354/TE-BVTE ngày 19/6/2019 chuyển đơn đến Công an thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo thẩm quyền                                      |
| 59 | Nguyễn Thị Tuyết<br>Khối 4, thị trấn EA Tĩnh, huyện Cư giút, tỉnh Đắk Lắk       | Khiếu nại kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Cư Jút về nội dung tố cáo hành vi hiếp dâm của Hoàng Thanh Tùng với con gái của bà là Nguyễn Thị Ngọc Hiếu (sinh năm 2012) | Cục Trẻ em có văn bản số 652/BVCSTE – BVTE ngày 31/10/2019 chuyển đơn đến Công an tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết theo thẩm quyền                                    |
| 60 | Trần Thanh Trí<br>Áp Cây Gòn, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh       | Đề nghị xem xét về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè không khởi tố vụ án con của ông bị xâm hại tình dục  | Thanh tra có văn bản số 1257/HD-TTr ngày 19/3/2019 hướng dẫn công dân gửi đơn đến Công an và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền |
| 61 | Dương Văn Lắc<br>Thôn Đá Cối, xã Giao Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang      | Tố giác về việc con gái ông bị Lãnh Văn Khương ở cùng địa phương hiếp dâm nhiều lần (đơn không ký tên)  | Đơn không đủ điều kiện xử lý (Lưu)  |
| 62 | Lưu Văn Hải<br>Số 10, tổ 10 Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội        | Phản ánh về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đống Đa không khởi tố vụ án xâm hại tình dục đối với cháu của ông   | Thanh tra có văn bản số 632/CĐ-TTr ngày 19/3/2019 chuyển đơn đến Công an thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết theo thẩm quyền   |
| 63 | Tạ Đình Thê<br>Số 7 Nhị Hà, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa                 | Kiến nghị về việc sửa đổi Luật Giáo dục, thông tin một số vụ xâm hại tình dục trẻ em  | Đơn đã gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết (Lưu)   |



**Phụ lục VII**  
**CHƯƠNG TRÌNH/KẾ HOẠCH PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH**  
**VỀ PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

| STT | Chương trình/Kế hoạch phối hợp                     | Ngày ký ban hành | Nội dung   |
|-----|--|------------------|--|
| 1   | Chương trình phối hợp số 4883/CTPH-BVHTTDL-HLHPNVN | 23/11/2016       | Chương trình phối hợp giữa Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện lĩnh vực gia đình năm 2017   |
| 2   | Chương trình phối hợp số 917/Ctr-BGDĐT- BVHTTDL    | 20/12/2016       | Chương trình phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch về chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học giai đoạn 2016-2020                   |
| 3   | Chương trình phối hợp số 35-CCPH/TWĐT- BLĐT BXH    | 27/3/2017        | Chương trình phối hợp công tác giữa Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2017-2020   |
| 4   | Chương trình phối hợp số 185                       | 06/7/2017        | Chương trình phối hợp trong công tác nhân đạo giai đoạn 2017 - 2020 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam  |
| 5   | Chương trình phối hợp                              | 20/9/2017        | Chương trình phối hợp công tác giữa Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin Việt Nam giai đoạn 2017-2022.  |
| 6   | Chương trình số 1883/CTr- BLĐT BXH-BYT             | 16/5/2018        | Chương trình phối hợp giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới giai đoạn 2018-2021           |
| 7   | Chương trình phối hợp số 3836/CCPH- BLĐT BXH-HKHN  | 13/9/2018        | Chương trình phối hợp giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Hội Khuyến học Việt Nam trong hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2018-2023 |

|    |   |            |  |
|----|---|------------|--|
| 8  | Chương trình phối hợp số 01                 | 24/01/2019 | Phối hợp công tác giữa Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2019 - 2023.   |
| 9  | Kế hoạch số 1018 ngày 14/3/2019             | 11/3/2019  | Kế hoạch phối hợp giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Bộ Giáo dục và Đào tạo về dự phòng nghiện ma túy trong học sinh, sinh viên đến năm 2020   |
| 10 | Quy chế số 01/QC-BCA-BLĐTBXH                | 25/7/2019  | Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và lĩnh vực lao động, người có công và xã hội |
| 11 | Chương trình số 4445-CTPH/BLĐTBXH-TWHLHPNVN | 18/10/2019 | Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2019-2022   |
| 12 | Kế hoạch số 5533/KH-BLĐTBXH-BGDĐT           | 19/12/2019 | Kế hoạch phối hợp công tác giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với Bộ Giáo dục và Đào tạo về phòng, chống xâm hại trẻ em giai đoạn 2019-2022  |

**Phụ lục VIII**  
**TỔNG HỢP ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**  
**CÁC CHƯƠNG TRÌNH/KẾ HOẠCH**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

| TT       | Tên địa phương                | Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 | Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim | Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 | Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE giai đoạn 2016-2020 | Đề án chăm sóc trẻ em vì sự phát triển toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Thực hiện Thông báo số 324/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng tại Hội nghị trực tuyến |
|----------|-------------------------------|--|---|--|---|--|---|--|--|---|---|---|
| <b>I</b> | <b>Vùng Miền núi phía Bắc</b> |  |   |  |   |  |   |  |  |   |   |   |
| 1        | Hà Giang                      | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 2        | Tuyên Quang                   | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| 3        | Cao Bằng                      | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   |   | x   |
| 4        | Lạng Sơn                      | x  | x   | x  | x   |  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 5        | Lào Cai                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 6        | Yên Bái                       | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 7        | Thái Nguyên                   | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| 8        | Bắc Kạn                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 9        | Phú Thọ                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 10       | Bắc Giang                     | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 11       | Hòa Bình                      | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |

| TT         | Tên địa phương             | Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 | Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim | Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 | Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE giai đoạn 2016-2020 | Đề án chăm sóc trẻ em vì sự phát triển toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Thực hiện Thông báo số 324/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng tại Hội nghị trực tuyến |
|------------|----------------------------|--|---|--|---|--|---|--|--|---|---|---|
| 12         | Sơn La                     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   |   | x   |
| 13         | Lai Châu                   | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 14         | Điện Biên                  | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| <b>II</b>  | <b>Đồng bằng Sông Hồng</b> |  |   |  |   |  |   |  |  |   |   |   |
| 15         | Hà Nội                     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 16         | Hải Phòng                  | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 17         | Quảng Ninh                 | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 18         | Hải Dương                  | x  |   | x  | x   |  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 19         | Hưng Yên                   | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| 20         | Vĩnh Phúc                  | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 21         | Bắc Ninh                   | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 22         | Hà Nam                     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 23         | Nam Định                   | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 24         | Ninh Bình                  | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 25         | Thái Bình                  | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| <b>III</b> | <b>Miền Trung</b>          |  |   |  |   |  |   |  | x  |   |   |   |

| TT | Tên địa phương | Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 | Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim | Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 | Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE giai đoạn 2016-2020 | Đề án chăm sóc trẻ em vì sự phát triển toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Thực hiện Thông báo số 324/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng tại Hội nghị trực tuyến |
|----|----------------|--|---|--|---|--|---|--|--|---|---|---|
| 26 | Thanh Hoá      | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 27 | Nghệ An        | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 28 | Hà Tĩnh        | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 29 | Quảng Bình     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 30 | Quảng Trị      | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 31 | Thừa Thiên Huế | x  |   | x  | x   |  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 32 | Đà Nẵng        | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 33 | Quảng Nam      | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 34 | Quảng Ngãi     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 35 | Bình Định      | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 36 | Phú Yên        | x  | x   | x  | x   |  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 37 | Khánh Hòa      | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 38 | Ninh Thuận     | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 39 | Bình Thuận     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| IV | Tây Nguyên     |  |   |  |   |  |   |  | x  |   |   |   |
| 40 | Đắk Lắk        | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |

| TT        | Tên địa phương                 | Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 | Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim | Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 | Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE giai đoạn 2016-2020 | Đề án chăm sóc trẻ em vì sự phát triển toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Thực hiện Thông báo số 324/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng tại Hội nghị trực tuyến |
|-----------|--------------------------------|--|---|--|---|--|---|--|--|---|---|---|
| 41        | Đắk Nông                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| 42        | Gia Lai                        | x  | x   | x  | x   |  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 43        | Kon Tum                        | x  |   | x  | x   |  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 44        | Lâm Đồng                       | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| <b>V</b>  | <b>Đông Nam Bộ</b>             |  |   |  |   |  |   |  |  |   |   |   |
| 45        | TP.Hồ Chí Minh                 | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 46        | Đồng Nai                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 47        | Bình Dương                     | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| 48        | Bình Phước                     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  |  | x   | x   | x   |
| 49        | Tây Ninh                       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 50        | Bà Rịa - Vũng Tàu              | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |
| <b>VI</b> | <b>Đồng bằng Sông Cửu long</b> |  |   |  |   |  |   |  |  |   |   |   |
| 51        | Long An                        | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  | x   | x   | x   |

| TT | Tên địa phương | Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 | Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim | Kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2016-2020 | Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng, chống TNTT trẻ em giai đoạn 2016-2020 | Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu LĐTE giai đoạn 2016-2020 | Đề án chăm sóc trẻ em vì sự phát triển toàn diện trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 | Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ | Thực hiện Thông báo số 324/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng tại Hội nghị trực tuyến |
|----|----------------|--|---|--|---|--|---|--|--|---|---|---|
| 52 | Tiền Giang     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 53 | Bến Tre        | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 54 | Trà Vinh       | x  | x   | x  | x   | x  | x   |  |  |   | x   | x   |
| 55 | Vĩnh Long      | x  |   | x  | x   | x  | x   |  | x  |   | x   | x   |
| 59 | Cần Thơ        | x  |   | x  | x   | x  | x   | x  |  | x   | x   | x   |
| 60 | Hậu Giang      | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 61 | Sóc Trăng      | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  |  | x   | x   | x   |
| 57 | An Giang       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  |  |   | x   | x   |
| 56 | Đồng Tháp      | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 58 | Kiên Giang     | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  | x   | x   | x   |
| 62 | Bạc Liêu       | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
| 63 | Cà Mau         | x  | x   | x  | x   | x  | x   | x  | x  |   | x   | x   |
|    | <b>Tổng số</b> | <b>63</b>  | <b>43</b>   | <b>63</b>  | <b>63</b>   | <b>57</b>                                      | <b>63</b>   | <b>41</b>  | <b>47</b>  | <b>29</b>   | <b>61</b>   | <b>63</b>   |

**Phụ lục IX**  
**VỀ TỔ CHỨC – NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC TRẺ EM**  
**(Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2019)**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

**1. Cấp Trung ương:**

- Tổ chức: Cục Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Số lượng cán bộ/công chức làm công tác trẻ em cấp Trung ương: 78 người (trong đó 34 công chức quản lý nhà nước, 13 viên chức, 24 hợp đồng lao động, 07 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP).

**2. Cấp tỉnh**

- Tên phòng phụ trách công tác quản lý nhà nước về trẻ em cấp tỉnh:

| TT        | Tên phòng  | Số lượng | Tỉnh, thành phố  |
|-----------|--|----------|--|
| <b>I</b>  | <b>Phòng thực hiện chức năng quản lý trẻ em riêng</b>      |          |  |
| 1         | Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em                              | 3        | Quảng Ninh, Lai Châu, Điện Biên  |
| <b>II</b> | <b>Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới – 44 tỉnh, thành phố</b> |          |  |
| 2         | Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới            | 30       | Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Bình Thuận, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Kiên Giang, Kon Tum, Nam Định, Nghệ An, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc |
| 3         | Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em - Bình đẳng giới             | 3        | An Giang, Bạc Liêu, Long An  |
| 4         | Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới                             | 6        | Đắk Nông, Hà Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Tiền Giang, Yên Bái   |
| 5         | Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới                              | 1        | Đồng Tháp  |
| 6         | Phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới             | 3        | Gia Lai, Hà Nam, Hà Nội  |
| 7         | Phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em - Bình đẳng giới              | 1        | Phú Yên  |



|            |  |           |                             |
|------------|--|-----------|-----------------------------|
|            |  |           |                             |
| <b>III</b> | <b>Phòng Trẻ em và Bảo trợ xã hội/Người có công/ Phòng, chống tệ nạn xã hội – 11 tỉnh</b>  |           |                             |
| 8          | Phòng Bảo trợ xã hội – Bảo vệ chăm sóc trẻ em  | 1         | Lâm Đồng                    |
| 9          | Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em  | 1         | Lào Cai                     |
| 10         | Phòng Bảo trợ xã hội và Trẻ em   | 1         | Quảng Bình                  |
| 11         | Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em – Bình đẳng giới   | 3         | Hà Tĩnh, Phú Thọ, Khánh Hòa |
| 12         | Phòng Bảo trợ xã hội – Trẻ em và Bình đẳng giới  | 1         | Trà Vinh                    |
| 13         | Phòng Bảo trợ xã hội trẻ em và Bình đẳng giới  | 1         | Vĩnh Long                   |
| 14         | Phòng Bảo trợ xã hội và Bảo vệ chăm sóc trẻ em   | 1         | Sơn La                      |
| 15         | Phòng Người có công và Bảo vệ chăm sóc trẻ em  | 1         | Bắc Kạn                     |
| 16         | Phòng, Phòng chống tệ nạn xã hội và Bảo vệ chăm sóc trẻ em                                 | 1         | Ninh Bình                   |
| <b>IV</b>  | <b>Phòng có chức năng quản lý nhà nước về trẻ em nhưng không có tên “trẻ em” – 05 tỉnh</b> |           |                             |
| 17         | Phòng Bảo trợ và Bình đẳng giới  | 1         | Cà Mau                      |
| 18         | Phòng Bảo trợ xã hội   | 1         | Bà Rịa – Vũng Tàu           |
| 19         | Phòng Người có công và Xã hội  | 1         | Ninh Thuận                  |
| 20         | Phòng Quản lý lĩnh vực xã hội  | 1         | Bình Phước                  |
| 21         | Phòng Xã hội   | 1         | Cần Thơ                     |
|            | <b>Tổng</b>  | <b>63</b> |                             |

- Thành lập Ban Chỉ đạo/Ban Điều hành công tác Trẻ em cấp tỉnh: 63/63 tỉnh/thành phố

### 3. Cấp huyện

| Tổng số quận, huyện, thị xã | Số lượng công chức làm công tác trẻ em cấp huyện |            |              | Số huyện thành lập Ban Chỉ đạo/Ban điều hành công tác trẻ em |
|-----------------------------|--|------------|--------------|--|
|                             | Tổng số  | Kiểm nhiệm | Chuyên trách |  |
| 712                         | 1.168  | 974        | 194          | 662  |

**Phụ lục X**  
**CHÍNH SÁCH CHO ĐỘI NGŨ CỘNG TÁC VIÊN CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*

| <b>STT</b> | <b>Tỉnh, thành phố</b> | <b>Văn bản</b>  | <b>Định mức</b>  |
|------------|------------------------|---|--|
| 1          | An Giang               | Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 19/4/2011  | CTV hưởng mức 50.000 đồng/người/tháng  |
| 2          | Bà Rịa - Vũng Tàu      | Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 15/01/2013   | - CTV khu phố, thôn, ấp được hỗ trợ 0,3 mức lương tối thiểu/tháng;<br>- Cán bộ thực hiện nhiệm vụ BVCSTE ở xã, phường, thị trấn được hỗ trợ 10% mức lương tối thiểu/tháng  |
| 3          | Bắc Ninh               | Nghị quyết 102/2018/NQ-HĐND ngày 17/4/2018  | - CTV Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Bảo vệ, chăm sóc trẻ em<br>- Từ nguồn NS địa phương<br>- Mức hỗ trợ: hệ số 0,3 của mức lương cơ sở.  |
| 4          | Bình Định              | Quyết định số 52/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 về phê duyệt đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thôn, làng, khu phố, làm công tác BVCSTE tỉnh Bình Định | Mức hỗ trợ: 115.000 đồng/người/cộng tác viên/tháng   |
| 5          | Bình Dương             | Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019  | - CTV làm công tác BVCSTE và bình đẳng giới<br>- Số lượng: Mỗi khu, ấp 01 cộng tác viên.<br>- Mức hỗ trợ: 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng/cộng tác viên. Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho cộng tác viên, trừ số cộng tác viên đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế.<br>- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách xã, phường, thị trấn theo phân cấp ngân sách hiện hành. |
| 6          | Bình Phước             | Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010   | - CTV ở thôn, ấp, khu phố được hỗ trợ mức 0,1 hệ số lương tối thiểu chung;<br>- Hỗ trợ phụ cấp cho cán bộ xã, phường, thị trấn phụ trách công tác BVCSTE hệ số 0,15 mức lương tối thiểu chung  |

| STT | Tỉnh, thành phố | Văn bản  | Định mức  |
|-----|-----------------|--|---|
| 7   | Bình Thuận      | Nghị quyết số 58/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018   | - Mức hỗ trợ: 200.000 đồng/người/tháng.<br>- Số lượng: 01 CTV/khu phố/tổ dân cư. Những thôn, bản, khu phố có trên 500 hộ gia đình có trẻ em thì xem xét bổ sung thêm 01 CTV.<br>- Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ ngân sách xã, phường, thị trấn được bố trí trong dự toán hàng năm. |
| 8   | Đà Nẵng         | Công văn số 5313/UBND-VX ngày 17/7/2012 về việc phê duyệt một số nội dung hoạt động và mức chi chương trình BVTE giai đoạn 2011 – 2015   | Mức phụ cấp: 75.000 đồng/người/tháng  |
| 9   | Đắk Lắk         | Nghị quyết số 105/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013   | CTV thôn, buôn, tổ dân phố được hỗ trợ hàng tháng mức 0,15 lần mức lương tối thiểu  |
| 10  | Đồng Tháp       | Quyết định số 1150/QĐ-UBND-HC ngày 8/9/2009 về việc thực hiện chế độ thù lao cho cộng tác viên dân số làm công tác quản lý, chăm sóc trẻ em.   | Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/người/tháng   |
| 11  | Hung Yên        | Quyết định 1675/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 quy định hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, khu phố   | Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/tháng/CTV   |
| 12  | Khánh Hòa       | Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 30/10/2012   | Mức hỗ trợ: 70.000đ/người/tháng   |
| 13  | Lạng Sơn        | Nghị quyết số 80/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012   | - CTV dân số - kế hoạch hóa gia đình - trẻ em<br>- Mức hỗ trợ hệ số 0,15 mức lương tối thiểu  |
| 14  | Long An         | Hướng dẫn liên sở Y tế - Lao động – Thương binh và Xã hội – Văn hóa, Thể thao và Du lịch số 665/HDLS-YT-LĐ-VH ngày 08/6/2011 về chức năng, nhiệm vụ cộng tác viên Dân số, Gia đình và Trẻ em | CTV được cấp 250.000 đồng/người/tháng và 01 thẻ BHYT (ngoài mức thù lao của Trung ương theo quy định hàng năm)  |
| 15  | Nghệ An         | Nghị quyết số 43/2012/NQ-HĐND ngày 20/4/2012   | CTV ở xóm, khối, bản được hỗ trợ 0,1 mức lương tối thiểu  |
| 16  | Phú Thọ         |  | 50.000/CTV/tháng– NSTW; 50.000/CTV/tháng– dự án   |
| 17  | Phú Yên         | Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 v/v quy định số lượng, mức phụ cấp CTV làm công tác BVCSTE  | CTV bảo vệ, chăm sóc trẻ em<br>0,15 lần mức lương cơ sở   |

| STT | Tỉnh, thành phố       | Văn bản   | Định mức  |
|-----|-----------------------|---|---|
| 18  | Quảng Ngãi            | Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016                 | Bố trí mỗi thôn, tổ dân phố một (01) cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (BVCS và GDTE) trên cơ sở sử dụng đội ngũ cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hiện có ở thôn, tổ dân phố.<br>Mức hỗ trợ: 100.000đồng/người/tháng.   |
| 19  | Quảng Ninh            | Quyết định số 74/2010/QĐ-UBND ngày 12/01/2010                 | CTV hoạt động công tác xã hội ở thôn, bản, khu phố được hưởng 50.000đồng/người/tháng từ Chương trình mục tiêu quốc gia về dân số và hưởng trợ cấp bằng 0,2 mức lương tối thiểu chung  |
| 20  | Tây Ninh              | Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐND ngày 20/3/2013                  | CTV làm công tác BVCSTE hưởng mức thù lao bằng 0,2 mức lương tối thiểu chung  |
| 21  | Thái Nguyên           | Đề án số 988/ĐA-UBND ngày 29/6/2010                           | CTV được hưởng thù lao 70.000 đồng/người/tháng  |
| 22  | Thành phố Hà Nội      | Quyết định 649/QĐ-UB ngày 05/2/2015 của UBND thành phố Hà Nội | Giao nhiệm vụ Bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cộng tác viên Dân Số-Kế hoạch hóa gia đình<br>Cộng tác viên Dân Số-Kế hoạch hóa gia đình tại thôn, tổ dân phố ngoài mức thù lao hàng tháng đang được hưởng (theo Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND(hệ số 0,33 và 0,43 đối vùng dân tộc, khó khăn) ngày 17/7/2009 của Hội đồng Nhân dân Thành phố và kinh phí Trung ương hỗ trợ) được hỗ trợ thêm hệ số 0,10 (so với lương tối thiểu) |
| 23  | Thành phố Hồ Chí Minh | Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010                 | - CTV thuộc địa bàn 12 quận: 200.000đ/người/tháng<br>- CTV thuộc địa bàn 05 huyện: 240.000đ/người/tháng<br>(CTV Dân số - KHH gia đình và bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại tổ dân phố, khu phố, ấp)   |
| 24  | Thừa Thiên Huế        | Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 09/9/2011                  | - CTV ở thôn, bản, tổ dân phố được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng định mức 0,1 – 0,15 hệ số lương tối thiểu chung;<br>- Hàng năm ngân sách địa phương bố trí từ 0,15% đến 0,2% ngân sách chi thường xuyên của tỉnh bổ sung cho Sở LĐTĐ nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản nhất cho các hoạt động sự nghiệp BVCSGDTE   |

**Phụ lục XI**  
**CÁC CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tư pháp*

|                   | Tên gọi                         | Loại hình  |                |
|-------------------|---------------------------------|------------|----------------|
|                   |                                 | Công lập   | Ngoài công lập |
| <b>Trung ương</b> |                                 | <b>2</b>   |                |
| <b>Cấp tỉnh</b>   | <b>Tổng số</b>                  | <b>175</b> | <b>31</b>      |
|                   | Trung tâm bảo trợ xã hội        | 63         |                |
|                   | Trung tâm công tác xã hội       | 32         |                |
|                   | Trung tâm trợ giúp pháp lý      | 63         |                |
|                   | Làng trẻ em SOS                 | 17         |                |
|                   | Cơ sở khác                      |            | 31             |
| <b>Cấp huyện</b>  | <b>Tổng số</b>                  |            | <b>103</b>     |
|                   | Trung tâm /cơ sở bảo trợ xã hội |            | 56             |
|                   | Trung tâm công tác xã hội       |            |                |
|                   | Trung tâm trợ giúp pháp lý      |            |                |
|                   | Cơ sở khác                      |            | 47             |
| <b>Cộng</b>       |                                 | <b>177</b> | <b>134</b>     |
| <b>Tổng số</b>    |                                 | <b>311</b> |                |

*\* Hiện nay, chưa thống kê cụ thể về số lượng cơ sở chuyên biệt, không chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; số cơ sở bị đình chỉ hoạt động, chấm dứt hoạt động.*



| STT        | Chỉ tiêu                        | Tổng cộng        | Bộ Quốc<br>phòng | Bộ Công<br>an | Bộ<br>GD&ĐT | Tòa án<br>nhân dân<br>tối cao | Bộ Tư pháp   | Bộ<br>LĐTBXH  | TW Hội<br>LHPN Việt<br>Nam | TW Đoàn<br>TNCS<br>HCM | Địa phương       |
|------------|---------------------------------|------------------|------------------|---------------|-------------|-------------------------------|--------------|---------------|----------------------------|------------------------|------------------|
| <b>III</b> | <b>Năm 2017</b>                 | <b>936.475</b>   | <b>5.000</b>     | <b>1.515</b>  | <b>500</b>  | <b>130</b>                    | <b>1.217</b> | <b>18.720</b> | <b>9.700</b>               | <b>150</b>             | <b>899.543</b>   |
| 1          | NSNN                            | 887.868          | 5.000            | 1.400         | 500         | 130                           |              | 18.720        | 2.200                      |                        | 859.918          |
| 2          | Vốn vay                         | 0                |                  |               |             |                               |              |               |                            |                        |                  |
| 3          | Viện trợ                        | 19.851           |                  | 115           |             |                               | 1.217        |               | 7.500                      |                        | 11.019           |
| 4          | Huy động                        | 28.756           |                  |               |             |                               |              |               |                            | 150                    | 28.606           |
| <b>IV</b>  | <b>Năm 2018</b>                 | <b>1.076.646</b> | <b>5.000</b>     | <b>13.545</b> | <b>240</b>  | <b>80</b>                     | <b>1.463</b> | <b>26.040</b> | <b>10.500</b>              |                        | <b>1.019.778</b> |
| 1          | NSNN                            | 1.020.320        | 5.000            | 13.200        | 240         | 80                            |              | 26.040        | 3.000                      |                        | 972.760          |
| 2          | Vốn vay                         | 0                |                  |               |             |                               |              |               |                            |                        |                  |
| 3          | Viện trợ                        | 20.304           |                  | 345           |             |                               | 1.463        |               | 7.500                      |                        | 10.996           |
| 4          | Huy động                        | 36.022           |                  |               |             |                               |              |               |                            |                        | 36.022           |
| <b>V</b>   | <b>6 tháng đầu<br/>năm 2019</b> | <b>1.064.434</b> | <b>5.000</b>     | <b>12.120</b> | <b>200</b>  | <b>70</b>                     |              | <b>21.815</b> | <b>10.060</b>              | <b>3.111</b>           | <b>1.012.058</b> |
| 1          | NSNN                            | 1.030.559        | 5.000            | 11.200        | 200         | 70                            |              | 21.815        | 2.560                      | 100                    | 989.614          |
| 2          | Vốn vay                         | 0                |                  |               |             |                               |              |               |                            |                        |                  |
| 3          | Viện trợ                        | 16.258           |                  | 920           |             |                               |              |               | 7.500                      | 2.851                  | 4.987            |
| 4          | Huy động                        | 17.617           |                  |               |             |                               |              |               |                            | 160                    | 17.457           |

**Phụ lục XIIb**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG CHO CÔNG TÁC**  
**PHÒNG, CHỐNG XÂM HẠI TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**  
*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Tài chính*  
**Đơn vị: triệu đồng**

| STT       | Chỉ tiêu                      | Tổng cộng        | Năm 2015       | Năm 2016       | Năm 2017       | Năm 2018         | 6 tháng đầu năm 2019 |
|-----------|-------------------------------|------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|----------------------|
|           | <b>Tổng cộng</b>              | <b>4.493.301</b> | <b>742.121</b> | <b>819.801</b> | <b>899.543</b> | <b>1.019.778</b> | <b>1.012.058</b>     |
| <b>I</b>  | <b>VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC</b> | <b>97.481</b>    | <b>22.533</b>  | <b>17.890</b>  | <b>20.769</b>  | <b>18.813</b>    | <b>17.476</b>        |
| 1         | Hà Giang                      | 1.546            | 200            | 370            | 418            | 295              | 263                  |
| 2         | Tuyên Quang                   | 1.104            |                | 120            |                | 265              | 719                  |
| 3         | Cao Bằng                      |                  |                |                |                |                  |                      |
| 4         | Lạng Sơn                      | 15.738           | 2.926          | 3.415          | 3.333          | 3.655            | 2.409                |
| 5         | Lào Cai                       | 2.862            | 420            | 532            | 600            | 610              | 700                  |
| 6         | Yên Bái                       | 11.585           | 1.948          | 1.120          | 3.283          | 3.579            | 1.655                |
| 7         | Thái Nguyên                   | 15.557           | 5.632          | 3.346          | 4.376          | 1.257            | 946                  |
| 8         | Bắc Kạn                       | 17.896           | 5.101          | 3.292          | 3.049          | 3.087            | 3.367                |
| 9         | Phú Thọ                       |                  |                |                |                |                  |                      |
| 10        | Bắc Giang                     | 1.101            | 168            | 243            | 330            | 270              | 90                   |
| 11        | Hoà Bình                      | 7.211            | 1.057          | 701            | 1.490          | 1.667            | 2.296                |
| 12        | Sơn La                        | 10.632           | 1.741          | 1.385          | 2.405          | 2.483            | 2.618                |
| 13        | Lai Châu                      | 2.812            | 461            | 440            | 517            | 605              | 789                  |
| 14        | Điện Biên                     | 9.437            | 2.879          | 2.926          | 968            | 1.040            | 1.624                |
| <b>II</b> | <b>ĐÔNG BẰNG SÔNG HỒNG</b>    | <b>4.116.341</b> | <b>661.776</b> | <b>751.900</b> | <b>819.307</b> | <b>926.810</b>   | <b>956.548</b>       |
| 15        | Hà Nội                        | 4.088.728        | 656.911        | 746.994        | 813.501        | 920.909          | 950.413              |
| 16        | Hải Phòng                     | 1.259            | 470            | 90             | 191            | 338              | 170                  |
| 17        | Quảng Ninh                    |                  |                |                |                |                  |                      |



| STT        | Chỉ tiêu          | Tổng cộng     | Năm 2015      | Năm 2016      | Năm 2017      | Năm 2018      | 6 tháng đầu năm 2019 |
|------------|-------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------------|
| 18         | Hải Dương         | 13.823        | 2.327         | 2.765         | 2.888         | 2.903         | 2.940                |
| 19         | Hung Yên          |               |               |               |               |               |                      |
| 20         | Vĩnh Phúc         |               |               |               |               |               |                      |
| 21         | Bắc Ninh          | 986           | 78            | 271           | 137           | 200           | 300                  |
| 22         | Hà Nam            | 5.975         | 1.080         | 880           | 1.390         | 1.210         | 1.415                |
| 23         | Nam Định          | 150           |               |               |               | 50            | 100                  |
| 24         | Ninh Bình         | 5.420         | 910           | 900           | 1.200         | 1.200         | 1.210                |
| 25         | Thái Bình         |               |               |               |               |               |                      |
| <b>III</b> | <b>MIỀN TRUNG</b> | <b>86.775</b> | <b>17.970</b> | <b>14.745</b> | <b>17.985</b> | <b>21.357</b> | <b>14.718</b>        |
| 26         | Thanh Hoá         |               |               |               |               |               |                      |
| 27         | Nghệ An           |               |               |               |               |               |                      |
| 28         | Hà Tĩnh           | 27.069        | 6.087         | 6.087         | 5.402         | 6.419         | 3.074                |
| 29         | Quảng Bình        |               |               |               |               |               |                      |
| 30         | Quảng Trị         | 8.115         | 2.283         | 1.150         | 1.708         | 1.885         | 1.089                |
| 31         | Thừa Thiên Huế    | 10.567        | 2.090         | 1.733         | 2.072         | 2.460         | 2.212                |
| 32         | Đà Nẵng           |               |               |               |               |               |                      |
| 33         | Quảng Nam         | 7.904         | 1.146         | 1.106         | 1.349         | 2.804         | 1.499                |
| 34         | Quảng Ngãi        |               |               |               |               |               |                      |
| 35         | Bình Định         | 13.542        | 965           | 991           | 3.623         | 3.916         | 4.047                |
| 36         | Phú Yên           | 1.801         | 473           | 375           | 367           | 331           | 255                  |
| 37         | Khánh Hoà         | 2.000         | 400           | 400           | 400           | 400           | 400                  |
| 38         | Ninh Thuận        |               |               |               |               |               |                      |
| 39         | Bình Thuận        | 15.777        | 4.526         | 2.903         | 3.064         | 3.142         | 2.142                |
| <b>IV</b>  | <b>TÂY NGUYÊN</b> | <b>61.792</b> | <b>10.882</b> | <b>12.127</b> | <b>14.490</b> | <b>15.920</b> | <b>8.373</b>         |
| 40         | Đắk Lắk           |               |               |               |               |               |                      |
| 41         | Đắk Nông          | 8.595         | 4.037         | 329           | 964           | 1.703         | 1.562                |
| 42         | Gia Lai           | 17.298        | 3.619         | 2.496         | 3.018         | 4.080         | 4.085                |

| STT       | Chỉ tiêu                       | Tổng cộng      | Năm 2015      | Năm 2016      | Năm 2017      | Năm 2018      | 6 tháng đầu năm 2019 |
|-----------|--------------------------------|----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------------|
| 43        | Kon Tum                        | 30.373         | 1.838         | 8.357         | 9.328         | 9.207         | 1.643                |
| 44        | Lâm Đồng                       | 5.526          | 1.388         | 945           | 1.180         | 930           | 1.083                |
| <i>V</i>  | <b>ĐÔNG NAM BỘ</b>             | <b>15.211</b>  | <b>3.040</b>  | <b>2.814</b>  | <b>3.289</b>  | <b>3.703</b>  | <b>2.365</b>         |
| 45        | Hồ Chí Minh                    |                |               |               |               |               |                      |
| 46        | Đồng Nai                       |                |               |               |               |               |                      |
| 47        | Bình Dương                     |                |               |               |               |               |                      |
| 48        | Bình Phước                     |                |               |               |               |               |                      |
| 49        | Tây Ninh                       | 11.635         | 2.212         | 2.314         | 2.480         | 2.939         | 1.690                |
| 50        | Bà Rịa - Vũng Tàu              | 3.576          | 828           | 500           | 809           | 764           | 675                  |
| <i>VI</i> | <b>ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG</b> | <b>115.701</b> | <b>25.920</b> | <b>20.325</b> | <b>23.703</b> | <b>33.175</b> | <b>12.578</b>        |
| 51        | Long An                        | 6.667          | 905           | 754           | 1.147         | 3.076         | 785                  |
| 52        | Tiền Giang                     |                |               |               |               |               |                      |
| 53        | Bến Tre                        | 19.427         | 3.546         | 6.330         | 4.869         | 3.132         | 1.550                |
| 54        | Trà Vinh                       | 3.267          | 531           | 547           | 886           | 620           | 683                  |
| 55        | Vĩnh Long                      |                |               |               |               |               |                      |
| 56        | Cần Thơ                        |                |               |               |               |               |                      |
| 57        | Hậu Giang                      |                |               |               |               |               |                      |
| 58        | Sóc Trăng                      |                |               |               |               |               |                      |
| 59        | An Giang                       |                |               |               |               |               |                      |
| 60        | Đồng Tháp                      | 44.044         | 10.897        | 3.475         | 7.541         | 16.741        | 5.390                |
| 61        | Kiên Giang                     |                |               |               |               |               |                      |
| 62        | Bạc Liêu                       | 1.920          | 140           | 75            | 130           | 870           | 705                  |
| 63        | Cà Mau                         | 40.376         | 9.901         | 9.144         | 9.130         | 8.736         | 3.465                |

**Phụ lục XIII**  
**SỐ LIỆU LAO ĐỘNG TRẺ EM Ở VIỆT NAM**  
**VÀ MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC**

*(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)*

*Nguồn: Bộ Lao động - Thương ng binh và Xã hội*

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổng cục Thống kê, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Bộ Lao động Hoa Kỳ triển khai Khảo sát quốc gia về lao động trẻ em lần thứ nhất vào năm 2012 và lần thứ hai vào năm 2018 (không có số liệu lao động trẻ em từng năm), kết quả như sau:

a) Khảo sát năm 2012, tổng số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi là 1.754.782 em, chiếm tỷ lệ 9,6% trẻ em trong độ tuổi 5-17; phân tích từ dữ liệu Khảo sát, số lao động trẻ em dưới 16 tuổi là 1.543.082 em.

b) Khảo sát năm 2018, tổng số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi là 1.031.944 em, chiếm tỷ lệ 5,36% trẻ em trong độ tuổi 5 -17, giảm 4,24% so với kết quả Khảo sát năm 2012; phân tích từ dữ liệu Khảo sát, số lao động trẻ em dưới 16 tuổi là 790.518 em.

2. Theo Báo cáo của ILO, tỷ lệ lao động trẻ em từ 5-17 tuổi:

a) Toàn cầu: 10,6% (năm 2012) và 9,6% (năm 2016).

b) Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: 9,3% (năm 2012) và 7,4 % (năm 2016).

3. Tình hình lao động trẻ em của một số nước trong khu vực

a) Philippin: số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi chiếm tỷ lệ 10,44% trẻ em trong độ tuổi 5-17 (khảo sát quốc gia năm 2011);

b) Lào: số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi chiếm tỷ lệ 10,07% trẻ em trong độ tuổi 5-17 (khảo sát quốc gia năm 2010);

c) Myanmar: số lao động trẻ em từ 5 đến 17 tuổi chiếm tỷ lệ 9,3% trẻ em trong độ tuổi 5-17 (khảo sát quốc gia năm 2011);

d) Kyrgyzstan: số lao động trẻ em từ 5-17 tuổi chiếm tỷ lệ 27,8% trẻ em trong độ tuổi 5-17 (khảo sát quốc gia năm 2014).